

# THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 03/2025)



## MỤC LỤC

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

02. Một số văn bản của các Bộ, ngành

### ĐIỂM TIN

7. Yêu cầu truy xuất nguồn gốc đối với chuỗi cung ứng rượu vang theo tiêu chuẩn
8. Trang trại nuôi lợn nhiều tầng đáp ứng theo TCVN 14209:2024
9. Quản lý rủi ro doanh nghiệp theo ISO 31000:2018 – Yêu cầu cấp thiết cho sự phát triển bền vững
10. Quy chuẩn mới về nước thải công nghiệp, doanh nghiệp cần chuẩn bị gì?
12. Ứng dụng QCVN 25:2025/BKHCN – Nâng cao chất lượng và an toàn thiết bị điện gia đình
13. Xây dựng tiêu chuẩn Quốc tế dành cho đối tượng trẻ em là nạn nhân bạo lực
14. Cập nhật tiêu chuẩn mới dành riêng cho máy móc rô bốt ngành công nghiệp
15. Đảm bảo tính bền vững trong ngành công nghệ thông tin
16. Tiêu chuẩn Quốc tế mới về truyền tải điện không dây an toàn
18. Thúc đẩy hành động về khí hậu thông qua sử dụng tiêu chuẩn
19. Hoàn thiện hệ thống TCVN về lĩnh vực điện gió ngoài khơi
20. Tiêu chuẩn về an toàn giao thông tại Trung Quốc
21. Yêu cầu kỹ thuật về an toàn đối với trụ sạc xe điện
22. Nâng cao sức cạnh tranh ngành sữa nhờ đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13805:2023
23. Tiêu chuẩn đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả của doanh nghiệp
24. Đo lường giúp doanh nghiệp tăng khả năng cạnh tranh, đảm bảo phát triển bền vững
25. Áp dụng ISO 17025 điều kiện vàng cho sự thành công
26. Cập nhật tiêu chuẩn mới cho các thiết bị sản phẩm tiêu dùng được kết nối AI

### THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

28. Các tiêu chuẩn mới ban hành trong tháng 03/2025

## ❖ **BỘ TÀI CHÍNH**

***Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 09/2025/TT-BTC hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện "Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân kinh doanh bền vững giai đoạn 2022-2025" ban hành kèm theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 08/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.***



Xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững

Thông tư quy định rõ về nội dung chi và mức chi phát triển hệ sinh thái hỗ trợ kinh doanh bền vững. Theo đó, nội dung chi gồm: Xây dựng tài liệu về kinh doanh bền vững gồm: Bộ công cụ đánh giá mô hình kinh doanh bền vững; các ấn phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết); các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử), tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình.

Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm theo các hình thức trực tiếp, hoặc trực tuyến, hoặc kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến nhằm chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và thực tiễn tốt về kinh doanh bền vững và các mô hình kinh doanh bền vững; tập huấn, hướng dẫn, phổ biến các tài liệu quy định nêu trên; kết nối doanh nghiệp

kinh doanh bền vững với các tổ chức tín dụng, nhà đầu tư, kết nối các tổ chức, chuyên gia, doanh nghiệp thành công điển hình trong nước và quốc tế.

Tổ chức khóa bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ, quản lý về kinh doanh bền vững.

Xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững.

Mức chi được quy định như sau:

Mức chi xây dựng tài liệu về kinh doanh bền vững: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Tổ chức khóa bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hỗ trợ, quản lý về kinh doanh bền vững: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 06/2023/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC.

Xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững: thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và Điều 11, khoản 2 Điều 14 Thông tư số 52/2023/TT-BTC hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

### **Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững**

Theo Thông tư, ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững

theo các nội dung quy định tại Chương trình 167 và nội dung hỗ trợ tương ứng quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Các cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa xác định nội dung hỗ trợ cụ thể và đối tượng được hỗ trợ theo đúng quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP khi thực hiện hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững.

Nội dung chi, xác định chi phí, kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa kinh doanh bền vững theo quy định tại Thông tư số 52/2023/TT-BTC. Mức ngân sách nhà nước hỗ trợ cho từng nội dung theo định mức hỗ trợ cao nhất quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/4/2025./.

## ❖ BỘ CÔNG THƯƠNG

***Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 18/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các Thông tư quy định về kinh doanh xăng dầu.***



### **Thương nhân phải báo cáo tình hình sử dụng kho xăng dầu**

Thông tư 18/2025/TT-BCT bổ sung quy định về báo cáo tình hình sử dụng kho xăng dầu áp dụng đối với thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu và thương nhân phân phối xăng dầu sở hữu kho xăng dầu cho thuê và đi thuê kho xăng dầu; giao trách nhiệm quản lý nhà nước về tình hình sử dụng kho.

Cụ thể, đối với các thương nhân là thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu có kho xăng dầu thuộc sở hữu cho các thương nhân kinh doanh xăng dầu khác thuê sử dụng có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng quý tình hình sử dụng kho và cho thuê kho gửi về Bộ Công Thương và Sở Công Thương tại địa bàn thương nhân cho thuê kho trước ngày 10 của tháng đầu tiên của kỳ kế tiếp.

Các thông tin cần báo cáo gồm: tên và địa chỉ của kho; tổng dung tích kho; tên, địa chỉ thương nhân thuê kho, bể, dung tích cho thuê, sản lượng xăng dầu qua kho trong kỳ báo cáo.

Đối với thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu có hoạt động thuê kho để phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng quý tình hình sử dụng kho thuê gửi về Bộ Công Thương và Sở Công Thương tại địa bàn thương nhân thuê kho trước ngày 10 của tháng đầu tiên của kỳ kế tiếp.

Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sẽ kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện hợp đồng thuê kho, sản lượng xăng dầu nhập, xuất qua kho của thương nhân kinh doanh xăng dầu đi thuê kho trên địa bàn. Đồng thời, quy định trường hợp khi phát hiện thương nhân có dấu hiệu không sử dụng kho đi thuê theo hợp đồng đã ký, kịp thời báo cáo về Bộ Công Thương để phối hợp quản lý.

### **Sửa đổi, bổ sung quy định về hợp đồng đại lý bán lẻ xăng dầu**

Bên cạnh đó, Thông tư số 18/2025/TT-BCT cũng quy định về việc đại lý bán lẻ xăng dầu khi thực hiện ký hợp đồng làm đại lý bán lẻ xăng dầu. Đối với trường hợp thương nhân ký hợp đồng đại lý với hai hoặc ba thương nhân là thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu, thương nhân lập hồ sơ báo cáo thay đổi, bổ sung hợp đồng đại lý gửi về cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận, Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 20, điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP để sửa đổi, bổ sung thông tin về thương nhân

cung cấp xăng dầu trong Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu và Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

Đối với trường hợp thương nhân chỉ có một cửa hàng bán lẻ xăng dầu ký hợp đồng đại lý xăng dầu với hai hoặc ba thương nhân là thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu, thương nhân phải lập hồ sơ đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP để sửa đổi, bổ sung thông tin về thương nhân cung cấp xăng dầu trong Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

### **Bộ Công Thương công bố giá cơ sở và giá bán xăng dầu**

Ngoài ra, để kiện toàn quy trình điều hành giá xăng dầu theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành và Kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, thực tiễn điều hành giá xăng dầu hiện nay, Thông tư số 18/2025/TT-BCT đã bổ sung quy định về cơ chế điều hành giá xăng dầu.

Theo đó, trên cơ sở số liệu về các yếu tố cấu thành giá cơ sở xăng dầu theo quy định và ý kiến tham gia điều hành giá xăng dầu của Bộ Tài chính bằng văn bản, Bộ Công Thương công bố giá cơ sở và giá bán xăng dầu.

Nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về đăng ký, phân giao, điều chỉnh hạn mức tổng nguồn xăng dầu tối thiểu cho các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu theo hướng cụ thể, rõ ràng, công bằng, khả thi, Thông tư đã được rà soát, bổ sung về yêu cầu thời hạn đăng ký, phân giao, điều chỉnh tổng nguồn; bổ sung quy định thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu phải đảm bảo tiến độ nhập khẩu hoặc mua xăng dầu trong nước theo quy định.

Trong trường hợp cần thiết, nhằm bảo đảm nguồn cung xăng dầu cho thị trường trong nước, Bộ Công Thương quy định cụ thể tiến độ nhập khẩu, mua xăng dầu trong nước hoặc điều chỉnh tăng tổng nguồn xăng dầu tối thiểu để các thương nhân thực hiện.

Thông tư số 18/2025/TT-BCT cũng bãi bỏ quy định về Tổ liên ngành điều hành giá xăng

dầu quy định tại Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu./.

## **❖ BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **➤ Quyết định ban hành tiêu chuẩn Quốc gia**

#### **Quyết định số 413/QĐ-BKH (17/02/2025)**

1. TCVN 6781-1-1:2025, Mô-đun quang điện (PV) mặt đất – Chất lượng thiết kế và phê duyệt kiểu – Phần 1-1: Yêu cầu cụ thể đối với thử nghiệm mô-đun quang điện (PV) tinh thể silic
2. TCVN 14299-1:2025, Quang điện cho tòa nhà – Phần 1: Yêu cầu đối với mô-đun quang điện tích hợp tòa nhà

#### **Quyết định số 540/QĐ-BKH (27/02/2025)**

1. TCVN 13567-6:2025, Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu – Phần 6: Bê tông nhựa chặt tái chế nóng tại trạm trộn sử dụng hàm lượng vật liệu cũ từ trên 25% đến 50%

#### **Quyết định số 98/QĐ-BKH (22/01/2025):**

1. TCVN 4255:2025, Cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài (mã IP)
2. TCVN 14226:2025, Bảo vệ bằng vỏ ngoài cho người và thiết bị. Đầu dò kiểm tra xác nhận
3. TCVN 14227:2025, Cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài của thiết bị điện chống va đập cơ khí từ bên ngoài (Mã IK)

#### **Quyết định số 100/QĐ-BKH (22/01/2025):**

1. TCVN 14296-1:2025, Phích cắm, ổ cắm, phích nối dùng cho xe điện và ổ nối vào xe điện – Sạc điện có dây dùng cho xe điện – Phần 1: Yêu cầu chung
2. TCVN 14296-2:2025, Phích cắm, ổ cắm, phích nối dùng cho xe điện và ổ nối vào xe điện – Sạc điện có dây dùng cho xe điện – Phần 2: Yêu cầu

tương thích về kích thước đối với phụ kiện dạng chân cắm và dạng ống tiếp xúc AC

3. TCVN 14296-3:2025, Phích cắm, ổ cắm, phích nối dùng cho xe điện và ổ nối vào xe điện – Sạc điện có dây dùng cho xe điện – Phần 3: Yêu cầu tương thích về kích thước đối với bộ nối xe điện dạng chân cắm và dạng ống tiếp xúc DC và AC/DC

4. TCVN 14296-3-1:2025, Phích cắm, ổ cắm, phích nối dùng cho xe điện và ổ nối vào xe điện – Sạc điện có dây dùng cho xe điện – Phần 3-1: Phích nối dùng cho xe điện, ổ nối vào xe điện và cụm cáp dùng cho sạc điện DC được thiết kế để sử dụng với hệ thống quản lý nhiệt

5. TCVN 14296-4:2025, Phích cắm, ổ cắm, phích nối dùng cho xe điện và ổ nối vào xe điện – Sạc điện có dây dùng cho xe điện – Phần 4: Yêu cầu tương thích về kích thước và tính đối lẫn đối với các phụ kiện dạng chân cắm và dạng ống tiếp xúc DC dùng cho các ứng dụng Cấp II hoặc Cấp III

6. TCVN 14296-6:2025, Phích cắm, ổ cắm, phích nối dùng cho xe điện và ổ nối vào xe điện – Sạc điện có dây dùng cho xe điện – Phần 6: Yêu cầu tương thích về kích thước đối với các bộ nối xe điện dạng chân cắm và dạng ống tiếp xúc DC được thiết kế để sử dụng cho thiết bị cấp điện một chiều cho EV có bảo vệ dựa vào sự phân cách về điện

**Quyết định số 3533/QĐ-BKHCHN (31/12/2024):**

1. TCVN 14275:2024, Nhiên liệu sinh học rắn – Xác định các nguyên tố chính – Nhôm, canxi, sắt, magiê, phospho, kali, silice, natri và titan

2. TCVN 14276:2024, Nhiên liệu sinh học rắn – Xác định các nguyên tố phụ

3. TCVN 14277:2024, Nhiên liệu sinh học rắn – Xác định hàm lượng clorua, natri và kali tan trong nước

**Quyết định số 3534/QĐ-BKHCHN (31/12/2024):**

1. TCVN 14251:2024, Phân tích cảm quan – Hướng dẫn chung đối với việc áp dụng phân tích cảm quan trong kiểm soát chất lượng

2. TCVN 14252:2024, Phân tích cảm quan – Hướng dẫn chứng minh công bố cảm quan và công bố đối với sản phẩm tiêu dùng

3. TCVN 14253:2024, Phân tích cảm quan – Phương pháp luận – Hướng dẫn đo lường năng lực của hội đồng cảm quan mô tả định lượng

4. TCVN 14254:2024, Phân tích cảm quan – Phương pháp luận – Phương pháp khảo sát độ nhạy của vị giác

5. TCVN 14255:2024, Phân tích cảm quan – Phương pháp đánh giá sự biến đổi hương vị của thực phẩm do bao bì

6. TCVN 14256:2024, Phân tích cảm quan – Phương pháp luận – Profile cấu trúc

**Quyết định số 3539/QĐ-BKHCHN (31/12/2025):**

1. TCVN 7624:2007, Kính gương - Kính gương tráng bạc bằng phương pháp hoá học ướt - Yêu cầu kỹ thuật

2. TCVN 7625:2007, Kính gương - Phương pháp thử

3. TCVN 7710:2007, Vật liệu chịu lửa - Gạch manhêdi cacbon



**Quyết định số 3540/QĐ-BKHCHN (31/12/2024):**

1. TCVN 14157:2024, Viên đá tự nhiên lát ngoài trời

2. TCVN 14158:2024, Viên đá tự nhiên bó vỉa ngoài trời

TCVN 14133:2024, Kính xây dựng – Gương từ kính nổi tráng bạc sử dụng bên trong công trình

3. TCVN 14131-1:2024, Sản phẩm chịu lửa – Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan của

gạch chịu lửa – Phần 1: Kích thước và sự phù hợp với bản vẽ

4. TCVN 14131-2:2024, Sản phẩm chịu lửa – Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch chịu lửa – Phần 2: Các khuyết tật góc, cạnh và khuyết tật trên bề mặt khác

TCVN 7710:2024, Sản phẩm chịu lửa – Gạch magnesia carbon

5. TCVN 14132:2024, Vật liệu chịu lửa không định hình – Phương pháp xác định khả năng nổ tróc khi gia nhiệt

6. TCVN 14136:2024, Tro bay làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng

7. TCVN 13978:2024, Vật liệu làm phẳng sàn – Tính chất và yêu cầu kỹ thuật

**Quyết định số 3519/QĐ-BKHCN (31/12/2024):**

1. TCVN 14292:2024, Chất dẻo – Túi mua sắm bằng chất dẻo có khả năng tạo compost công nghiệp

2. TCVN 14293:2024, Chất dẻo – Ống hút bằng chất dẻo có khả năng tạo compost công nghiệp

3. TCVN 14294:2024, Quy định kỹ thuật đối với việc sử dụng filament gốc poly (lactic axit) trong ứng dụng sản xuất bồi đắp



**Quyết định số 3508/QĐ-BKHCN (31/12/2024):**

1. TCVN 11206-5:2024, Kết cấu gỗ – Xác định các giá trị đặc trưng – Phần 5: Liên kết cơ học

2. TCVN 13433-2:2024, Chế phẩm bảo quản gỗ – Phần 2: Nhóm chế phẩm hòa tan trong dung môi hữu cơ

3. TCVN 14245:2024, Gỗ sậy – Xác định độ ẩm bằng ẩm kế điện dung

4. TCVN 14246:2024, Gỗ dán chịu nước mặn – Các yêu cầu

5. TCVN 14259:2024, Gỗ biến tính – Gỗ biến tính dùng cho đồ gỗ

6. TCVN 14260:2024, Gỗ biến tính – Phân loại và ghi nhãn

7. TCVN 14261:2024, Gỗ biến tính – Gỗ biến tính nhiệt

**Quyết định số 3530/QĐ-BKHCN (31/12/2024):**

1. TCVN 14325:2024, Hỗn hợp thạch cao phospho làm vật liệu san lấp – Yêu cầu chung

2. TCVN 14326:2024, Hỗn hợp thạch cao phospho làm vật liệu cho nền, móng đường giao thông – Yêu cầu

**Quyết định số 3482/QĐ-BKHCN (31/12/2024):**

1. TCVN 14301:2024, Âm nhạc – Thuật ngữ và định nghĩa

**Quyết định số 3481/QĐ-BKHCN (31/12/2024)**

1. TCVN 14249:2024, Du lịch và các dịch vụ liên quan – Hệ thống quản lý bền vững cho các cơ sở lưu trú – Các yêu cầu

2. TCVN 14250:2024, Du lịch và các dịch vụ liên quan – Hướng dẫn xây dựng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với cơ sở lưu trú

**Quyết định số 2651/QĐ-BKHCN (18/10/2024):**

1. TCVN 14230:2024, Dịch vụ du lịch thân thiện với người hồi giáo - Các yêu cầu./.

➤ **Quyết định hủy bỏ tiêu chuẩn Quốc gia**

**Quyết định số 410/QĐ-BKHCN (17/02/2025):**

1. TCVN 11843:2017, Bóng đèn LED, đèn điện LED, môđun LED – Phương pháp thử

**Quyết định số 412/QĐ-BKHCN (17/02/2025)**

1. TCVN 6781-1-1:2017, Mô-đun quang điện (PV) mặt đất – Chất lượng thiết kế và phê duyệt kiểu – Phần 1-1: Yêu cầu cụ thể đối với thử nghiệm mô-đun quang điện (PV) tinh thể silic./.

## YÊU CẦU TRUY XUẤT NGUỒN GỐC ĐỐI VỚI CHUỖI CUNG ỨNG RƯỢU VANG THEO TIÊU CHUẨN

**Chuỗi cung ứng rượu vang là một chuỗi cung ứng phức tạp và rời rạc. Những đặc điểm riêng biệt của chuỗi cung ứng này mang đến những thách thức trong việc triển khai một hệ thống truy xuất nguồn gốc hiệu quả. Theo đó để đáp ứng các yêu cầu của thị trường thì việc truy xuất nguồn gốc chuỗi cung ứng rượu vang tuân theo tiêu chuẩn là điều cần thiết.**



Rượu vang là một trong những đồ uống không thể thiếu trong những bữa tiệc lớn nhỏ hoặc làm món quà để biếu tặng trong các dịp lễ. Tuy nhiên hiện trên thị trường có đến hàng nghìn mẫu rượu vang được bày bán tràn lan. Các chai rượu vang đều được dán tem hàng xuất khẩu Việt Nam, thậm chí có dán phụ đề tiếng Việt nhưng được in với cỡ chữ rất nhỏ và được dán một cách qua loa. Có những chai có dán nhãn hoàn toàn chữ nước ngoài, không ghi nơi sản xuất, thành phần, nguyên liệu, nồng độ cồn cụ thể và được cửa hàng lý giải là hàng xách tay từ nước ngoài. Giá của rượu vang "đóng giả" những thương hiệu nổi tiếng tại một số nơi chỉ dao động từ 120.000 đồng/chai đến 500.000 đồng/chai. Trong khi đó, nếu đúng được cung cấp từ nhà sản xuất, nó sẽ có giá đến cả chục triệu đồng chưa bao gồm thuế, phí.

Được biết, để làm rượu vang giả, những kẻ gian lận thường thu mua lại vỏ chai rượu vang chính hãng của các thương hiệu ngoại có tiếng

rồi chiết rượu kém, giả mạo vào. Các sản phẩm này thường ít bày ở những điểm bán lớn, uy tín mà hay xuất hiện ở những chỗ bán nhỏ lẻ hay cho sẵn trong các gói quà bán tại các điểm không cố định. Một số doanh nghiệp gian lận còn nhập khẩu "nước rượu" từ nước ngoài với số lượng lớn, mang về trong nước đóng chai với mẫu mã giả mạo các nhãn hiệu nổi tiếng. Người tiêu dùng mua phải các loại rượu giả này không những tổn thất về kinh tế, mà còn có nguy cơ ngộ độc thực phẩm cao. Thực tế, tình trạng ngộ độc do uống phải rượu vang giả, nhái đang xảy ra không ít, gây tâm lý hoang mang cho người tiêu dùng.

Theo đó để đáp ứng những yêu cầu về chất lượng, tăng uy tín thì việc truy xuất nguồn gốc chuỗi cung ứng rượu vang theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13988:2024 truy xuất nguồn gốc- yêu cầu đối với chuỗi cung ứng rượu vang do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố là điều cần thiết.

Tiêu chuẩn này áp dụng cho việc quản lý định danh, thu thập, lưu trữ và chia sẻ thông tin trong chuỗi cung ứng rượu vang. Về nguyên tắc hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với chuỗi cung ứng rượu vang phải đáp ứng các yêu cầu chung quy định trong TCVN 12850:2019.

Các cơ sở trồng nho có trách nhiệm sản xuất, thu hoạch và giao nho cho đơn vị xử lý kế tiếp trong chuỗi cung ứng, lưu giữ hồ sơ thông tin liên quan đến quá trình sản xuất. Phải lưu trữ thông tin liên quan đến thửa/ô trồng nho của mình, bao gồm thông tin chi tiết về vị trí, giống nho và cách chăm sóc, hồ sơ sản xuất hàng năm, nguồn gốc và hàm lượng hóa chất của nước sử dụng để làm sạch và tưới tiêu, hồ sơ xử lý hàng năm, phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm hoặc các phương án xử lý đã tiến hành.

Đối với cơ sở sản xuất tiêu chuẩn này cũng yêu cầu phải có trách nhiệm nhận nho nguyên liệu và sản xuất, chế biến hoặc pha trộn

rượu. Phải lưu trữ hồ sơ bao gồm thông tin về sản phẩm nhận được, giống nho, danh tính của nhà cung cấp (cơ sở trồng nho), địa điểm thu hoạch nho, ngày nhận sản phẩm.

Cơ sở phân phối số lượng lớn chịu trách nhiệm tiếp nhận, lưu trữ, gửi đi, xử lý, lấy mẫu và phân tích rượu số lượng lớn, cũng như lưu giữ hồ sơ thông tin thích hợp về những gì được nhận và những gì được gửi đi.

Cơ sở trung chuyển có trách nhiệm tiếp

nhận, lưu trữ, gửi đi, xử lý, lấy mẫu và phân tích rượu, cũng như lưu giữ hồ sơ thông tin thích hợp về những gì được nhận và những gì được gửi đi.

Cơ sở chiết rót/đóng gói chịu trách nhiệm danh bằng mã truy vết vận chuyển và/hoặc mã truy vết vật phẩm. Cơ sở bán lẻ phải lưu giữ hồ sơ về mã truy vết vận chuyển và số lô của các thành phẩm, pallet, thùng đã nhận được./.

(Nguyễn Nam)

## TRANG TRẠI NUÔI LỢN NHIỀU TẦNG ĐÁP ỨNG THEO TIÊU CHUẨN TCVN 14209:2024

**Các trang trại chăn nuôi lợn nhiều tầng đang là xu hướng ngày càng nở rộ và phát triển tại Việt Nam. Tuy nhiên để mô hình này mang lại hiệu quả kinh tế cao thì khi thiết kế, xây dựng các hạng mục trại nuôi lợn nhiều tầng nên đáp ứng các yêu cầu theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14209:2024.**



Trang trại cao tầng là một hình thức nông nghiệp đô thị, sử dụng các tòa nhà cao tầng để nuôi trồng các loại cây và vật nuôi. Trang trại cao tầng có nhiều lợi ích như tiết kiệm diện tích đất, nước và phân bón, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm chi phí vận chuyển và lưu trữ, thích ứng với biến đổi khí hậu, tạo ra cơ hội việc làm và thu nhập cho người dân đô thị và nông thôn.

Trang trại cao tầng sử dụng không gian theo chiều cao, tận dụng ánh sáng tự nhiên và nhân tạo, sử dụng các phương pháp nuôi trồng tiên tiến như thủy canh, khí canh,... Điều này giúp giảm đáng kể lượng đất, nước và phân bón

cần thiết cho nông nghiệp, đồng thời giảm lượng rác thải và khí thải gây ô nhiễm môi trường.

Trang trại cao tầng có thể nuôi trồng các loại cây và vật nuôi quanh năm, không phụ thuộc vào thời tiết và mùa vụ, không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố bất lợi như sâu bệnh, thiên tai,... Điều này giúp tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, đồng thời giảm nguy cơ nhiễm khuẩn và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Trang trại cũng góp phần đảm bảo an toàn thực phẩm và an ninh lương thực cho người dân, đặc biệt là ở các khu vực đông dân và thiếu đất.

Tuy nhiên, để trại nuôi lợn nhiều tầng phát huy được hiệu quả, tránh được dịch bệnh lây lan thì khi thiết kế và xây dựng cần đáp ứng những yêu cầu theo tiêu chuẩn.

Hiện nay Bộ Khoa học và Công nghệ đã công bố Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14209:2024 đưa ra các yêu cầu của trại nuôi lợn nhiều tầng phải đáp ứng quy định hiện hành bao gồm các công trình chính và các công trình phụ trợ.

Về nguyên tắc chung, trại nuôi lợn nhiều tầng cần có lựa chọn thích hợp về địa điểm, phương án xây dựng, quy mô và cơ sở vật chất, trang thiết bị. Việc xây dựng trại nuôi lợn nhiều tầng cần đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và điều kiện sống cho vật nuôi. Việc xây dựng trại nuôi lợn nhiều tầng phải tuân thủ các yêu cầu về bảo tồn đất, tiết kiệm nước, tiết

kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, an toàn cháy nổ.

Địa điểm xây dựng trại nuôi lợn nhiều tầng phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, chiến lược phát triển chăn nuôi, đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi quy định hiện hành. Trại nuôi lợn nhiều tầng phải được bố trí ở khu vực có địa hình, điều kiện địa chất thủy văn, điều kiện địa chất công trình phù hợp.

Khi lựa chọn địa điểm xây dựng trại nuôi lợn nhiều tầng, cần đánh giá về việc bảo đảm an toàn sinh học và bảo vệ môi trường. Nếu sử dụng mặt bằng xây dựng có độ dốc thì độ dốc không lớn hơn 20%. Theo hướng gió chủ đạo trong năm của địa phương, khu vực xây dựng nên bố trí ở cuối hướng gió so với các cộng

đồng dân cư và công trình công cộng nơi tập trung dân cư. Việc lựa chọn địa điểm cần đảm bảo thuận lợi cho khả năng tiếp cận đường giao thông.

Khu vực phân phối thức ăn chăn nuôi trong khu chăn nuôi chính cần bố trí ở đầu hướng gió chủ đạo hoặc vuông góc với hướng gió chủ đạo trong năm, đặt ở vị trí thuận tiện giao thông với bên ngoài. Các nhà nuôi lợn trong khu chăn nuôi chính cần duy trì khoảng cách an toàn sinh học trên 20m hoặc có phương tiện cách ly, phòng chống dịch bệnh an toàn, hiệu quả. Thiết kế đường đi trong khuôn viên trại nuôi lợn nhiều tầng cần phù hợp với quy trình sản xuất để đảm bảo giao thông trong và ngoài khu vực được thuận lợi./.

(Thanh Thúy)

## QUẢN LÝ RỦI RO DOANH NGHIỆP THEO ISO 31000:2018 - YÊU CẦU CẤP THIẾT CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

**Trong bối cảnh kinh doanh ngày càng biến động, quản trị rủi ro doanh nghiệp trở thành yếu tố sống còn. Việc áp dụng tiêu chuẩn ISO 31000:2018 góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.**



### **Ứng dụng ISO 31000:2018 trong doanh nghiệp sản xuất**

Trong quá trình sản xuất và kinh doanh, mỗi doanh nghiệp luôn phải đối mặt với các rủi ro phát sinh từ môi trường bên ngoài hoặc từ

những đặc điểm, nguồn lực nội bộ. ISO 31000:2018 không chỉ cung cấp các hướng dẫn thực hành tốt nhất để xây dựng hệ thống quản trị rủi ro mà còn giúp doanh nghiệp thiết lập một khuôn khổ toàn diện gồm nguyên tắc quản lý, khuôn khổ và quy trình thực hiện.

### **Quản trị rủi ro doanh nghiệp Yêu cầu cấp thiết cho sự phát triển bền vững.**

Đơn cử, Công ty TNHH DV Chế biến Thực phẩm Thành Đạt đã áp dụng thành công hệ thống quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn ISO 31000:2018. Doanh nghiệp này đã xây dựng một hệ thống rủi ro toàn diện từ khâu nguyên liệu đầu vào đến quá trình sản xuất và giao hàng. Nhờ đó, số lượng sản phẩm lỗi giảm đáng kể và tỷ lệ hàng trả lại chỉ còn khoảng 3% so với mức trung bình trước đó. Đồng thời, hệ thống quản trị rủi ro còn giúp công ty phát hiện sớm các nguy cơ và triển khai các biện pháp khắc phục kịp thời, góp phần duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh

Các nội dung chính bao gồm khảo sát đánh giá thực trạng ban đầu, thành lập nhóm

triển khai quản trị rủi ro, nhận diện, phân tích và định mức các rủi ro, xây dựng phương án xử lý, cũng như theo dõi và lập báo cáo. Qua quá trình này, các doanh nghiệp đã tạo ra danh mục rủi ro toàn diện và xây dựng được các kế hoạch hành động cụ thể nhằm giảm thiểu thiệt hại. Kết quả đánh giá theo thang Bloom cho thấy toàn bộ doanh nghiệp đều đạt mức “Cao” đến “Rất cao” trong các kỹ năng nhận thức, hiểu biết và vận dụng kiến thức về ISO 31000:2018, đặc biệt ở khía cạnh “Hiểu” – với 70% nhân viên thể hiện năng lực diễn giải và liên hệ thông tin.

Tuy nhiên, mức độ “Sáng tạo” trong xử lý các rủi ro mới chỉ đạt 25%, cho thấy nhu cầu tiếp tục cải tiến và đổi mới các phương án xử lý rủi ro dựa trên thực tế doanh nghiệp. Việc ứng dụng tiêu chuẩn này đã giúp các doanh nghiệp không chỉ nhận diện và kiểm soát các nguy cơ mà còn tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm thiểu rủi ro tài chính và từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc ra quyết định chiến lược.

***Những lưu ý khi triển khai quản trị rủi ro theo ISO 31000:2018***

Mặc dù quá trình áp dụng ISO 31000:2018 đã đem lại nhiều lợi ích, nhưng các doanh nghiệp sản xuất cũng gặp phải một số trở ngại cần khắc phục. Trước hết, phân tích hiện trạng và đánh giá môi trường kinh doanh là bước quan trọng nhưng nhiều doanh nghiệp chưa đầu tư đúng mức vào quá trình này, dẫn đến việc nhận dạng rủi ro không đầy đủ và chưa có định hướng chiến lược cụ thể.

Ngoài ra, áp lực kinh tế và cạnh tranh khốc liệt khiến doanh nghiệp thường tập trung giải quyết các vấn đề kinh doanh cấp bách, bỏ qua hoặc trì hoãn việc triển khai quản trị rủi ro. Một vấn đề khác là sự thiếu hụt về kiến thức và kỹ năng của đội ngũ nhân sự; nhiều nhân viên chỉ làm việc theo phương thức kỹ thuật truyền thống, chưa thực sự nắm bắt được quy trình quản trị rủi ro một cách bài bản.

Điều này dẫn đến việc soạn thảo các biểu mẫu, báo cáo thiếu chính xác, gây khó khăn trong giao tiếp và trao đổi thông tin giữa các bên liên quan. Để khắc phục những hạn chế này, lãnh đạo doanh nghiệp cần tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích đào tạo chuyên sâu về quản trị rủi ro và cung cấp chế độ đãi ngộ xứng đáng cho đội ngũ tham gia vào quá trình này.

Bên cạnh đó, nên triển khai theo từng giai đoạn, từ đơn giản đến phức tạp, để giảm áp lực cho nhân viên và tạo điều kiện cho việc tiếp thu kiến thức mới một cách hiệu quả. Việc tăng cường giao tiếp, trao đổi giữa các bộ phận cũng là yếu tố quan trọng giúp phát hiện và xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh.

Thực hiện theo những lưu ý này sẽ giúp doanh nghiệp không chỉ nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro mà còn xây dựng được văn hóa quản trị rủi ro bền vững, góp phần tạo nền tảng cho sự phát triển toàn diện và ổn định trong tương lai./.

*(Nguyễn Nam)*

**QUY CHUẨN MỚI VỀ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP,  
DOANH NGHIỆP CẦN CHUẨN BỊ GÌ?**

**Từ ngày 1/9/2025, các chủ dự án đầu tư, cơ sở xả nước thải công nghiệp cần tuân thủ giá trị giới hạn mới về thông số ô nhiễm theo quy định của QCVN 40:2025/BTNMT. Việc áp dụng quy chuẩn này nhằm kiểm soát chặt chẽ hơn chất lượng nước thải công nghiệp, bảo vệ môi trường và nguồn nước tiếp nhận.**

***Quy chuẩn mới và đối tượng áp dụng***

Theo đó, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2025/BTNMT) quy định các giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường. Quy chuẩn này áp dụng cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh có hoạt động xả thải ra nguồn tiếp nhận, ngoại trừ nước khai thác thải từ các công trình dầu khí trên biển, nước thải chăn nuôi, nước

thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.



Theo quy định, các tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước liên quan đến hoạt động xả thải công nghiệp đều phải tuân thủ quy chuẩn này. Đối với các dự án đầu tư, cơ sở đã có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đã được cấp phép trước ngày 1/9/2025, vẫn được tiếp tục áp dụng quy chuẩn cũ cho đến hết ngày 31/12/2031. Tuy nhiên, nếu có sự thay đổi về chức năng của nguồn nước tiếp nhận, các đơn vị này sẽ phải thực hiện điều chỉnh theo lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

**Các yêu cầu quan trọng về kiểm soát nước thải**

Theo QCVN 40:2025/BTNMT, thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn phải được ghi rõ trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường hoặc văn bản đăng ký môi trường của cơ sở. Trường hợp có phát sinh các thông số ô nhiễm đặc trưng mới chưa được quy định trong quy chuẩn này, cơ sở phải áp dụng giá trị giới hạn theo tiêu chuẩn quốc gia về bảo vệ môi trường của các nước thuộc nhóm G7.

Đối với nước làm mát, chỉ cần quan trắc nhiệt độ và một số thông số ô nhiễm như Chloroform, Clo (nếu có sử dụng Clo hoặc hóa chất khử trùng gốc Clo). Trong khi đó, nước thải từ hoạt động nuôi trồng thủy sản phải

được kiểm soát chặt chẽ các thông số COD (hoặc TOC), BOD5, TSS, pH, tổng coliform, tổng Nitơ và tổng Phốt pho.

Trường hợp nước đầu vào phục vụ nuôi trồng thủy sản có thông số ô nhiễm vượt giá trị quy định của quy chuẩn, nước thải xả ra môi trường không được có giá trị vượt quá nước đầu vào. Việc lấy mẫu kiểm tra phải được thực hiện đồng thời để đảm bảo sự chính xác.

Các doanh nghiệp có trách nhiệm đảm bảo nước thải xả ra môi trường không vượt giá trị giới hạn của QCVN 40:2025/BTNMT. Chủ dự án đầu tư, cơ sở xả thải phải xác định các thông số ô nhiễm dựa trên hoạt động sản xuất, nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng, công nghệ sản xuất và xử lý chất thải. Thông tin này phải được đề xuất trong hồ sơ đánh giá tác động môi trường hoặc hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ thực hiện thẩm định và kiểm soát thông số ô nhiễm theo quy định mới. Nếu phát hiện thông số ô nhiễm khác vượt giới hạn cho phép, cơ sở phải kiểm soát bổ sung theo yêu cầu của cơ quan quản lý môi trường.

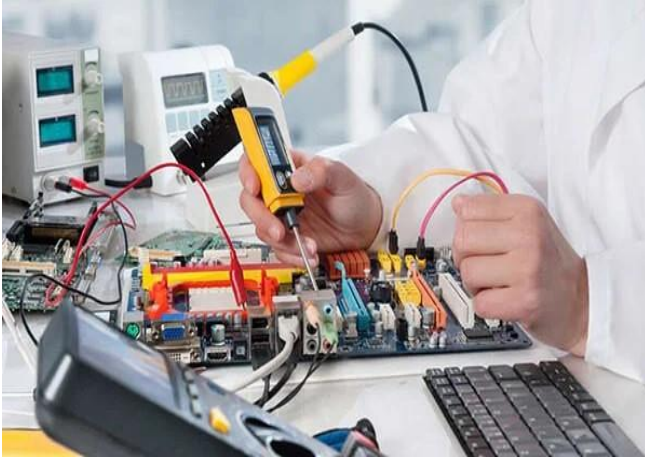
Ngoài ra, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát và điều chỉnh quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương để phù hợp với QCVN 40:2025/BTNMT, đảm bảo tính thống nhất và khả thi trong việc triển khai thực tế.

Việc áp dụng quy chuẩn mới về nước thải công nghiệp là một bước tiến quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường. Các doanh nghiệp cần chủ động nắm bắt thông tin, điều chỉnh hệ thống xử lý nước thải để đáp ứng quy định, tránh vi phạm có thể dẫn đến xử phạt. Đồng thời, cơ quan quản lý cần có kế hoạch hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi và tuân thủ quy chuẩn mới một cách hiệu quả./.

*(Nguyễn Nhung)*

## ỨNG DỤNG QCVN 25:2025/BKHCN – NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN THIẾT BỊ ĐIỆN GIA ĐÌNH

**QCVN 25:2025/BKHCN mở ra cơ hội thực tiễn cho doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thiết bị điện gia đình chuyển đổi quy trình sản xuất, kiểm soát chất lượng và phát triển bền vững.**



Theo đó, QCVN 25:2025/BKHCN được xây dựng dựa trên ý kiến đóng góp của các chuyên gia và doanh nghiệp, nhằm đảm bảo các sản phẩm được thiết kế để lắp đặt trong hệ thống phân phối điện đến 440 V xoay chiều luôn đạt tiêu chuẩn an toàn tối đa. Các doanh nghiệp cần lưu ý rằng, các loại thiết bị như ổ cắm, phích cắm, bộ chuyển đổi ổ cắm, bộ dây nguồn nối dài với dòng điện danh định không vượt quá 32 A, công tắc điện với dòng điện danh định không quá 20 A cùng các thiết bị bảo vệ quá dòng như MCB, RCBO, RCCB với giới hạn dòng điện 63 A là những sản phẩm trực tiếp bị chi phối bởi quy chuẩn này.

Ngược lại, các sản phẩm vượt qua mức giới hạn này hoặc các thiết bị điện phòng nổ thuộc danh mục hàng hóa có khả năng gây mất an toàn sẽ không nằm trong phạm vi áp dụng, giúp doanh nghiệp phân định rõ ranh giới sản phẩm cần kiểm soát và những mặt hàng không thuộc tiêu chuẩn mới.

Việc áp dụng quy chuẩn QCVN 25:2025/BKHCN không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn là cơ hội để doanh nghiệp cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và xây dựng thương hiệu uy tín. Trước tiên, các doanh nghiệp cần rà soát lại toàn bộ quy trình sản

xuất hiện có, từ khâu nhập nguyên liệu cho đến gia công, lắp ráp và kiểm tra sản phẩm.

Việc điều chỉnh quy trình sản xuất nhằm phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật mới sẽ giúp giảm thiểu rủi ro về cháy nổ, đảm bảo an toàn sử dụng và tăng tính cạnh tranh trên thị trường trong nước cũng như quốc tế. Đồng thời, việc tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu cho cán bộ kỹ thuật và nhân viên quản lý là yếu tố sống còn.

Các buổi tập huấn không chỉ giúp cập nhật kiến thức về tiêu chuẩn mới mà còn tạo điều kiện để trao đổi kinh nghiệm, từ đó hình thành quy trình vận hành chuẩn (SOP) cụ thể, đảm bảo mọi khâu sản xuất và kiểm tra chất lượng đều được thực hiện đồng bộ, chặt chẽ. Ngoài ra, doanh nghiệp cần thiết lập hệ thống giám sát và kiểm tra nội bộ thường xuyên, nhằm phát hiện sớm các sai sót hoặc điểm chưa đạt tiêu chuẩn để kịp thời điều chỉnh.

Một điểm lưu ý quan trọng khác là doanh nghiệp cần chủ động hợp tác với các tổ chức chứng nhận được Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ định để tiến hành kiểm định và công bố hợp quy cho sản phẩm. Việc gắn dấu hợp quy không chỉ là một yêu cầu bắt buộc mà còn là minh chứng cho chất lượng sản phẩm, tăng cường sự tin tưởng của khách hàng và đối tác kinh doanh.

Hơn nữa, việc tham gia vào các chương trình đánh giá định kỳ và lấy chứng nhận chất lượng sẽ giúp doanh nghiệp cập nhật những cải tiến công nghệ mới, giảm thiểu rủi ro pháp lý và tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường xuất khẩu. Khi sản phẩm của doanh nghiệp được chứng nhận đạt tiêu chuẩn an toàn, điều này góp phần nâng cao uy tín thương hiệu và khẳng định vị thế cạnh tranh trong ngành.

Lợi ích kinh doanh từ việc tuân thủ quy chuẩn QCVN 25:2025/BKHCN không chỉ dừng lại ở việc đảm bảo an toàn mà còn mở ra cơ hội tăng trưởng doanh số qua việc tạo dựng niềm

tin từ phía người tiêu dùng. Khách hàng hiện nay không chỉ quan tâm đến giá cả mà còn đặt nặng vấn đề an toàn và chất lượng sản phẩm. Do đó, những sản phẩm đạt tiêu chuẩn mới sẽ dễ dàng chiếm lĩnh thị trường, góp phần xây dựng thương hiệu mạnh mẽ và bền vững.

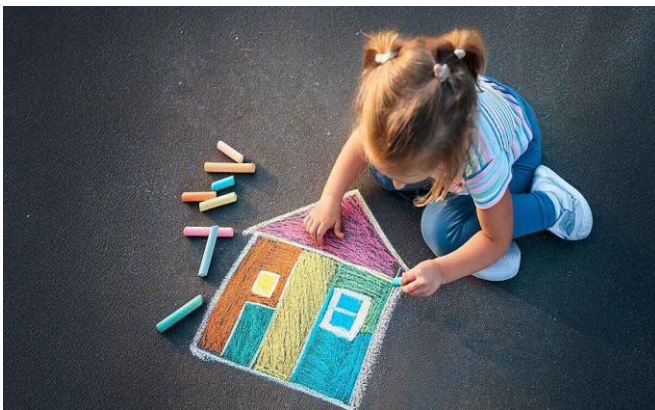
Đồng thời, doanh nghiệp cũng giảm thiểu được các rủi ro pháp lý, tránh được các khoản phạt không đáng có khi sản phẩm không tuân thủ quy định, từ đó giúp duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển lâu dài. Như vậy, việc ứng dụng quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia QCVN 25:2025/BKHCN đòi hỏi doanh nghiệp không chỉ phải nhanh chóng điều chỉnh quy trình sản xuất, kiểm tra chất lượng mà còn cần đầu tư đào tạo nhân lực và hợp tác chặt chẽ với các tổ chức chứng nhận. Đây chính là chìa khóa để doanh nghiệp khẳng định vị thế, mở rộng thị trường và xây dựng niềm tin vững chắc từ khách hàng trong bối cảnh ngành thiết bị điện gia đình ngày càng phát triển và đòi hỏi cao về tiêu chuẩn an toàn./

(*Hồng Vân*)

## XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ DÀNH CHO ĐỐI TƯỢNG TRẺ EM LÀ NẠN NHÂN BẠO LỰC

**Trong một động thái mang tính lịch sử nhằm chống lại cuộc khủng hoảng bạo lực đối với trẻ em trên toàn cầu, ISO đã công bố các yêu cầu quốc tế đầu tiên trên thế giới về các dịch vụ ứng phó liên ngành và đa ngành thân thiện với trẻ em. Được công bố chung tại Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp quốc lần thứ 58 vào ngày 12 tháng 3 năm 2025, sáng kiến này nhằm mục đích thay đổi cách trẻ em là nạn nhân được chăm sóc, bảo vệ và công lý.**



Theo số liệu thống kê của UNICEF, ước tính rằng hơn một tỷ người đã trải qua bạo lực trong thời thơ ấu. Cứ bốn phút, một trẻ em tử vong do bạo lực ở đâu đó trên thế giới. Trong khi đó, 650 triệu trẻ em gái và phụ nữ - một trong năm trẻ em - phải sống với chấn thương do lạm dụng tình dục. Hậu quả của bạo lực như

vậy là tàn khốc và kéo dài suốt đời, ảnh hưởng đến sự phát triển của não bộ, sức khỏe tinh thần và thể chất, và khả năng học tập của trẻ.

Để giải quyết vấn đề cấp bách này, tiêu chuẩn ISO đã xây dựng hướng dẫn toàn cầu đầu tiên về các dịch vụ thân thiện với trẻ em được thiết kế để hỗ trợ nạn nhân bạo lực. Tiêu chuẩn mang tính đột phá này thúc đẩy cách tiếp cận toàn diện, lấy trẻ em làm trung tâm, tạo ra phản ứng phối hợp, có hiểu biết về chấn thương giúp những người sống sót trẻ tuổi tránh khỏi những tổn hại tiếp theo.

Tổng thư ký ISO Sergio Mujica cho biết sáng kiến này tập trung vào cam kết bảo vệ các quyền cơ bản của trẻ em, đồng thời nhấn mạnh rằng mọi trẻ em đều phải nhận được sự bảo vệ và hỗ trợ mà chúng đáng được hưởng.

Ông Mujica cho biết: “Với các yêu cầu quốc tế mới này, ISO đang thiết lập một phương pháp tiếp cận toàn cầu nhằm đảm bảo trẻ em là nạn nhân nhận được sự hỗ trợ phối hợp và đầy lòng trắc ẩn mà chúng cần, mà không bị tổn thương trở lại bởi chính các hệ thống được thành lập để giúp đỡ trẻ em”.

Các yêu cầu thiết lập một cơ sở toàn cầu thống nhất cho các dịch vụ liên ngành và liên cơ quan, đảm bảo rằng các nỗ lực bảo vệ trẻ em đáp ứng tiêu chuẩn cao trên toàn thế giới, đồng

thời cho phép thích ứng với các môi trường pháp lý, văn hóa và xã hội khác nhau.

“Những khuyến nghị này cho phép các chính phủ và các dịch vụ tuyển đầu, từ nhân viên xã hội đến cơ quan thực thi pháp luật, chuyên gia chăm sóc sức khỏe và các tổ chức pháp lý, hợp tác hiệu quả, đảm bảo các yêu cầu thường xuyên thay đổi trên toàn cầu, chuẩn hóa đối với trẻ em là nạn nhân của bạo lực và lạm dụng.

Quá trình xây dựng tiêu chuẩn được dựa trên các khuyến nghị, bởi những nhân chứng sống cũng như các cơ quan chủ quản trong việc bảo vệ quyền và lợi ích của trẻ em. Bên cạnh

đó, còn dựa trên những nghiên cứu về trẻ em của các chuyên gia các nước khác nhau, các nhà hoạch định chính sách, để xây dựng một bộ tiêu chí thông nhất mà các quốc gia đều có thể áp dụng thực hiện được.

Sáng kiến này cũng củng cố các cam kết toàn cầu về bảo vệ trẻ em, phù hợp với Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) của Liên Hợp quốc - đặc biệt là Mục tiêu 16.2, nhằm chấm dứt tình trạng lạm dụng, bóc lột, buôn bán và mọi hình thức bạo lực đối với trẻ em, và Mục tiêu 16.3, thúc đẩy quyền tiếp cận công lý bình đẳng cho tất cả mọi người./.

(Thanh Thúy)

## CẬP NHẬP TIÊU CHUẨN MỚI DÀNH RIÊNG CHO MÁY MÓC RÔ BỐT NGÀNH CÔNG NGHIỆP

**An toàn là điều luôn được chú trọng nhất trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề, đặc biệt là ngành công nghiệp rô bốt. Tiêu chuẩn quốc tế ISO 10218 được xây dựng nhằm đáp ứng các yêu cầu về an toàn đối với rô bốt công nghiệp, với phiên bản đầu tiên được ban hành vào năm 2011 tại Mỹ.**



Tuy nhiên, sau hơn chục năm áp dụng và vận hành, Hiệp hội Tự động hóa Tiên tiến (A3) đã xuất bản ISO 10218 phiên bản mới nhất, với nội dung chính là tăng cường tính rõ ràng và khả năng sử dụng, giúp việc tuân thủ tiêu

chuẩn trở nên dễ dàng hơn đối với nhà sản xuất.

Ngoài ra, bản cập nhật tiêu chuẩn mới nhất cũng đề cập đến một số những điểm chứng, cụ thể:

Tiêu chuẩn ISO 10218 (gồm hai phần) là tiêu chuẩn an toàn hàng đầu cho rô bốt công nghiệp. Phần 1 của tiêu chuẩn cung cấp hướng dẫn về thiết kế, sản xuất, tái chế và xây dựng lại robot công nghiệp. Tiêu chuẩn này tăng cường sự an toàn cho nhân viên liên quan đến việc sử dụng rô bốt công nghiệp và hệ thống rô bốt.

Bản sửa đổi năm 2025 trong phần 1 bao gồm các thay đổi về mặt kỹ thuật và cập nhật những công nghệ đang phát triển trên thị trường. Nó bao gồm các yêu cầu bổ sung về thiết kế; yêu cầu về chế độ; làm rõ các yêu cầu về an toàn chức năng; yêu cầu về an ninh mạng trong phạm vi áp dụng cho an toàn rô bốt công nghiệp; và các yêu cầu về an toàn cho rô bốt công nghiệp dùng trong các

ứng dụng cộng tác (trước đây là nội dung của ISO/TS 15066).

Còn trong phần 2 cung cấp hướng dẫn về thiết kế và tích hợp hệ thống của ứng dụng rô bốt công nghiệp và rô bốt cell (một hệ thống hoàn chỉnh bao gồm rô bốt, bộ điều khiển, thiết bị ngoại vi). Bao gồm các phương pháp bảo vệ để tăng cường an toàn cho nhân viên liên quan đến việc sử dụng các ứng dụng rô bốt công nghiệp và rô bốt cell, nhấn mạnh vào tầm quan trọng của việc đánh giá, quản trị rủi ro.

Với việc sửa đổi và cập nhật những điểm mới trong tiêu chuẩn, phiên bản mới nhất này đã thể hiện một số những điểm nổi bật hơn so với những phiên bản cũ, đó là: Làm rõ các yêu cầu về an toàn chức năng, đưa ra các hướng dẫn an toàn chính xác hơn để tăng cường tuân thủ và giảm thiểu rủi ro.

Các yêu cầu an toàn tích hợp cho các ứng dụng rô bốt cộng tác nhằm hợp nhất ISO/TS 15066 trước đây vốn riêng biệt.

Hướng dẫn an toàn được kết hợp cho các quy trình tải/dỡ thủ công và các bộ phận tác động cuối (đôi khi được gọi là dụng cụ cuối

cánh tay hoặc EOAT) từ các báo cáo kỹ thuật riêng biệt trước đây (TR 20218-1 và TR 20218-2).

Phân loại rô bốt mới với các yêu cầu an toàn chức năng tương ứng và phương pháp thử nghiệm. Yêu cầu về an ninh mạng liên quan đến an toàn của rô bốt công nghiệp.

Theo ông Carole Franklin, giám đốc tiêu chuẩn tại A3 Robotics cho biết: “Bản cập nhật tiêu chuẩn này như một bước tiến mới để đảm bảo rằng khi tự động hóa phát triển, an toàn của người lao động và máy móc vẫn là ưu tiên hàng đầu. Những sửa đổi này cung cấp các hướng dẫn rõ ràng hơn và các phân loại mới sẽ giúp các nhà sản xuất và nhà tích hợp hệ thống triển khai công nghệ mới nhất để có các giải pháp rô bốt an toàn hơn”. Ngoài ra, ông cũng cho biết, bản tiêu chuẩn cập nhật này sẽ thay thế cho bản cũ, và các công ty đa quốc gia hay ở bất kì quốc gia nào đang sử dụng hệ thống rô bốt công nghiệp cũng nên cập nhật bản mới nhất./.

*(Nguyễn Nhung)*

## ĐẢM BẢO TÍNH BỀN VỮNG TRONG NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

**Giáo sư Kỹ thuật phần mềm và CNTT kiêm chuyên gia tiêu chuẩn François Coallier cho biết, mức tiêu thụ năng lượng ngày càng tăng của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) đang là mối quan ngại toàn cầu, nhưng vẫn còn nhiều việc có thể làm để đạt được tính bền vững.**



Trong khi ước tính khác nhau về lượng năng lượng cần thiết để thúc đẩy các công nghệ mới nổi như AI, ông cho biết, dự đoán hiện tại cho thấy nhu cầu tăng mạnh trong thập kỷ này. Đáp ứng nhu cầu này một cách bền vững đòi hỏi một cách tiếp cận đa hướng.

Ông cho biết: “Có rất nhiều công việc đang được thực hiện để phát triển các giải pháp sáng tạo nhằm tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và nhiều tổ chức có thể tự mình thực hiện để khiến CNTT bền vững hơn”.

“Điều chúng tôi hướng tới là tính bền vững hơn, một môi trường bền vững.”

Coallier đã phát biểu tại hội thảo Dự báo JTC1 (Joint Technical Committee 1) mới nhất, tại đây ông đã đưa ra cái nhìn tổng quan cấp

cao về quy mô năng lượng ICT hiện tại và dự kiến sử dụng cũng như nhiều phương pháp đang được sử dụng để giải quyết vấn đề này.

“Các trung tâm dữ liệu là một phần lớn nhưng không phải là tất cả. Mạng lưới đang tiêu tốn nhiều hơn các trung tâm dữ liệu. Vì vậy, khía cạnh truyền thông, chữ C trong ICT, là thứ tiêu tốn rất nhiều.”

Các nghiên cứu cho thấy ICT chiếm khoảng 8-10% mức sử dụng năng lượng toàn cầu, ông cho biết. AI hiện đang rất cần năng lượng và dự đoán về mức sử dụng AI trong tương lai là con số này sẽ còn tăng cao hơn nữa. Mặc dù việc sử dụng nhiều năng lượng sạch hơn như thủy điện, gió hoặc mặt trời sẽ hữu ích, nhưng có một sự đồng thuận rằng đã có nhiều việc có thể được thực hiện để tối ưu hóa mức tiêu thụ năng lượng ICT thông qua kỹ thuật tốt hơn, phát triển công nghệ tiên tiến và lựa chọn sáng suốt.

Ví dụ, tuổi thọ hữu ích của phần cứng có thể được kéo dài hoặc vật liệu được tái chế để góp phần vào nền kinh tế tuần hoàn hơn và giảm rác thải điện tử. Các linh kiện điện tử có thể tiếp tục tiết kiệm năng lượng hơn thông qua thiết kế sáng tạo và vật liệu mới.

Một số công nghệ mới như thiết bị hình thái thần kinh (lấy cảm hứng từ cấu trúc và hoạt động của não sinh học) tiếp tục cải thiện hiệu suất và hiệu quả, đồng thời tối ưu hóa mức tiêu thụ năng lượng cho các ứng dụng AI. Cuối cùng, các thành phần phần mềm của các hệ

thống ICT này có thể tiết kiệm năng lượng và tài nguyên hơn nhiều bằng cách áp dụng những gì thường được gọi là các hoạt động phát triển 'phần mềm xanh'.

Các tiêu chuẩn quốc tế sẽ đóng vai trò ngày càng quan trọng trong lĩnh vực này để hỗ trợ và thúc đẩy đổi mới cũng như cho phép áp dụng rộng rãi các công cụ và phương pháp mới.

Ủy ban chung IEC và ISO về ICT, JTC 1, có một số tiểu ban phát triển các tiêu chuẩn để thúc đẩy các công nghệ và phương pháp tiếp cận mới cho tính bền vững trong lĩnh vực này như SC 39 (tính bền vững, CNTT và trung tâm dữ liệu) và SC 42 (AI). Hai ủy ban đã thành lập Nhóm cố vấn chung về AI và tính bền vững.

Coallier đã nêu ra một số tiêu chuẩn quốc tế vừa được công bố gần đây để giúp các tổ chức cải thiện tính bền vững trong CNTT như ISO/ IEC 21031 để đo cường độ carbon của phần mềm.

JTC 1 cũng đang thực hiện báo cáo về điện toán mô phỏng thần kinh, trong khi ủy ban kỹ thuật IEC về thiết bị bán dẫn, TC 47, đang thực hiện một loạt tiêu chuẩn cho thiết bị mô phỏng thần kinh.

ICT bền vững là một trong số nhiều công nghệ mới nổi được thảo luận tại hội thảo Foresight của JTC 1. Các chủ đề khác bao gồm luồng dữ liệu xuyên biên giới, Trí tuệ nhân tạo tổng quát (AGI) và công việc đang diễn ra của công nghệ và đổi mới mới nổi của JTC 1 (JETI)./.

*(Tiến Đông)*

## TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ MỚI VỀ TRUYỀN TẢI ĐIỆN KHÔNG DÂY AN TOÀN

**Hệ thống truyền điện không dây (WPT) đang ngày càng được cách mạng hóa một cách mạnh mẽ, hiện diện trong mọi mặt lĩnh vực đời sống từ xe điện đến điện thoại thông minh. Tuy nhiên, khi các hệ thống này trở nên phổ biến hơn và được sử dụng rộng**

**rãi, chúng sẽ phải đối mặt với các rủi ro về bảo mật, an toàn an ninh mạng.**

Chính vì vậy, tiêu chuẩn IEC/IEEE 63184:2025 được ban hành ra để giải quyết nhu cầu quan trọng này bằng cách cung cấp các phương pháp toàn diện đầu tiên trên thế giới

để đánh giá mức độ tiếp xúc của con người với trường điện từ (EMF) do các hệ thống WPT tạo ra. Tiêu chuẩn logo kép này, do IEC và Viện Kỹ sư Điện và Điện tử (IEEE) cùng phát triển, đánh dấu một cột mốc quan trọng trong lĩnh vực an toàn điện từ.



Mục đích của bản tiêu chuẩn chỉ định các phương pháp đánh giá để đánh giá sự tuân thủ của các hệ thống truyền điện không dây (WPT) tĩnh và động với các hướng dẫn về phơi nhiễm điện từ của con người (tỷ lệ hấp thụ riêng (SAR), trường điện bên trong hoặc mật độ dòng điện bao gồm dòng điện tiếp xúc). Trong đó, tập trung vào mức độ phơi nhiễm từ các hệ thống WPT cảm ứng và chỉ định: - quy trình đánh giá tuân thủ chung; - phương pháp đo lường; - phương pháp đánh giá tính toán; - đánh giá kết hợp các phương pháp đo lường và tính toán.

Hệ thống WPT hoạt động bằng cách truyền năng lượng qua trường điện từ, thường ở dải tần từ 3 kHz đến 30 MHz. Mặc dù các hệ thống này được thiết kế để an toàn, nhưng việc đánh giá tác động của chúng đối với sức khỏe con người là điều cần thiết.

Mức độ tiếp xúc của con người với EMF bị hạn chế để tránh những tác động xấu đã biết đến đối với sức khỏe, bao gồm kích thích điện lên các mô thần kinh (3 kHz < 10 MHz) và tác động nhiệt (> 100 kHz).

“IEC/IEEE 63184 cung cấp hướng dẫn về các phương pháp thực hành tốt nhất để đánh giá mức độ phơi nhiễm. Điều này giúp đảm bảo rằng các hệ thống WPT tuân thủ các hướng dẫn an toàn quốc tế, chẳng hạn như các hướng dẫn do Ủy ban quốc tế về bảo vệ bức xạ không ion hóa (ICNIRP) đặt ra.

Tiêu chuẩn quốc tế mới tập trung vào ba lĩnh vực chính:

Tỷ lệ hấp thụ riêng (SAR) để đo lượng năng lượng được cơ thể hấp thụ

Điện trường bên trong và mật độ dòng điện để đánh giá điện trường và dòng điện được tạo ra bên trong cơ thể.

Dòng điện tiếp xúc để đánh giá dòng điện chạy qua khi một người chạm vào vật dẫn điện khi có trường điện từ.

IEC/IEEE 63184 cung cấp các quy trình rõ ràng về đo lường, mô hình tính toán và phương pháp đánh giá kết hợp để đảm bảo hệ thống WPT an toàn cho công chúng sử dụng.

IEC/IEEE 63184 cũng hỗ trợ phát triển bền vững. Nó khuyến khích việc áp dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng giúp giảm tác động đến môi trường bằng cách chuẩn hóa việc đánh giá các hệ thống WPT.

Truyền năng lượng không dây loại bỏ nhu cầu sử dụng pin dùng một lần và giảm rác thải điện tử, góp phần tạo nên tương lai xanh hơn, sạch hơn. Các hệ thống WPT an toàn và đáng tin cậy nâng cao phúc lợi bằng cách cho phép ứng dụng sáng tạo trong chăm sóc sức khỏe, giao thông vận tải và điện tử tiêu dùng.

Trong khi IEC/IEEE 63184 đề cập đến các hệ thống WPT hoạt động ở tần số lên đến 30 MHz, công việc vẫn tiếp tục. Các chuyên gia của IEC và IEEE hiện đang phát triển các phương pháp đánh giá cho các hệ thống WPT bức xạ hoạt động ở tần số cao hơn (30 MHz đến 300 GHz)./.

(Nguyễn Nhung)

## THỨC ĐẨY HÀNH ĐỘNG VỀ KHÍ HẬU THÔNG QUA SỬ DỤNG TIÊU CHUẨN

Tăng trưởng kinh tế và dân số ngày càng gia tăng thúc đẩy nhu cầu về điện, nhu cầu năng lượng toàn cầu có thể tăng từ 40% đến 60% vào năm 2050. Việc quản lý quá trình chuyển đổi là thách thức to lớn nhưng ngày càng được coi là một cơ hội.



Năng lượng từ các nguồn hóa thạch, chủ yếu là than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên, là nguồn năng lượng chính trong cuộc CMCN lần thứ nhất diễn ra vào cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX. Nhờ đó, nền sản xuất của nhân loại đã có thể tiến tới quy mô và năng lực như hiện nay.

Năng lượng hóa thạch đã thay thế những nguồn năng lượng chủ yếu trước đó như năng lượng sinh học (củi, gỗ, hay sức lao động của con người...) để đóng góp một phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, nguồn nhiên liệu hóa thạch chỉ có giới hạn, trong khi nhu cầu tiêu thụ năng lượng của con người liên tục gia tăng.

Bên cạnh đó, việc khai thác, chế biến và sử dụng nhiên liệu hóa thạch đã tác động tiêu cực đến môi trường, không chỉ đối với thế hệ hiện tại, mà còn ảnh hưởng đến thế hệ mai sau. Thế giới đã và đang nỗ lực khai thác các nguồn

năng lượng thay thế khác, trong đó năng lượng tái tạo là giải pháp tối ưu nhằm khắc phục những hạn chế này.

Quá trình chuyển đổi năng lượng đang trở thành thách thức chưa từng có mà thế giới phải đối mặt. ISO đã nhận ra điều này bằng

cách ký Tuyên bố London - một cam kết giúp thúc đẩy hành động có ý nghĩa về khí hậu bằng cách sử dụng các tiêu chuẩn.

Đã có rất nhiều tiêu chuẩn liên quan đến năng lượng, riêng ISO đã có hơn 200 tiêu chuẩn cho lĩnh vực này. Thách thức phía trước không chỉ liên quan đến việc tạo ra tiêu chuẩn mới, mặc dù có cơ hội thực hiện điều này đối với công nghệ mới như thu giữ carbon - mà còn đảm bảo rằng các tiêu chuẩn hiện có được sử

dụng để phát huy tối đa lợi thế của chúng, bao gồm cả việc hợp tác với các công ty năng lượng và các bên liên quan khác, đồng thời cập nhật chúng kịp thời theo cách phù hợp với tính cấp thiết của nhiệm vụ.

Có thể nói, vai trò của các tổ chức tiêu chuẩn hóa nói chung, ISO nói riêng là khá quan trọng trong lĩnh vực này. Từ quyền triệu tập đến tập hợp các bên liên quan, ISO có khả năng phác thảo bức tranh toàn cảnh về quá trình chuyển đổi năng lượng trên quy mô toàn cầu.

Việc chuyển đổi các hệ thống năng lượng phức tạp của chúng ta là thách thức lớn và có thể liên quan đến nhiều lợi ích cạnh tranh, các cơ quan tiêu chuẩn có thể giúp quá trình chuyển đổi này dễ dàng hơn bằng cách cung cấp các hướng dẫn về cơ sở hợp tác./.

*(Nguyễn Nhung)*

## HOÀN THIỆN HỆ THỐNG TCVN VỀ LĨNH VỰC ĐIỆN GIÓ NGOÀI KHƠI

**Việt Nam được đánh giá có nhiều tiềm năng phát triển điện gió ngoài khơi, với đường bờ biển dài hơn 3000 km. Việc phát triển điện gió ngoài khơi sẽ đóng vai trò quan trọng, giúp đáp ứng nhu cầu điện ngày càng tăng một cách bền vững trên cả nước.**



Chính phủ Việt Nam đã nhấn mạnh tầm quan trọng của điện gió ngoài khơi là một trong những trọng tâm kinh tế của quốc gia tại Nghị quyết số 36/NQ-TW, 2018 và số 26/NQ-CP, 2020. Đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc triển khai các dự án điện gió trên bờ và gần bờ. Dù vậy, đến nay vẫn chưa có dự án ngoài khơi nào đi vào hoạt động.

Bên cạnh đó, Việt Nam đã thông qua mục tiêu đầy tham vọng là đạt 6 GW vào năm 2030 trong Quy hoạch phát triển điện VIII (PDP 8). Để thực hiện mục tiêu này, điều quan trọng cần làm là xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia dành riêng cho điện gió ngoài khơi, qua đó tháo gỡ những rào cản đối với việc phát triển điện gió ngoài khơi.

Do đó, việc ban hành các tiêu chuẩn được kỳ vọng sẽ tạo hành lang pháp lý rõ ràng, thúc đẩy sự phát triển bền vững của điện gió ngoài khơi, góp phần hỗ trợ tích hợp năng lượng tái

tạo vào lưới điện quốc gia, đồng thời giúp Việt Nam thực hiện các cam kết về chuyển dịch năng lượng và phát thải ròng bằng không vào năm 2050.

Theo ông Triệu Việt Phương - Quyền Viện trưởng Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, Việt Nam đang đẩy mạnh quá trình chuyển đổi năng lượng, phát triển năng lượng tái tạo đóng vai trò then chốt nhằm đảm bảo an ninh năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính và thực hiện các cam kết quốc tế về phát triển bền vững. Điện gió, cùng với hệ thống lưu trữ năng lượng không chỉ góp phần quan trọng tối ưu hóa khai thác nguồn tài nguyên gió mà còn giúp nâng cao độ ổn định và hiệu quả của hệ thống điện quốc gia.

Trên thực tế, trong những năm qua, Việt Nam đã có những bước tiến mạnh mẽ trong phát triển năng lượng tái tạo. Nhằm đảm bảo chất lượng và tính đồng bộ trong triển khai, đến nay, hệ thống Tiêu chuẩn Quốc gia (TCVN) về điện gió đã công bố 7 TCVN liên quan đến thiết kế Tuabin gió, đo và đánh giá đặc tính chất lượng điện năng của tuabin gió nối lưới, hướng dẫn thử nghiệm và chứng nhận sự phù hợp; bảo vệ chống sét cho Tuabin gió và Đo hiệu suất năng lượng của tuabin gió. Tuy nhiên, để theo kịp tốc độ phát triển nhanh chóng của công nghệ và đảm bảo hệ thống điện gió vận hành an toàn, hiệu quả, việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực này là rất cần thiết. Trong đó, xây dựng thêm 20 tiêu chuẩn quốc gia sẽ góp phần bổ sung và dần hoàn thiện hệ thống TCVN về lĩnh vực điện gió./.

*(Minh Trang)*

## TIÊU CHUẨN VỀ AN TOÀN GIAO THÔNG TẠI TRUNG QUỐC

**Trung Quốc là nước có dân số đông, tỷ lệ sở hữu xe ô tô cá nhân, xe công cũng như các phương tiện vận chuyển hành khách và hàng hóa rất lớn. Với mật độ lưu lượng lưu thông lớn, việc xảy ra các vi phạm về quy định giao thông là không thể tránh khỏi.**

Tuy nhiên, điểm đáng chú ý, tai nạn giao thông đang giảm dần, nhờ vào các biện pháp an toàn sáng tạo được thiết kế để theo kịp tình trạng đường bộ của Trung Quốc. Trong đó, vai trò của hệ thống tiêu chuẩn liên quan đến an toàn giao thông là rất quan trọng.

Mới đây, tiêu chuẩn quốc gia cho hệ thống cảnh báo mở cửa (DOW) – GB/T 44173-2024 được ban hành, giúp cảnh báo người ngồi trên xe về nguy cơ va chạm tiềm ẩn khi mở cửa xe, bảo vệ người đi bộ, người đi xe đạp và những người tham gia giao thông khác. Công nghệ sử dụng các thuật toán AI tiên tiến dựa trên thị giác hoặc sự kết hợp nhiều cảm biến để cải thiện hiệu suất và độ tin cậy của hệ thống DOW.



DOW được tích hợp các nguyên tắc ISO trên toàn bộ chuỗi giá trị – từ R&D đến sản xuất, thử nghiệm và sau bán hàng. Điều này bao gồm việc tuân thủ ISO 26262 về an toàn chức năng, ISO 9001 về quản lý chất lượng, cũng như các tiêu

chuẩn về môi trường và tính bền vững hàng đầu của ISO. Trọng tâm của ISO về cải tiến liên tục giúp thúc đẩy sự phát triển liên tục các thuật toán và công nghệ cảm biến trong hệ thống DOW.

Trước đó, Trung Quốc cũng công bố tiêu chuẩn thử nghiệm xe tự hành, đánh dấu bộ tiêu chuẩn đầu tiên về loại xe này trên toàn cầu. Theo đại diện Viện Tiêu chuẩn hóa thuộc Trung tâm Nghiên cứu & Công nghệ Ô tô Trung Quốc, tiêu chuẩn nói trên làm rõ các thuật ngữ, xác định yếu tố cơ bản của các tình huống kiểm tra lái xe tự động và đặt nền tảng cho việc thiết lập nội dung kiểm tra dựa trên các tình huống.

Chưa dừng lại ở đó, Trung Quốc cũng đang đẩy nhanh quá trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về khí thải xe cơ giới VII khi mà đất nước này đang chịu ảnh hưởng từ ô nhiễm môi trường, nguyên nhân bắt nguồn một phần từ khí thải của các phương tiện giao thông.

Tính từ năm 2000 đến năm 2024, quốc gia này đã thay đổi 6 tiêu chuẩn khác nhau về khí thải xe cơ giới nhằm điều chỉnh phù hợp theo yêu cầu từng giai đoạn. Nhằm hướng tới mục tiêu trung hòa carbon trong lĩnh vực giao thông vận tải cũng như đảm bảo các quy định về phát thải khí nhà kính (GHG) trong việc đáp ứng các mục tiêu môi trường dài hạn của Trung Quốc. Chính phủ nước này đang thúc đẩy việc xây dựng tiêu chuẩn khí thải VII. Với một số đặc điểm chính: Giới hạn phát thải nghiêm ngặt hơn:

Tiêu chuẩn VII sẽ giảm đáng kể mức cho phép của oxit nitơ (NOx), hạt vật chất (PM) và carbon monoxide (CO) so với các tiêu chuẩn VI hiện tại./.

*(Nguyễn Nhung)*

## YÊU CẦU KỸ THUẬT VỀ AN TOÀN ĐỐI VỚI TRỤ SẠC XE ĐIỆN

**Theo dự thảo Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trụ sạc xe điện do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố, trụ sạc xe điện nhập khẩu phải được kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa thông qua việc xem xét hoạt động công bố hợp quy theo quy chuẩn này và gắn dấu hợp quy trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.**



Trên thế giới hiện có 3 thị trường xe điện đang phát triển rất mạnh mẽ là Trung Quốc, Hoa Kỳ và châu Âu. Ngành công nghiệp sạc điện cũng tăng lên nhanh chóng theo hai mô hình: công ty sản xuất ô tô tự xây dựng trạm sạc riêng; các công ty chuyên về trạm sạc đầu tư xây dựng.

Tại Việt Nam, một số doanh nghiệp đang tiến hành sản xuất, lắp ráp ô tô điện như Vinfast với xe điện chạy pin (BEV), Hyundai Thành Công với xe điện chạy pin (BEV) và xe hybrid (HEV), Thaco với xe hybrid (HEV) và plug-in hybrid (PHEV), TMT với xe điện chạy pin cỡ nhỏ (mini-BEV). Năm 2023, 15.676 xe BEV và 5.220 xe HEV/PHEV được tiêu thụ tại Việt Nam. 6 tháng đầu năm 2024, tổng cộng 17.536 xe BEV được tiêu thụ tại Việt Nam, bao gồm 17.482 xe sản xuất, lắp ráp trong nước và 54 xe nhập khẩu.

Với sự phát triển nhanh của xe ô tô điện những năm gần đây, nhiều doanh nghiệp đã bày tỏ mối quan tâm đối với thị trường cung cấp các thiết bị và dịch vụ cho phương tiện giao thông điện, đặc biệt là trạm sạc điện cho xe ô tô điện tại Việt Nam.

Xuất phát từ yêu cầu tiếp tục hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn phục vụ sự phát triển của thị trường xe điện, Bộ Khoa học và Công nghệ đang lấy ý kiến góp ý về dự thảo Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trụ sạc xe điện. Theo dự thảo, quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật về an toàn đối với trụ sạc xe điện dùng để sạc điện cho xe điện (EV) có điện áp cấp danh định đến 1.000V xoay chiều (AC) hoặc đến 1.500V một chiều (DC) và điện áp ra danh định đến 1.000 V AC hoặc 1.500 V DC và áp dụng cho xe điện có thể sạc điện từ nguồn điện bên ngoài.

Quy chuẩn kỹ thuật này cũng áp dụng cho thiết bị cấp điện cho xe điện được cấp nguồn từ các hệ thống lưu trữ năng lượng tại chỗ; trụ sạc xe điện cho các loại xe ô tô điện, kể cả các xe ô tô điện hybrid kiểu sạc ngoài (PHEV), lấy hoàn toàn hoặc một phần năng lượng của xe từ các hệ thống lưu trữ năng lượng sạc lại được (RESS) lắp trên xe.

Về quy định kỹ thuật, trụ sạc điện cho xe điện phải có kết cấu để xe điện có thể kết nối với trụ sạc điện cho xe điện sao cho trong các điều kiện sử dụng bình thường, việc truyền năng lượng được thực hiện một cách an toàn và tính năng truyền là tin cậy và giảm thiểu rủi ro nguy hiểm cho người sử dụng hoặc môi trường xung quanh.

Về yêu cầu ghi nhãn và hướng dẫn sử dụng, trụ sạc xe điện đáp ứng các yêu cầu của quy chuẩn này phải được ghi nhãn, đảm bảo rõ ràng, đủ bền trong thời gian sử dụng và phải bao gồm các thông tin sau đây: nhà sản xuất; kiểu loại sản phẩm (model); điện áp vào; dòng điện vào; hệ số công suất; điện áp ra; dòng điện ra; công suất ra; cấp bảo vệ IP; cấp bảo vệ IK; giao thức truyền thông (Protocol); nhiệt độ làm việc; chiều dài, chiều rộng, chiều cao; khối lượng; chiều dài cáp sạc; năm sản xuất.

Nhà sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh phải cung cấp hướng dẫn lắp đặt trụ sạc xe điện và sổ tay hướng dẫn sử dụng đối với trụ

sạc xe điện bằng tiếng Việt theo quy định tại khoản 16.1 và khoản 16.2 của TCVN 13078-1:2020 (IEC 61851- 1:2017). Trụ sạc xe điện sản xuất, lắp ráp trong nước phải được công bố hợp quy theo quy chuẩn này và được gắn dấu hợp quy trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường.

Trụ sạc xe điện nhập khẩu phải được

kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa thông qua việc xem xét hoạt động công bố hợp quy theo quy chuẩn này và gắn dấu hợp quy trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường. Công bố hợp quy cho trụ sạc xe điện phải dựa trên kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức chứng nhận được chỉ định./.

(Tiến Đông)

## **NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH NGÀNH SỮA NHỜ ĐÁP ỨNG CÁC YÊU CẦU THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN 13805:2023**

**Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu gay gắt, việc nắm bắt và đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn chất lượng là yếu tố then chốt quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Trong đó phải kể đến tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13805:2023 Truy xuất nguồn gốc - Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng sữa và sản phẩm sữa.**



Những năm gần đây, ngành công nghiệp sản xuất, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa của Việt Nam đã có sự phát triển năng động, cung cấp nhiều sản phẩm đa dạng cho đời sống kinh tế quốc dân. Ngành sữa có nhiều đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước, tạo nhiều việc làm cho người lao động, góp phần bảo đảm đời sống nhân dân và ổn định tình hình xã hội, trở thành một mắt xích quan trọng của nền kinh tế.

Tuy nhiên trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu gay gắt, khi mà người tiêu dùng có nhiều lựa chọn các dòng sản phẩm sữa nội, sữa ngoại khác nhau thì việc nắm bắt và đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn chất

lượng là yếu tố then chốt quyết định sự thành công của doanh nghiệp, bên cạnh các yếu tố như giá cả, vận chuyển, nguồn nhân lực,... Trong đó phải kể đến TCVN 13805:2023 Truy xuất nguồn gốc - Yêu cầu đối với chuỗi cung ứng sữa và sản phẩm sữa.

Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu đối với chuỗi cung ứng sữa và sản phẩm sữa để đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc. Các loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh được xác định trong tiêu chuẩn này đối với chuỗi cung ứng sữa và sản phẩm sữa bao gồm: cơ sở chăn nuôi; cơ sở cung cấp nguyên liệu; cơ sở vận chuyển và logistic; cơ sở chế biến; nhà phân phối; cơ sở bán lẻ.

TCVN 13805:2023 đưa ra các yêu cầu chung đối với chuỗi cung ứng sữa, bao gồm các yêu cầu về: Định danh cơ sở sản xuất, kinh doanh và địa điểm của cơ sở; Đối tượng truy xuất; Định danh đối tượng truy xuất; Ghi nhãn và in mã vạch đối với đối tượng truy xuất; Vật mang dữ liệu sử dụng trong chuỗi cung ứng sữa và sản phẩm sữa; Thu thập dữ liệu tự động về đối tượng truy xuất; Sự kiện theo dõi trọng yếu; Dữ liệu truy xuất nguồn gốc và lưu giữ hồ sơ.

Đồng thời, tiêu chuẩn này cũng đưa ra các yêu cầu cụ thể đối với chuỗi cung ứng sữa và sản phẩm sữa, bao gồm các yêu cầu về: Chuỗi cung ứng sữa và sản phẩm sữa; Quá trình cung cấp vật tư đầu vào; Quá trình tại cơ sở chăn nuôi gia súc cho sữa; Vận chuyển sữa; Chế biến sản phẩm sữa; Phân phối sản phẩm sữa; Quá

trình tại cơ sở bán lẻ và cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

Cần lưu ý rằng, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong chuỗi cung ứng sữa và sản phẩm sữa phải đáp ứng các nguyên tắc chung nêu trong TCVN 12850 về Truy xuất nguồn gốc – Yêu cầu chung đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc, gồm 4 nguyên tắc sau:

Nguyên tắc “Một bước trước - một bước sau”: Để bảo đảm khả năng giám sát, nhận diện được công đoạn sản xuất, kinh doanh trước và công đoạn sản xuất, kinh doanh tiếp theo trong quá trình sản xuất, kinh doanh đối với một sản phẩm; Nguyên tắc “sẵn có của phần tử dữ liệu

chính”: Các phần tử dữ liệu chính phải được thu thập, lưu trữ và cập nhật kịp thời trong các báo cáo thông tin chi tiết về các sự kiện quan trọng trong quá trình sản xuất và chuỗi cung ứng.

Nguyên tắc “minh bạch”: Hệ thống truy xuất nguồn gốc phải đạt yêu cầu về tính minh bạch tối thiểu bằng cách sử dụng dữ liệu tình về khách hàng, bên cung ứng, sản phẩm và các điều kiện sản xuất; Nguyên tắc “có sự tham gia đầy đủ các bên truy xuất nguồn gốc”: Hệ thống truy xuất nguồn gốc phải có sự tham gia của đầy đủ các bên truy xuất nguồn gốc của tổ chức./.

(Tiến Đông)

## TIÊU CHUẨN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HIỆU QUẢ CỦA DOANH NGHIỆP

**Tiêu chuẩn đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh ngày càng hiệu quả, làm tăng năng suất và giúp doanh nghiệp tiếp cận các thị trường mới thông qua việc đảm bảo sự phù hợp của sản phẩm và dịch vụ; cắt giảm chi phí thông qua việc cải thiện hệ thống; tăng khả năng cạnh tranh và sự hài lòng của khách hàng thông qua cải thiện chất lượng sản phẩm.**



Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, hoạt động tiêu chuẩn ngày càng thể hiện vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật 2006 nêu rõ, tiêu chuẩn là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng

hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đối tượng này. Tiêu chuẩn do một tổ chức công bố dưới dạng văn bản để tự nguyện áp dụng.

Các chuyên gia nhận định, tiêu chuẩn có vai trò quan trọng đối với doanh nghiệp, người tiêu dùng và cơ quan quản lý Nhà nước, cụ thể: Đối với doanh nghiệp, tiêu chuẩn là công cụ chiến lược và định hướng để giúp các doanh nghiệp giải quyết một số thách thức đòi hỏi khắt khe của hoạt động kinh doanh hiện đại.

Tiêu chuẩn đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh ngày càng hiệu quả, làm tăng năng suất và giúp doanh nghiệp tiếp cận các thị trường mới thông qua việc đảm bảo sự phù hợp của sản phẩm và dịch vụ; cắt giảm chi phí thông qua việc cải thiện hệ thống; tăng khả năng cạnh tranh và sự hài lòng của khách hàng thông qua cải thiện chất lượng sản phẩm. Điển hình như ISO 9001 giúp doanh nghiệp cải thiện doanh số bán hàng, sự hài lòng của khách hàng, hình ảnh doanh nghiệp; ISO 14001 giúp doanh nghiệp quản lý tác động của quá trình sản xuất tới môi trường.

Đối với người tiêu dùng, khi sản phẩm và dịch vụ tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế có thể tin

tưởng rằng sản phẩm, dịch vụ đó sẽ có tính an toàn, tin cậy và chất lượng tốt, thân thiện với môi trường. Đối với người tiêu dùng, khi sản phẩm và dịch vụ tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia có thể tin tưởng rằng, sản phẩm, dịch vụ đó sẽ có tính an toàn, tin cậy và chất lượng tốt, thân thiện với môi trường. Ví dụ, tiêu chuẩn về an toàn đường bộ, an toàn đồ chơi trẻ em, bao bì y tế an toàn...

Còn đối với Chính phủ, tiêu chuẩn cung cấp các kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm và Chính phủ có thể sử dụng tiêu chuẩn để hỗ trợ chính sách công đem lại nhiều lợi ích như: mở cửa thương mại thế giới do tiêu chuẩn quốc tế được chấp nhận bởi nhiều chính phủ, nên sử dụng hoặc viện dẫn chúng trong các quy chuẩn

quốc gia sẽ tạo thuận lợi cho sự di chuyển của hàng hóa, dịch vụ và công nghệ từ nước này sang nước khác; loại bỏ các rào cản trong thương mại với thế giới bằng cách cung cấp các tiêu chuẩn làm cơ sở kỹ thuật trong các điều khoản của các hiệp định thương mại ở các cấp khu vực và quốc tế.

Tuy nhiên, chúng ta cũng cần nhìn nhận thực tế rằng nhiều doanh nghiệp chưa thực sự coi trọng tiêu chuẩn, hoặc hiểu về tiêu chuẩn chưa tới. Do đó, các cơ quan quản lý nhà nước cần dẫn dắt, xây dựng tiêu chuẩn, truyền thông cho doanh nghiệp, giúp họ thay đổi tư duy trong xây dựng tiêu chuẩn; xây dựng chứng nhận tiêu chuẩn cho doanh nghiệp;.../.

*(Thanh Thúy)*

## ĐO LƯỜNG GIÚP DOANH NGHIỆP TĂNG KHẢ NĂNG CẠNH TRANH, ĐẢM BẢO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

**Hoạt động đo lường đã trở thành một phần không thể thiếu của mọi ngành công nghiệp và lĩnh vực đời sống, góp phần cải thiện quy trình sản xuất, tăng cường cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển bền vững của các tổ chức và doanh nghiệp.**



Hiện nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo, hoạt động đo lường đã trở thành một phần không thể thiếu của mọi ngành công nghiệp và lĩnh vực đời sống, góp phần cải thiện quy trình sản xuất, tăng cường cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển bền vững của các tổ chức và doanh nghiệp. Đo lường là ngành khoa học quan trọng

trong các ngành khoa học, đặc biệt là khoa học kỹ thuật.

Nói về vai trò của hoạt động đo lường, các chuyên gia cho biết, trước tiên, hoạt động đo lường có phạm vi ảnh hưởng rộng lớn và đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong xã hội bởi đo lường tạo điều kiện thuận lợi cho công bằng thương mại thông qua các văn bản tiêu chuẩn hài hòa, các chuẩn đo lường nhất quán và các chứng chỉ được quốc tế chấp nhận. Một ví dụ dễ hiểu là một thiết bị có thể được bán và sử dụng ở các quốc gia khác nhau mà không cần lặp lại thử nghiệm khi đã được kiểm tra và phê duyệt để sử dụng tại một quốc gia cụ thể.

Tiếp đến, đo lường khoa học thúc đẩy sự đổi mới ngành công nghiệp và phát triển phương tiện đo tiên tiến. Trong lĩnh vực kỹ thuật sản xuất yêu cầu độ chính xác cao đòi hỏi kỹ thuật đo phải có độ chính xác hơn để có thể kiểm soát các quy trình sản xuất và lắp ráp, chẳng hạn như đối với cấu trúc vi mô và nano. Bên cạnh năng lượng, nguyên vật liệu thì đo lường chính là bộ phận hợp thành của một nền sản xuất hiện đại.

Mặt khác, đo lường hỗ trợ quản lý nhà nước, bằng cách cung cấp các tài liệu tham khảo

đo lường để tham vấn các chính sách, chỉ thị, đánh giá sự phù hợp và kiểm định. Đo lường là công cụ bảo vệ người tiêu dùng trọng yếu. Đồng thời, đo lường giúp đáp ứng các mục tiêu xã hội, ví dụ như tăng hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm tiêu thụ tài nguyên khi nghiên cứu đo lường các nguồn năng lượng mới (như nhiên liệu sinh học, khí thiên nhiên hóa lỏng,...).

Nhìn chung, đo lường gần như có mặt trong toàn bộ chu trình hình thành một sản phẩm, từ khâu thiết kế, chế tạo thử đến việc kiểm tra vật liệu trước khi đưa vào sản xuất,

điều khiển, điều chỉnh quá trình công nghệ và giai đoạn kiểm tra chất lượng sản phẩm cuối cùng, cho đến khâu lắp đặt đưa sản phẩm vào sử dụng và bảo hành.

Có thể nói, đo lường chính là cơ sở, là trung tâm của hệ thống điều chỉnh, điều khiển trong quá trình sản xuất. Bởi vậy nhiều ý kiến cho rằng, bên cạnh năng lượng, nguyên vật liệu thì đo lường chính là bộ phận hợp thành của một nền sản xuất hiện đại. /.

(*Hồng Vân*)

## ÁP DỤNG ISO 17025 ĐIỀU KIỆN VÀNG CHO SỰ THÀNH CÔNG

**Trước yêu cầu khắt khe về chất lượng trong hoạt động thử nghiệm và hiệu chuẩn, việc áp dụng tiêu chuẩn quốc tế ISO 17025 trở thành một bước đột phá đối với các phòng thí nghiệm.**

ISO 17025, được phát triển bởi Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) và Ủy ban Kỹ thuật điện quốc tế (IEC), không chỉ giúp chứng minh năng lực của phòng thí nghiệm mà còn mở rộng cơ hội hợp tác quốc tế, thúc đẩy thương mại và đảm bảo chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, để triển khai và duy trì tiêu chuẩn này một cách thành công, doanh nghiệp cần phải tuân thủ đầy đủ năm điều kiện vàng dưới đây.

### 1. Sự cam kết chân thành từ ban lãnh đạo



### đạo

Không thể phủ nhận, bước đầu tiên và quan trọng nhất chính là tấm lòng và sự cam kết của ban lãnh đạo. Khi lãnh đạo thể hiện rõ ràng quyết tâm cải thiện chất lượng, họ không chỉ định hướng phát triển mà còn tạo động lực lan tỏa đến toàn bộ đội ngũ. Các nhà quản lý cần thể hiện sự quan tâm bằng cách phân bổ nguồn lực và thời gian hợp lý cho quá trình chuyển đổi, từ đó giúp toàn bộ hệ thống hoạt động một cách trơn tru và hiệu quả.

### 2. Sự tham gia nhiệt tình của mọi người

Một hệ thống chỉ thật sự thành công khi mỗi thành viên trong phòng thí nghiệm đều hiểu và chia sẻ mục tiêu chung. Khi mọi người đều cùng nhau chung tay, quá trình thực hiện ISO 17025 trở nên tự nhiên và không còn là gánh nặng. Từng nhân viên, từ những người đứng đầu đến những cá nhân trực tiếp làm việc tại hiện trường, cần được truyền đạt kiến thức và nhận thức sâu sắc về tiêu chuẩn này. Không khí đồng đội, sự lắng nghe và hỗ trợ lẫn nhau chính là nguồn động lực giúp quá trình chuyển đổi trở nên nhẹ nhàng và hiệu quả.

### 3. Sự đồng hành cùng

### **công nghệ hiện đại**

Thế giới đang thay đổi với tốc độ nhanh chóng và công nghệ ngày càng phát triển. Khi các phòng thí nghiệm áp dụng những thiết bị hiện đại, hệ thống tự động hóa và các giải pháp số hoá, mọi quy trình kiểm tra, lưu trữ và phân tích dữ liệu trở nên mượt mà và chính xác hơn bao giờ hết. Việc tích hợp công nghệ không chỉ giúp giảm thiểu sai sót mà còn tạo ra một môi trường làm việc sáng tạo, nơi mọi thông tin được xử lý nhanh chóng, góp phần khẳng định chất lượng của các kết quả kiểm tra.

#### **4. Tinh thần cải tiến và đổi mới liên tục**

Không ngừng học hỏi và cải tiến là chìa khóa giúp các phòng thí nghiệm luôn dẫn đầu trong ngành. Dù đã đạt được những thành tựu nhất định, việc duy trì tinh thần đổi mới giúp khắc phục những bất cập và nâng cao hiệu quả công việc. Việc thường xuyên rà soát, đánh giá và điều chỉnh quy trình không chỉ giúp duy trì chất lượng mà còn tạo nên một văn hóa làm việc năng động, sáng tạo và không ngại thử thách. Trong không gian đó, mỗi sai sót được xem như một cơ hội để học hỏi và cải thiện, mỗi phản hồi từ khách hàng lại là chiếc chìa khóa mở ra cánh cửa tiến bộ.

#### **5. Hỗ trợ từ các chuyên gia và tư vấn chuyên nghiệp**

Mặc dù tinh thần tự học hỏi là cần thiết,

nhưng việc tìm kiếm sự hỗ trợ từ các chuyên gia tư vấn cũng mang lại giá trị không thể phủ nhận. Những người có kinh nghiệm và kiến thức chuyên sâu về ISO 17025 sẽ giúp định hướng, gợi ý những cải tiến và đưa ra những giải pháp thiết thực. Sự đồng hành từ các chuyên gia này không chỉ giúp giảm bớt gánh nặng ban đầu mà còn tạo ra một lộ trình rõ ràng cho quá trình chuyển đổi, giúp phòng thí nghiệm tự tin hơn trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

Việc áp dụng ISO 17025 không chỉ là một bước tiến công nghệ mà còn là minh chứng cho sự chuyên nghiệp và cam kết về chất lượng của doanh nghiệp. Từ sự quyết tâm của ban lãnh đạo, sự chủ động của toàn thể nhân viên, đầu tư vào công nghệ hiện đại, quá trình cải tiến liên tục đến việc sử dụng nguồn lực tư vấn chuyên nghiệp – mỗi yếu tố đều đóng góp không nhỏ vào thành công chung.

Trên thực tế, những doanh nghiệp đã áp dụng thành công tiêu chuẩn ISO 17025 không chỉ chứng minh được năng lực chuyên môn mà còn tạo dựng niềm tin vững chắc từ khách hàng và đối tác trên thị trường toàn cầu. Đây chính là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững và khẳng định vị thế của doanh nghiệp trong thời kỳ cạnh tranh khốc liệt hiện nay./.

*(Minh Trang)*

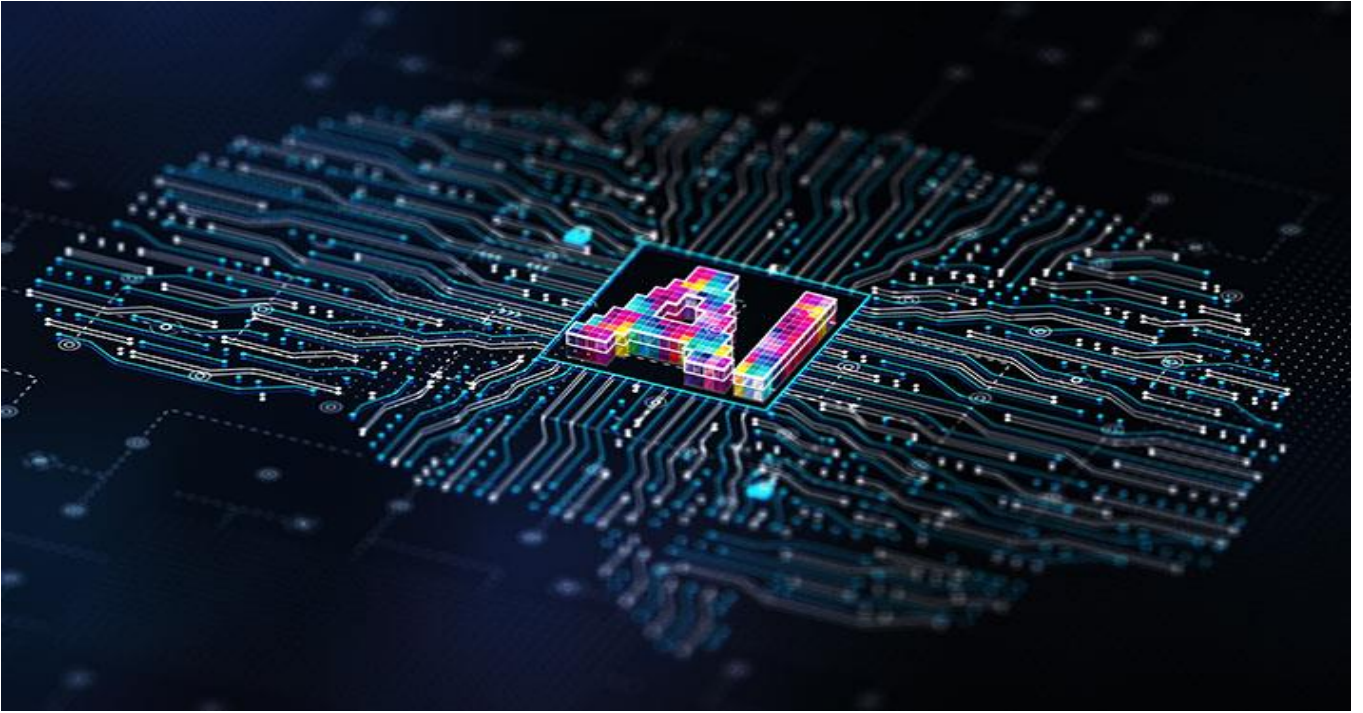
---

## **CẬP NHẬP TIÊU CHUẨN MỚI CHO CÁC THIẾT BỊ SẢN PHẨM TIÊU DÙNG ĐƯỢC KẾT NỐI AI**

Sự phát triển của Trí tuệ nhân tạo hiện nay đang ngày càng khẳng định vị thế của AI trong nền kinh tế hiện đại. Với khả năng quản lý và phân tích dữ liệu lớn, Trí tuệ nhân tạo giúp các nhà phân tích dữ liệu dễ dàng phát hiện ra những xu hướng tiềm năng và hỗ trợ ra quyết định kinh doanh hiệu quả hơn. Chính vì vậy, để phủ rộng trí tuệ nhân tạo đến mọi lĩnh vực trong đời sống, Hiệp hội vật liệu và thử nghiệm Hoa Kỳ (ASTM International) đã sửa đổi tiêu chuẩn trước đó nhằm tăng cường đảm bảo an toàn cho các sản phẩm tiêu dùng được

**kết nối (F3463). Tiêu chuẩn này thuộc thẩm quyền của ASTM, ủy ban sản phẩm tiêu dùng (F15) và đã được sửa đổi để bao gồm hướng dẫn về việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI).**

“Trước khi đưa một sản phẩm tiêu dùng sử dụng AI ra thị trường, cần phải tiến hành các quy trình đánh giá an toàn”, ông Travis Norton, thành viên ASTM, giám đốc chiến lược nội dung và đổi mới tuân thủ thuộc công ty Compliance & Risks cho biết. “Hướng dẫn sửa đổi này cung cấp thông tin chi tiết về các yêu cầu an toàn sản phẩm, các cân nhắc về thiết kế và trách nhiệm của các bên liên quan”.



Ông Norton cũng lưu ý thêm, “Có những cân nhắc độc đáo đối với AI mà phiên bản trước của tiêu chuẩn này không đề cập đến. Ủy ban kỹ thuật của chúng tôi đã xem xét các nguy cơ có thể xảy ra khi sử dụng AI trong các sản phẩm tiêu dùng cũng xem xét, so sánh sự khác biệt về độ an toàn giữa sản phẩm AI và các phương pháp tiếp cận truyền thống.”

Theo ông Norton, bản sửa đổi này thể hiện nỗ lực của ủy ban nhằm giải quyết các vấn đề đặc biệt do AI nêu ra với hy vọng cung cấp thêm hướng dẫn cho ngành về cách đánh giá tính an toàn của AI cho ứng dụng sản phẩm tiêu dùng trong tương lai.

Mối lo ngại về an toàn, an ninh bảo mật về sản phẩm tiêu dùng có tích hợp AI cũng được nhiều chuyên gia quan tâm, bởi cho đến hiện tại, AI chưa hẳn đã được bảo mật an toàn tuyệt đối, sẽ có những vấn đề nảy sinh trong quá trình sử dụng, như: hệ thống trục trặc, các biện pháp an toàn không đầy đủ, sự hiểu lầm của người dùng và các lỗ hổng an ninh mạng. Những vấn đề này có thể dẫn đến những tác động xấu không mong muốn, dẫn đến một số thiết bị thông minh có thể bị hỏng hóc hay vấn đề an toàn, bảo mật trong các thiết bị này bị ảnh hưởng. Đảm bảo an toàn cho các sản phẩm tiêu dùng được hỗ trợ bởi AI đòi hỏi một cách tiếp cận mới giải quyết các thách thức độc đáo

do AI đặt ra, chẳng hạn như tính phức tạp của hệ thống, khả năng học liên tục và tương tác giữa con người và AI.

Điều này cũng đòi hỏi phải các nhà chuyên môn liên tục cập nhật kiến thức và nghiên cứu, cũng như có sự đồng hành, hợp tác giữa các bên liên quan để đánh giá liên tục và quản lý các rủi ro đang phát triển của các sản phẩm này.

Các nhà sản xuất, nhà nhập khẩu và nhà bán lẻ sản phẩm tiêu dùng được kết nối AI cũng có các nghĩa vụ cụ thể tìm hiểu về sản phẩm, bao gồm: an toàn theo thiết kế, đánh giá an toàn, thử nghiệm phần mềm và thu thập dữ liệu sự cố từ đó có sự điều chỉnh sản phẩm hay có những kiến nghị kịp thời đối với các nhà chuyên môn.

Mặt khác, tiêu chuẩn F3463 cũng được áp dụng để đảm bảo các cân nhắc và xác minh phù hợp cho việc thử nghiệm sản phẩm. Các cơ quan quản lý có thể thúc đẩy việc sử dụng hướng dẫn này cho ngành công nghiệp và các ngành liên quan, trong trường hợp không có quy định cụ thể về sản phẩm, mặt khác, tiêu chuẩn còn cho phép sử dụng hướng dẫn để kiểm tra các sự cố thiết bị trong quá trình thử nghiệm./.

*(Minh Trang)*

## CÁC TIÊU CHUẨN MỚI CẬP NHẬT TRONG THÁNG 03/2025

❖ **TIÊU CHUẨN QUỐC GIA****TCVN 11206-5:2024**

Kết cấu gỗ. Xác định các giá trị đặc trưng. Phần 5: Liên kết cơ học

Số trang:20

**TCVN 11843:2025**

Bóng đèn LED, đèn điện LED, Môđun LED, đèn điện OLED và các nguồn sáng OLED. Phương pháp thử

Số trang:78

**TCVN 13433-2:2024**

Chế phẩm bảo quản gỗ. Phần 2: Nhóm chế phẩm hòa tan trong dung môi hữu cơ

Số trang:11

**TCVN 13567-6:2025**

Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng. Thi công và nghiệm thu. Phần 6: Bê tông nhựa chặt tái chế nóng tại trạm trộn sử dụng hàm lượng vật liệu cũ từ trên 25% đến 50%

Số trang:56

**TCVN 13766:2023**

Chất thải rắn. Bãi chôn lấp hợp vệ sinh. Yêu cầu thiết kế

Số trang:27

**TCVN 13978:2024**

Vật liệu làm phẳng sàn. Tính chất và yêu cầu kỹ thuật

Số trang:25

**TCVN 14131-1:2024**

Sản phẩm chịu lửa – Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch chịu lửa – Phần 1: Kích thước và sự phù hợp với bản vẽ

Số trang:12

**TCVN 14131-2:2024**

Sản phẩm chịu lửa – Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch chịu lửa – Phần 2:

Các khuyết tật góc, cạnh và khuyết tật trên bề mặt khác

Số trang:15

**TCVN 14132:2024**

Vật liệu chịu lửa không định hình. Phương pháp xác định khả năng nổ tróc khi gia nhiệt

Số trang:8

**TCVN 14133:2024**

Kính xây dựng. Gương từ kính nổi tráng bạc sử dụng bên trong công trình

Số trang:29

Thay thế:TCVN 7624:2007, TCVN 7625:2007

**TCVN 14136:2024**

Tro bay làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng

Số trang:8

**TCVN 14157:2024**

Viên đá tự nhiên lát ngoài trời

Số trang:23

**TCVN 14158:2024**

Viên đá tự nhiên bó vỉa ngoài trời

Số trang:28

**TCVN 14226:2025**

Bảo vệ bằng vỏ ngoài cho người và thiết bị. Đầu dò kiểm tra xác nhận

Số trang:28

**TCVN 14227:2025**

Cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài của thiết bị điện chống va đập cơ khí từ bên ngoài (Mã IK)

Số trang:10

**TCVN 14230:2024**

Dịch vụ du lịch thân thiện với người hồi giáo. Các yêu cầu

Số trang:16

**TCVN 14245:2024**

Gỗ sấy. Xác định độ ẩm bằng ẩm kế điện dung

Số trang:13

**TCVN 14246:2024**

Gỗ dán chịu nước mặn. Các yêu cầu

Số trang:16

**TCVN 14249:2024**

Du lịch và các dịch vụ liên quan – Hệ thống quản lý bền vững cho các cơ sở lưu trú – Các yêu cầu

Số trang:39

**TCVN 14250:2024**

Du lịch và các dịch vụ liên quan – Hướng dẫn xây dựng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với cơ sở lưu trú

Số trang:14

**TCVN 14251:2024**

Phân tích cảm quan – Hướng dẫn chung đối với việc áp dụng phân tích cảm quan trong kiểm soát chất lượng

Số trang:18

**TCVN 14252:2024**

Phân tích cảm quan. Hướng dẫn chứng minh công bố cảm quan và công bố đối với sản phẩm tiêu dùng

Số trang:29

**TCVN 14253:2024**

Phân tích cảm quan – Phương pháp luận – Hướng dẫn đo lường năng lực của hội đồng cảm quan mô tả định lượng

Số trang:30

**TCVN 14254:2024**

Phân tích cảm quan. Phương pháp luận. Phương pháp khảo sát độ nhạy của vị giác

Số trang:15

**TCVN 14255:2024**

Phân tích cảm quan. Phương pháp đánh giá sự biến đổi hương vị của thực phẩm do bao bì

Số trang:34

**TCVN 14256:2024**

Phân tích cảm quan. Phương pháp luận. Profile cấu trúc  
Số trang:26

**TCVN 14259:2024**

Gỗ biến tính. Gỗ biến tính dùng cho đồ gỗ

Số trang:15

**TCVN 14260:2024**

Gỗ biến tính. Phân loại và ghi nhãn

Số trang:9

**TCVN 14261:2024**

Gỗ biến tính. Gỗ biến tính nhiệt

Số trang:15

**TCVN 14275:2024**

Nhiên liệu sinh học rắn – Xác định các nguyên tố chính – Nhôm, canxi, sắt, magiê, phospho, kali, silice, natri và titan

Số trang:19

**TCVN 14276:2024**

Nhiên liệu sinh học rắn. Xác định các nguyên tố phụ

Số trang:18

**TCVN 14277:2024**

Nhiên liệu sinh học rắn. Xác định hàm lượng clorua, natri và kali tan trong nước

Số trang:13

**TCVN 14292:2024**

Chất dẻo – Túi mua sắm bằng chất dẻo có khả năng tạo compost công nghiệp

Số trang:21

**TCVN 14293:2024**

Chất dẻo – Ống hút bằng chất dẻo có khả năng tạo compost công nghiệp

Số trang:12

**TCVN 14294:2024**

Quy định kỹ thuật đối với việc sử dụng filament gốc poly (lactic axit) trong ứng dụng sản xuất bồi đắp.

Số trang:18

**TCVN 14296-1:2025**

Phích cắm, ổ cắm, phích nối dùng cho xe điện và ổ nối vào xe điện – Sạc điện có dây dùng cho xe điện – Phần 1: Yêu cầu chung

Số trang:104

**TCVN 14296-2:2025**

Phích cắm, ổ cắm, phích nối dùng cho xe điện và ổ nối vào xe điện – Sạc điện có dây dùng cho xe điện – Phần 2: Yêu cầu tương thích về kích thước đối với phụ kiện dạng chân cắm và dạng ống tiếp xúc AC

Số trang:67

**TCVN 14296-3-1:2025**

Phích cắm, ổ cắm, phích nối dùng cho xe điện và ổ nối vào xe điện – Sạc điện có dây dùng cho xe điện – Phần 3-1: Phích nối dùng cho xe điện, ổ nối vào xe điện và cụm cáp dùng cho sạc điện DC được thiết kế để sử dụng với hệ thống quản lý nhiệt

Số trang:70

**TCVN 14296-3:2025**

Phích cắm, ổ cắm, phích nối dùng cho xe điện và ổ nối vào xe điện – Sạc điện có dây dùng cho xe điện – Phần 3: Yêu cầu tương thích về kích thước đối với bộ nối xe điện dạng chân cắm và dạng ống tiếp xúc DC và AC/DC

Số trang:67

**TCVN 14296-4:2025**

Phích cắm, ổ cắm, phích nối dùng cho xe điện và ổ nối vào xe điện – Sạc điện có dây dùng cho xe điện – Phần 4: Yêu cầu tương thích về kích thước và tính đối lẫn đối với các phụ kiện dạng chân cắm và dạng ống tiếp xúc DC dùng cho các ứng dụng Cấp II hoặc Cấp III

Số trang:56

**TCVN 14296-6:2025**

Phích cắm, ổ cắm, phích nối dùng cho xe điện và ổ nối vào xe điện – Sạc điện có dây dùng cho xe điện – Phần 6: Yêu cầu tương thích về kích thước đối với các bộ nối xe điện dạng chân cắm và dạng ống tiếp xúc DC được thiết kế để sử dụng cho thiết bị cấp điện một chiều cho EV có bảo vệ dựa vào sự phân cách về điện

Số trang:25

**TCVN 14301:2024**

Âm nhạc. Thuật ngữ và định nghĩa

Số trang:45

**TCVN 14325:2024**

Hỗn hợp thạch cao phospho làm vật liệu san lấp. Yêu cầu chung

Số trang:13

**TCVN 14326:2024**

Hỗn hợp thạch cao phospho làm vật liệu cho nền, móng đường giao thông – Yêu cầu chung

Số trang:13

**TCVN 4255:2025**

Cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài (mã IP)

Số trang:52

Thay thế:TCVN 4255:2008

**TCVN 7710:2024**

Sản phẩm chịu lửa. Gạch MAGNESIA CARBON

Số trang:9

Thay thế:TCVN 7710:2007

## ❖ TIÊU CHUẨN ISO

**ISO 10059-1:2025**

Dense shaped refractory products — Determination of cold compressive strength Part 1: Referee test without packing

Pages: 11	greases — Determination of the consistency of greases with metal soap thickener by an oscillatory rheometer with a cone/plate measuring system	Pages: 14
Replaces: ISO 10059-1:1992		Replaces: ISO/TS 16179:2012
<b>ISO 11074:2025</b>		<b>ISO 16363:2025</b>
Soil quality — Vocabulary		Space data and information transfer systems — Audit and certification of trustworthy digital repositories
Pages: 63		Pages: 77
Replaces: ISO 11074:2015		Replaces: ISO 16363:2012
<b>ISO 12439:2025</b>		<b>ISO 16811:2025</b>
Mixing water for concrete	Laminate floor coverings — Specification	Non-destructive testing — Ultrasonic testing — Sensitivity and range setting
Pages: 15	Pages: 9	Pages: 41
Replaces: ISO 12439:2010	Replaces: ISO 14486:2012	Replaces: ISO 16811:2012
<b>ISO 12744:2025</b>	<b>ISO 14617-1:2025</b>	<b>ISO 16826:2025</b>
Copper, lead, zinc and nickel concentrates — Experimental methods for checking the precision of sampling	Graphical symbols for diagrams Part 1: General rules	Non-destructive testing — Ultrasonic testing — Testing for discontinuities perpendicular to the surface
Pages: 16	Pages: 11	Pages: 15
Replaces: ISO 12744:2006	<b>ISO 14721:2025</b>	Replaces: ISO 16826:2012
<b>ISO 13227:2025</b>	Space Data System Practices — Reference model for an open archival information system (OAIS)	<b>ISO 16919:2025</b>
Petroleum products and lubricants — Rheological properties of lubricating greases — Determination of flow point using an oscillatory rheometer with a parallel-plate measuring system	Pages: 139	Space data and information transfer systems — Requirements for bodies providing audit and certification of candidate trustworthy digital repositories
Pages: 9	<b>ISO 15883-7:2025</b>	Pages: 23
<b>ISO 13402:2025</b>	Washer-disinfectors- Part 7: Requirements and tests for washer-disinfectors employing chemical disinfection for non-critical thermolabile medical devices and health care equipment	Replaces: ISO 16919:2014
Surgical and dental hand instruments — Determination of resistance against autoclaving, corrosion and thermal exposure	Pages: 30	<b>ISO 17579:2025</b>
Pages: 18	Replaces: ISO 15883-7:2016	Ships and marine technology — Design and testing requirements of pneumatic quick-closing valves
Replaces: ISO 13402:1995	<b>ISO 16063-31:2009/ Amd 1:2025</b>	Pages: 12
<b>ISO 13473-5:2025</b>	Methods for the calibration of vibration and shock transducers — Part 31: Testing of transverse vibration sensitivity Amendment 1	<b>ISO 17633:2025</b>
Characterization of pavement texture by use of surface profiles Part 5: Determination of megatexture	Pages: 4	Welding consumables — Tubular cored electrodes and rods for gas shielded and non-gas shielded metal arc welding of stainless and heat-resisting steels — Classification
Pages: 39	<b>ISO 16179:2025</b>	Pages: 31
Replaces: ISO 13473-5:2009	Footwear — Critical substances potentially present in footwear and footwear components — Determination of organotin compounds in footwear materials	
<b>ISO 13511:2025</b>		
Petroleum products and lubricants — Rheological properties of lubricating		

Replaces: ISO 17633:2017/Amd 1:2021 <b>ISO 17828:2025</b> Solid biofuels — Determination of bulk density Pages: 10 Replaces: ISO 17828:2015 <b>ISO 17831-1:2025</b> Solid biofuels — Determination of mechanical durability of pellets and briquettesPart 1: Pellets Pages: 7 Replaces: ISO 17831-1:2015 <b>ISO 18501:2025</b> Performance rating of positive displacement refrigerant compressor Pages: 14 <b>ISO 18553:2025</b> Method for the assessment of the degree of pigment or carbon black dispersion in polyolefin pipes, fittings and compounds Pages: 17 Replaces: ISO 18553:2002/Amd 1:2007 <b>ISO 18916:2025</b> Imaging materials — Photographic activity test for enclosure materials — Processed silver-gelatin and dye-gelatin prints Pages: 19 Replaces: ISO 18916:2007 <b>ISO 19085-15:2025</b> Woodworking machines — SafetyPart 15: Presses Pages: 39 Replaces: ISO 19085-15:2021 <b>ISO 19338:2025</b> Performance requirements for standards on concrete structures Pages: 15	Replaces: ISO 19338:2014 <b>ISO 20766-19:2025</b> Road vehicles — Liquefied petroleum gas (LPG) fuel system componentsPart 19: Gas-tube pressure relief valves Pages: 7 <b>ISO 20766-22:2025</b> Road vehicles — Liquefied petroleum gas (LPG) fuel system componentsPart 22: Power supply bushing (fuel pump/actuators/fuel level sensor) Pages: 4 <b>ISO 21452:2025</b> Specification and requirements of thermal spray coatings for power plant boiler tubes Pages: 11 <b>ISO 21456:2025</b> Determination of the residual stress of TGO layer in thermal barrier coating by photoexcitation fluorescence piezoelectric spectroscopy Pages: 11 <b>ISO 21465:2025</b> Test method for CMAS corrosion of thermal/environmental barrier coatings under dynamic thermal cycling Pages: 8 <b>ISO 21618:2025</b> Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) — Test method for fracture resistance of monolithic ceramics at room temperature by indentation fracture (IF) method Pages: 16 Replaces: ISO 21618:2019 <b>ISO 22040-3:2025</b>	Life cycle management of concrete structuresPart 3: Execution stage Pages: 7 <b>ISO 22166-202:2025</b> Robotics — Modularity for service robotsPart 202: Information model for software modules Pages: 61 <b>ISO 23231:2025</b> Textiles — Determination of dimensional change of fabrics — Accelerated machine method Pages: 9 Replaces: ISO 23231:2008 <b>ISO 23507:2025</b> Space data and information transfer systems — Information preparation to enable long term use Pages: 59 <b>ISO 23625:2025</b> Small craft — Lithium-ion batteries Pages: 17 <b>ISO 2400:2025</b> Non-destructive testing — Ultrasonic testing — Specification for standard block No. 1 Pages: 8 Replaces: ISO 2400:2012 <b>ISO 24477:2025</b> Vacuum technology — Vacuum gauges — Specifications, calibration and measurement uncertainties for spinning rotor gauges Pages: 11 Replaces: ISO 24477:2022 <b>ISO 26304:2025</b> Welding consumables — Solid wire electrodes, tubular cored electrodes and electrode-flux
---	--	--

combinations for submerged arc welding of high strength steels — Classification Pages: 21 Replaces: ISO 26304:2017 <b>ISO 26324:2025</b> Information and documentation — Digital object identifier system Pages: 17 Replaces: ISO 26324:2022 <b>ISO 3036:2025</b> Board — Determination of puncture resistance using a pendulum device Pages: 10 Replaces: ISO 3036:1975 <b>ISO 32122:2025</b> Transaction assurance in E-commerce — Guidance for offering online dispute resolution services Pages: 14 <b>ISO 3991:2025</b> Agricultural machinery — Robotic feed systems — Safety Pages: 35 <b>ISO 5014:2025</b> Dense and insulating shaped refractory products — Determination of modulus of rupture at ambient temperature Pages: 11 Replaces: ISO 5014:1997 <b>ISO 5474-4:2025</b> Electrically propelled road vehicles — Functional and safety requirements for power transfer between vehicle and external electric circuitPart 4: Magnetic field wireless power transfer Pages: 38 Replaces: ISO 19363:2020 <b>ISO 5840-1:2021/Amd 1:2025</b>	Cardiovascular implants — Cardiac valve prostheses — Part 1: General requirements Amendment 1 Pages: 5 <b>ISO 5840-2:2021/Amd 1:2025</b> Cardiovascular implants — Cardiac valve prostheses — Part 2: Surgically implanted heart valve substitutes Amendment 1 Pages: 2 <b>ISO 5840-3:2021/Amd 1:2025</b> Cardiovascular implants — Cardiac valve prostheses — Part 3: Heart valve substitutes implanted by transcatheter techniques Amendment 1 Pages: 3 <b>ISO 6082:2025</b> Construction project governance — Guidance on delivery management Pages: 66 <b>ISO 6289:2025</b> Skis — Vocabulary Pages: 25 Replaces: ISO 6289:2003/Cor 1:2005 <b>ISO 7613:2025</b> Ships and marine technology — Hopper dredger — Suction tube position monitor Pages: 11 <b>ISO 7718-1:2025</b> Aircraft — Passenger doors interface requirements for connection of passenger boarding bridge or passenger transfer vehiclePart 1: Main deck doors Pages: 4 Replaces: ISO 7718-1:2016 <b>ISO 8000-118:2025</b>	Data qualityPart 118: Application of ISO 8000-115 to natural location identifiers Pages: 29 <b>ISO 8600-1:2025</b> Date and time — Representations for information interchangePart 1: Basic rules Pages: 38 <b>ISO 8871-5:2025</b> Elastomeric parts for parenterals and for devices for pharmaceutical usePart 5: Functional requirements and testing Pages: 11 <b>ISO/IEC 23008-2:2025</b> Information technology — High efficiency coding and media delivery in heterogeneous environments Part 2: High efficiency video coding Pages: 916 Replaces: ISO/IEC 23008-2:2023 <b>ISO/IEC 30134-4:2017/Amd 1:2025</b> Information technology — Data centres — Key performance indicators — Part 4: IT Equipment Energy Efficiency for servers (ITEEsv)Amendment 1 Pages: 1 <b>ISO/IEC 30134-5:2017/Amd 1:2025</b> Information technology — Data centres — Key performance indicators — Part 5: IT Equipment Utilization for servers (ITEUsv)Amendment 1 Pages: 1 <b>ISO/IEC 30189-1:2025</b> Internet of Things (IoT) — IoT-based management of tangible
---	---	---

<p>cultural heritage assetsPart 1: Framework Pages: 21 <b>ISO/IEC TS 18661-5:2025</b> Programming languages, their environments, and system software interfaces — Floating-point extensions for CPart 5: Supplementary attributes Pages: 20 Replaces: ISO/IEC TS 18661-5:2016 <b>ISO/TR 42507:2025</b> Sharing economy — Use cases of sharing economy platforms in the public sector Pages: 11 <b>ISO/TR 8955:2025</b> Integrative design of the building envelope — General principles Pages: 18 <b>ISO/TS 15143-4:2025</b> Earth-moving machinery and mobile road construction machinery — Worksite data exchangePart 4: Worksite topographical data Pages: 182 <b>ISO/TS 15338:2025</b> Surface chemical analysis — Glow discharge mass spectrometry — Operating procedures Pages: 13 Replaces: ISO/TS 15338:2020 <b>ISO/TS 15855:2025</b> Copper, lead and zinc sulfide concentrates — Step-by-step procedure for the testing of static scales Pages: 3 Replaces: ISO/TR 15855:2001 <b>ISO/TS 17430:2025</b></p>	<p>Patient compartment of negative pressure ambulance — Technical specifications Pages: 7 <b>ISO/TS 21219-13:2025</b> Intelligent transport systems — Traffic and travel information via transport protocol experts group, generation 2 (TPEG2)Part 13: Public transport information service (TPEG2-PTS) Pages: 73 <b>ISO/TS 21343:2025</b> Oil and gas industries including lower carbon energy — Fuel ammonia — Requirements and guidance for boilers for power generation Pages: 20 <b>ISO/TS 21361:2025</b> Nanotechnologies — Method to quantify air concentrations of carbon black and amorphous silica in the nanoparticle size range in a mixed dust manufacturing environment Pages: 13 Replaces: ISO/TS 21361:2019 <b>ISO/TS 22726-2:2025</b> Intelligent transport systems — Dynamic data and map database specification for connected and automated driving system applicationsPart 2: Logical data model of dynamic data Pages: 110 <b>ISO/TS 23164:2025</b> Automation systems and integration — Core vocabulary for industrial data Pages: 39 <b>ISO/TS 23541-2:2025</b> Health informatics — Categorical structure for representation of</p>	<p>3D human body position systemPart 2: Body movement Pages: 9 <b>ISO/TS 24315-1:2025</b> Intelligent transport systems — Management of electronic traffic regulations (METR)Part 1: Vocabulary Pages: 21 <b>ISO/TS 24399:2025</b> Thermoplastic pipes for the conveyance of fluids — Inspection of polyethylene butt fusion joints using time of flight diffraction testing Pages: 21 <b>ISO/TS 25138:2025</b> Surface chemical analysis — Analysis of metal oxide films by glow discharge optical emission spectrometry Pages: 39 Replaces: ISO/TS 25138:2019 <b>ISO/TS 6201:2025</b> Health informatics — Personalized digital health framework Pages: 15 <b>ISO/TS 6268-1:2025</b> Health informatics — Cybersecurity framework for telehealth environmentsPart 1: Overview and concepts Pages: 11 <b>ISO/TS 6892-5:2025</b> Metallic materials — Tensile testingPart 5: Specification for testing miniaturised test pieces Pages: 7 <b>ISO/TS 7815-1:2025</b> Intelligent transport systems — Telematics applications for regulated commercial freight vehicles (TARV) using ITS stationsPart 1: Secure vehicle</p>
--	--	--

interface framework and architecture

Pages: 20

**ISO/TS 7815-2:2025**

Intelligent transport systems — Telematics applications for regulated commercial freight vehicles (TARV) using ITS stations Part 2: Specification of the secure vehicle interface

Pages: 4

**ISO/TS 81001-2-1:2025**

Health software and health IT systems safety, effectiveness and security Part 2-1: Coordination — Guidance and requirements for the use of assurance cases for safety and security

Pages: 46

Pages: 46

**ISO/TS 81346-101:2025**

Industrial systems, installations and equipment and industrial products — Structuring principles and reference designations Part 101: Modelling concepts, guidelines and requirements for power supply systems

Pages: 137

❖ **TIÊU CHUẨN IEC**

**IEC 60704-2-11:2025 EXV**

Household and similar electrical appliances - Test code for the determination of airborne acoustical noise - Part 2-11: Particular requirements for electrically-operated food preparation appliances

Pages: 70

Replaces: IEC 60704-2-11:1998

**IEC 60704-2-11:2025**

Household and similar electrical appliances - Test code for the

determination of airborne acoustical noise - Part 2-11:

Particular requirements for electrically-operated food preparation appliances

Pages: 33

Replaces: IEC 60704-2-11:1998

**IEC 60794-1-124:2025 PRV**

Optical fibre cables - Part 1-124:

Generic specification - Basic optical cable test procedures - Mechanical tests methods - Installation test for microduct cabling, Method E24

Pages: 16

Pages: 16

Pages: 16

Pages: 16

**IEC 60794-1-307:2025**

Optical fibre cables - Part 1-307:

Generic specification - Basic optical cable test procedures - Cable element test methods - Tube kinking, method G7

Pages: 24

Pages: 24

Pages: 24

Pages: 24

**IEC TS 60870-5-7:2025**

Telecontrol equipment and systems - Part 5-7:

Transmission protocols - Security extensions to IEC 60870-5-101 and IEC 60870-5-104 protocols (applying IEC 62351)

Pages: 50

Pages: 50

Pages: 50

Pages: 50

Pages: 50

Pages: 50

Replaces: IEC TS 60870-5-7:2013

**IEC 60879:2019+AMD1:2025 CSV**

Comfort fans and regulators for household and similar purposes - Met

Pages: 41

Pages: 41

Pages: 41

Pages: 41

Pages: 41

Pages: 41

Pages: 41

Pages: 41

Pages: 41

Pages: 41

Replaces: IEC

60879:1986/COR1:1992

**IEC 61000-4-2:2025**

Electromagnetic compatibility (EMC) - Part 4-2: Testing and measurement techniques - Electrostatic discharge immunity test

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

Pages: 163

International Electrotechnical Vocabulary (IEV) - Part 726: Transmission lines and waveguides Pages: 320 <b>IEC 60079-18:2025 PRV</b> Explosive atmospheres - Part 18: Equipment protection by encapsulation "m" Pages: 36 Replaces: IEC 60079-18:2014+AMD1:2017 CSV <b>IEC 60079-19:2025 PRV</b> Explosive atmospheres - Part 19: Equipment repair, overhaul and reclamation Pages: 89 Replaces: IEC 60079-19:2019 <b>IEC 60112:2025 PRV</b> Method for the determination of the proof and the comparative tracking indices of solid insulating materials Pages: 22 Replaces: IEC 60112:2003+AMD1:2009 CSV <b>IEC 60332-1-2:2025 PRV</b> Tests on electric and optical fibre cables under fire conditions - Part 1-2: Test for vertical flame propagation for a single insulated wire or cable - Procedure for 1 kW pre-mixed flame Pages: 12 <b>IEC 60335-2-66:2025 RLV</b> Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-66: Particular requirements for water-bed heaters Pages: 53 <b>IEC 60335-2-66:2025 EXV</b> Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-66:	Particular requirements for water-bed heaters Pages: 246 Replaces: IEC 60335-2-66:2002+AMD1:2008+AMD2:2011 CSV <b>IEC 60335-2-66:2025</b> Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-66: Particular requirements for water-bed heaters Pages: 36 <b>IEC 60704-2-3:2025 PRV</b> Household and similar electrical appliances - Test code for the determination of airborne acoustical noise - Part 2-3: Particular requirements for dishwashers Pages: 13 <b>IEC 61109:2025 CMV</b> Insulators for overhead lines - Composite suspension and tension insulators for a.c. systems with a nominal voltage greater than 1 000 V - Definitions, test methods and acceptance criteria Pages: 165 <b>IEC 61109:2025</b> Insulators for overhead lines - Composite suspension and tension insulators for a.c. systems with a nominal voltage greater than 1 000 V - Definitions, test methods and acceptance criteria Pages: 108 Replaces: IEC 61109:2008 <b>IEC 61169-1-9:2025 PRV</b> Radio-frequency connectors - Part 1-9: Mechanical test methods - Safety wire hole pull-out Pages: 9	<b>IEC 61300-3-46:2025 PRV</b> Fibre optic interconnecting devices and passive components - Basic test and measurement procedures - Part 3-46: Examinations and measurements - Bore diameter in rectangular ferrules Pages: 9 Replaces: IEC 61300-3-46:2011 <b>IEC 61340-4-11:2025</b> Electrostatics - Part 4-11: Standard test methods for specific applications - Testing of electrostatic properties of composite IBC Pages: 50 <b>IEC TS 61400-28:2025</b> Wind energy generation systems - Part 28: Through-life management and life extension of wind power assets Pages: 108 <b>IEC 61643-11:2025 PRV</b> Low-voltage surge protective devices - Part 11: Surge protective devices connected to AC low-voltage power systems - Requirements and test methods Pages: 39 <b>IEC 61691-7:2025 PRV</b> Behavioural languages - Part 7: SystemC® Language Reference Manual Pages: 616 Replaces: IEC 61691-7:2009 <b>IEC 61753-084-02:2025</b> Fibre optic interconnecting devices and passive components - Performance standard - Part 084-02: Non connectorised single-mode 980/1550 nm WWDM devices for category C - Indoor controlled environment
---	---	---

<p>Pages: 29</p> <p><b>IEC 61753-086-02:2025</b></p> <p>Fibre optic interconnecting devices and passive components - Performance standard - Part 086-02: Non-connectorized single-mode bidirectional 1 490 / 1 550 nm downstream and 1 310 nm upstream WDM devices for category C - Indoor controlled environment</p> <p>Pages: 32</p> <p><b>IEC 61754-36:2025 PRV</b></p> <p>Fibre optic interconnecting devices and passive components – Fibre optic connector interfaces – Part 36: Type SAC connector family</p> <p>Pages: 32</p> <p><b>IEC 61788-27:2025</b></p> <p>Superconductivity - Part 27: Twist pitch measurement of practical superconducting wires - Twist pitch measurement of Nb-Ti/Cu and Nb-Sn/Cu composite superconductors</p> <p>Pages: 73</p> <p><b>IEC 61850-10/AMD1:2025 PRV</b></p> <p>Amendment 1 - Communicatio</p> <p>Pages: 74</p> <p>IEC 61850-10:2012</p> <p><b>IEC 62014-4:2025 PRV</b></p> <p>IP-XACT, Standard Structure for Packaging, Integrating, and Reusing IP within Tool Flows</p> <p>Pages: 752</p> <p><b>IEC 62037-1:2025 RLV</b></p> <p>Passive RF and microwave devices, intermodulation level measurement - Part 1: General requirements and measuring methods</p> <p>Pages: 52</p>	<p>Replaces: IEC 62037-1:2021</p> <p><b>IEC 62037-1:2025</b></p> <p>Passive RF and microwave devices, intermodulation level measurement - Part 1: General requirements and measuring methods</p> <p>Pages: 34</p> <p>Replaces: IEC 62037-1:2021</p> <p><b>IEC 62037-3:2025 RLV</b></p> <p>Passive RF and microwave devices, intermodulation level measurement - Part 3: Measurement of passive intermodulation in coaxial connectors</p> <p>Pages: 30</p> <p>Replaces: IEC 62037-3:2021</p> <p><b>IEC 62037-3:2025</b></p> <p>Passive RF and microwave devices, intermodulation level measurement - Part 3: Measurement of passive intermodulation in coaxial connectors</p> <p>Pages: 20</p> <p>Replaces: IEC 62037-3:2021</p> <p><b>IEC 62037-8:2025 RLV</b></p> <p>Passive RF and microwave devices, intermodulation level measurement - Part 8: Measurement of passive intermodulation generated by objects exposed to RF radiation</p> <p>Pages: 37</p> <p><b>IEC 62037-8:2025</b></p> <p>Passive RF and microwave devices, intermodulation level measurement - Part 8: Measurement of passive intermodulation generated by objects exposed to RF radiation</p> <p>Pages: 25</p> <p>Replaces: IEC 62037-8:2022</p> <p><b>IEC 62047-45:2025</b></p>	<p>Semiconductor devices - Micro-electromechanical devices - Part 45: Silicon based MEMS fabrication technology - Measurement method of impact resistance of nanostructures</p> <p>Pages: 15</p> <p><b>IEC TS 62271-315:2025 EXV</b></p> <p>High-voltage switchgear and controlgear - Part 315: Direct current (DC) transfer switches</p> <p>Pages: 264</p> <p><b>IEC TS 62271-315:2025</b></p> <p>High-voltage switchgear and controlgear - Part 315: Direct current (DC) transfer switches</p> <p>Pages: 74</p> <p><b>IEC 62276:2025</b></p> <p>Single crystal wafers for surface acoustic wave (SAW) device applications - Specifications and measuring methods</p> <p>Pages: 82</p> <p>Replaces: IEC 62276:2016</p> <p><b>IEC -7-2:2025 RLV</b></p> <p>Fuel cell technologies - Part 7-2: Test methods - Single cell and stack performance tests for solid oxide fuel cells (SOFCs)</p> <p>Pages: 148</p> <p>Replaces: IEC 62282-7-2:2021</p> <p><b>IEC 62282-7-2:2025</b></p> <p>Fuel cell technologies - Part 7-2: Test methods - Single cell and stack performance tests for solid oxide fuel cells (SOFCs)</p> <p>Pages: 98</p> <p>Replaces: IEC 62282-7-2:2021</p> <p><b>IEC TR 62282-7-3:2025</b></p> <p>Fuel cell technologies - Part 7-3: Test methods - Status of accelerated tests for fuel cell stacks and components and perspectives for standardization</p> <p>Pages: 29</p>
--	---	--

**IEC PAS 62443-2-2:2025**

Security for industrial automation and control systems – Part 2-2: IACS security protection scheme

Pages: 44

**IEC TS 62453-53-31:2025**

Field Device Tool (FDT) Interface Specification - Part 53-31: Communication

implementation for CLI and HTML – IEC 61784 CP 3/1 and CP 3/2

Pages: 68

**IEC 62541-15:2025**

OPC Unified Architecture - Part 15: Safety

Pages: 206

**IEC 62841-1:2014+****AMD1:2025 CSV**

Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 1: General requirements

Pages: 369

**IEC 62841-1:2014/****AMD1:2025**

Amendment 1 - Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 1: General requirements

Pages: 46

**IEC 62841-2-4:2014+****AMD1:2025 CSV**

Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-4: Particular requirements for hand-held sanders and polishers other than disc type

Pages: 37

**IEC 62841-2-4:2014/****AMD1:2025**

Amendment 1 - Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety -

Part 2-4: Particular

requirements for hand-held sanders and polishers other than disc type

Pages: 9

**IEC 62841-2-14:2015+****AMD1:2025 CSV**

Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-14: Particular requirements for hand-held planers

Pages: 42

**IEC 62841-2-14:2015/****AMD1:2025**

Amendment 1 - Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-14: Particular

requirements for hand-held planers

Pages: 8

**IEC 62841-2-17:2017+****AMD1:2025 CSV**

Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-17: Particular requirements for hand-held routers

Pages: 42

**IEC 62841-2-17:2017/****AMD1:2025**

Amendment 1 - Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-17: Particular

requirements for hand-held routers

Pages: 9

**IEC 62868-1:2020+****AMD1:2025 CSV**

Organic light emitting diode (OLED) Light sources for general lighting - Safety - Part 1: General requirements and tests

Pages: 47

**IEC 62868-1:2020/****AMD1:2025**

Amendment 1 - Organic light emitting diode (OLED) Light sources for general lighting - Safety - Part 1: General requirements and tests

Pages: 20

**IEC 62868-2-3:2021+****AMD1:2025 CSV**

Organic light emitting diode (OLED) light sources for general lighting - Safety - Part 2-3: Particular requirements - Flexible OLED tiles and panels

Pages: 31

**IEC 62868-2-3:2021/****AMD1:2025**

Amendment 1 - Organic light emitting diode (OLED) light sources for general lighting - Safety - Part 2-3: Particular requirements - Flexible OLED tiles and panels

Pages: 13

**IEC TS 62876-4-1:2025**

Nanomanufacturing – Reliability assessment – Part 4-1: Nanophotonic products – Optical stability test of quantum dot enabled light conversion films: Temperature, humidity and light exposure

Pages: 24

**IEC 62878-2-603:2025**

Device embedding assembly technology - Part 2-603: Guideline for stacked electronic module - Test method of intra-module electrical connectivity Pages: 25 <b>IEC 62899-402-1:2025 PRV</b>	environmental issues – Assessment of the environmental impact of battery failure in an electrochemical based storage system Pages: 62 <b>IEC 62977-2-8:2025 PRV</b>	Pages: 9 <b>IEC TR 63381:2025</b> Application of IEC 60335-2-27 for field inspections of UV emission of UV appliances Pages: 13 <b>IEC TR 63515:2025</b>
Printed electronics - Part 402-1: Printability - Measurement of qualities - Line pattern width Pages: 16 <b>IEC 62902:2025 RLV</b>	Electronic displays - Part 2-8: Measurements of optical characteristics - Reflective displays Pages: 65 <b>IEC 63185:2025 RLV</b>	Conceptual framework of power system resilience Pages: 39 <b>IEC 63522-6:2025</b>
Secondary cells and batteries - Marking symbols for identification of their chemistry Pages: 73 Replaces: IEC 62902:2019 <b>IEC 62902:2025</b>	Measurement of the complex permittivity for low-loss dielectric substrates balanced-type circular disk resonator method Pages: 44 <b>IEC 63185:2025</b>	Electrical relays - Tests and measurements - Part 6: Contact-circuit resistance or voltage drop Pages: 28 <b>IEC 63522-25:2025</b>
Secondary cells and batteries - Marking symbols for identification of their chemistry Pages: 49 <b>IEC TR 62899-250:2025</b>	Measurement of the complex permittivity for low-loss dielectric substrates balanced-type circular disk resonator method Pages: 28 <b>IEC 63211-2-23:2025</b>	Electrical relays - Tests and measurements - Part 25: Magnetic interference Pages: 20 <b>IEC 63522-35:2025</b>
Printed electronics - Part 250: Material technologies required in printed electronics for wearable smart devices Pages: 17 <b>IEC 62908-42-10:2025</b>	Durability test methods for electronic displays - Part 2-23: Environmental tests - Outdoor weathering Pages: 16 <b>IEC 63241-2-14:2025</b>	Electrical relays - Tests and measurements - Part 35: Resistance to cleaning solvents Pages: 20 <b>IEC 63522-36:2025</b>
Touch and interactive displays - Part 42-10: Measurement methods of motion-tracking image-control response time for interactive projection display Pages: 29 <b>IEC 62909-1:2025 PRV</b>	Electric motor-operated tools - Dust measurement procedure - Part 2-14: Particular requirements for hand-held planers Pages: 7 <b>IEC 63241-2-22:2025</b>	Electrical relays - Tests and measurements - Part 36: Fire hazard Pages: 20 <b>IEC 63522-39:2025</b>
Bi-directional grid-connected power converters - Part 1: General and safety requirements Pages: 23 Replaces: IEC 62909-1:2017 <b>IEC 62933-4-2:2025</b>	Electric motor-operated tools - Dust measurement procedure - Part 2-22: Particular requirements for hand-held cut-off machines and wall chasers	Electrical relays - Tests and measurements - Part 39: Insertion and withdrawal force Pages: <b>IEC 63522-54:2025 PRV</b>
Electric energy storage (EES) systems – Part 4-2: Guidance on		Electrical relays - Tests and measurements - Part 54: Critical DC load current test Pages: 9 <b>IEC 60050-831:2025</b> International Electrotechnical Vocabulary (IEV) - Part 831: Smart city systems

Pages:23

**ISO/IEC 7816-3:2006/**

**AMD1:2025**

Identification cards - Integrated circuit cards - Part 3: Cards with contacts - Electrical interface and transmission protocols - Amendment 1: Additional voltage classes

Pages: 3

**ISO/IEC 15424:2025**

Information technology - Automatic identification and data capture techniques - Data carrier identifiers (including symbology identifiers)

Pages: 19

**ISO/IEC 15938-18:2025**

Information technology - Multimedia content description interface - Part 18:

Conformance and reference software for compression of neural networks

Pages: 26

**ISO/IEC TS 18661-4:2025**

Programming languages, their environments, and system software interfaces - Floating-point extensions for C - Part 4: Supplementary functions

Pages: 13

**ISO/IEC TS 18661-5:2025**

Programming languages, their environments, and system software interfaces - Floating-point extensions for C - Part 5: Supplementary attributes

Pages: 20

**ISO/IEC TR 19583-21:2025**

Information technology - Concepts and usage of metadata - Part 21: 11179-3, -31, -32 Data model in SQL

Pages: 44

**ISO/IEC 19794-14:2022/**

**AMD1:2025**

Information technology - Biometric data interchange formats - Part 14: DNA data - Amendment 1: Conformance requirements

Pages: 15

**ISO/IEC 23090-5:2025**

Information technology - Coded representation of immersive media - Part 5: Visual volumetric video-based coding (V3C) and video-based point cloud compression (V-PCC)

Pages: 352

**ISO/IEC 23091-2:2025**

Information technology - Coding-independent code points - Part 2: Video

Pages: 30

Replaces:ISO/IEC 23091-2:2021

**ISO/IEC 23093-5:2025**

Information technology - Internet of media things - Part 5: IoMT autonomous collaboration

Pages: 25

**ISO/IEC 29110-5-6-4:2025**

Systems and software engineering - Life cycle profiles for very small entities (VSEs) - Part 5-6-4: Systems engineering guidelines for the generic Advanced profile

Pages: 82

**ISO/IEC 30134-4:2017/AMD1:2025**

Information technology - Data centres - Key performance indicators - Part 4: IT Equipment Energy Efficiency for servers (ITEEsv) - Amendment 1

Pages: 1

❖ **TIÊU CHUẨN BS**

**BS EN ISO 10928:2025**

Plastics piping systems. Glass-reinforced thermosetting plastics (GRP) pipes and fittings. Methods for regression analysis and their use

Replace: BS ISO 10928:2016

**BS ISO 5667-27:2025**

Water quality. Sampling - Guidance on sampling for microplastics in water

**BS EN ISO 12460-2:2025**

Wood-based panels. Determination of formaldehyde release - Small-scale chamber method

**BS ISO 23285:2025**

Agricultural machinery, tractors, and earth-moving machinery. Safety of electrical and electronic components and systems operating at 32 V to 75 V DC and 21 V to 50 V AC

**BS IEC 63241-2-14:2025**

Electric motor-operated tools. Dust measurement procedure - Particular requirements for hand-held planers

**BS ISO 16840-13:2021+A1:2025**

Wheelchair seating - Determination of the lateral stability property of a seat cushion

**BS ISO 37001:2025**

Anti-bribery management systems. Requirements with guidance for use

Replace: BS ISO 37001:2016+A1:2024

**BS EN IEC 60851-1:2021+A1:2025**

Winding wires. Test methods - General Replace: BS EN 60851-1:1996+A2:2009 <b>BS ISO 21465:2025</b> Test method for CMAS corrosion of thermal/environmental barrier coatings under dynamic thermal cycling <b>BS EN 1885:2018+A1:2025</b> Feather and down. Terms and definitions Replace: BS EN 1885:1998 <b>BS EN ISO 8407:2021+A1:2025</b> Corrosion of metals and alloys. Removal of corrosion products from corrosion test specimens Replace: BS EN ISO 8407:2014 <b>BS IEC 63241-2-22:2025</b> Electric motor-operated tools. Dust measurement procedure - Particular requirements for hand-held cut-off machines and wall chasers <b>BS ISO 16847:2025</b> Textiles. Test method for assessing the matting appearance of napped fabrics after cleansing <b>BS EN ISO 16610-45:2025</b> Geometrical product specifications (GPS). Filtration - Morphological profile filters: Segmentation <b>BS EN 14960-4:2025</b> Inflatable play equipment - Additional safety requirements and test methods for bungee runs <b>BS EN ISO 13672:2025</b> Fasteners. Parallel grooved pins. Half-length diamond grooves <b>BS EN ISO 13672:2025</b>	Fasteners. Parallel grooved pins. Half-length diamond grooves <b>BS EN ISO 10993-4:2017+A1:2025</b> Biological evaluation of medical devices - Selection of tests for interactions with blood <b>BS ISO 16840-12:2021+A1:2025</b> Wheelchair seating - Envelopment and immersion characterization of seat cushions using a dual semispherical indenter Replace: BS ISO 16840-12:2021 <b>BS EN 415-8:2025</b> Safety of packaging machines - Strapping machines <b>BS ISO 22166-202:2025</b> Robotics. Modularity for service robots - Information model for software modules <b>BS EN ISO 8740:2025</b> Fasteners. Parallel grooved pins, with chamfer point. Full-length diamond grooves Replace: BS EN ISO 8740:1998 <b>BS EN ISO 8741:2025</b> Fasteners. Reverse-taper grooved pins. Half-length progressive grooves Replace: BS EN ISO 8741:1998 <b>BS EN ISO 8744:2025</b> Fasteners. Taper grooved pins. Full-length progressive grooves <b>BS EN ISO 8745:2025</b> Fasteners. Taper grooved pins. Half-length progressive grooves <b>BS ISO 20766-22:2025</b> Road vehicles. Liquefied petroleum gas (LPG) fuel system components - Power supply bushing (fuel pump/actuators/fuel level sensor)	<b>BS EN ISO 8746:2025</b> Fasteners. Grooved pins with round head. Full-length diamond grooves Replace: BS EN ISO 8746:1998 <b>BS EN ISO 8747:2025</b> Fasteners. Grooved pins with countersunk head. Full-length diamond grooves Replace: BS EN ISO 8747:1998 <b>BS ISO 23507:2025</b> Space data and information transfer systems. Information preparation to enable long term use <b>BS ISO 12815:2025</b> Fibre-reinforced plastics. Determination of the plain-pin bearing strength <b>BS ISO 12817:2025</b> Fibre-reinforced plastic composites. Determination of open-hole compression strength <b>BS ISO/IEC 15424:2025</b> Information technology. Automatic identification and data capture techniques. Data carrier identifiers (including symbology identifiers) Replace: BS ISO/IEC 15424:2008 <b>BS ISO 8600-1:2025</b> Endoscopes. Medical endoscopes and endotherapy devices - General requirements Replace: BS ISO 8600-1:2015 <b>BS ISO 20766-19:2025</b> Road vehicles. Liquefied petroleum gas (LPG) fuel system components - Gas-tube pressure relief valves <b>BS EN 50388-2:2025</b> Fixed installations and rolling stock for railway applications. Technical criteria for the
---	---	--

coordination between electric traction power supply systems and rolling stock to achieve interoperability - Stability and harmonics <b>BS ISO 16919:2025</b> Space data and information transfer systems. Requirements for bodies providing audit and certification of candidate trustworthy digital repositories <b>BS ISO 10713:2025</b> Jewellery and precious metals. Gold alloy coatings <b>BS EN ISO 16187:2025</b> Footwear and footwear components. Test method to assess antibacterial activity <b>BS EN 1993-1-4:2025</b> Eurocode 3. Design of steel structures - Stainless steel structures Replace: BS EN 1993-1-4:2006+A2:2020 <b>BS EN 50725:2025</b> Specification for portable electrical apparatus designed to measure draught and gas pressure of heating appliances and systems <b>BS ISO 10059-1:2025</b> Dense shaped refractory products. Determination of cold compressive strength - Referee test without packing <b>BS ISO 16063-31:2009+ A1:2025</b> Methods for the calibration of vibration and shock transducers - Testing of transverse vibration sensitivity <b>BS ISO 21452:2025</b> Specification and requirements of thermal spray coatings for power plant boiler tubes	<b>BS EN 60704-2-6:2012+ A11:2025</b> Household and similar electrical appliances. Test code for the determination of airborne acoustical noise - Particular requirements for tumble dryers Replace: BS EN 60704-2-6:2012 <b>BS EN ISO 10993-5:2009+ A11:2025</b> Biological evaluation of medical devices - Tests for in vitro cytotoxicity Replace: BS EN ISO 10993-5:1999 <b>BS EN ISO 14119:2025</b> Safety of machinery. Interlocking devices associated with guards. Principles for design and selection Replace: BS EN ISO 14119:2013 <b>BS EN ISO 15883-1:2025</b> Washer-disinfectors - General requirements, terms and definitions and tests Replace: BS EN ISO 15883-1:2009+A1:2014 <b>BS EN ISO 15883-2:2025</b> Washer-disinfectors - Requirements and tests for washer-disinfectors employing thermal disinfection for critical and semi-critical medical devices Replace: BS EN ISO 15883-2:2009 <b>BS ISO 14721:2025</b> Space Data System Practices. Reference model for an open archival information system (OAIS) <b>BS EN IEC 60898-3:2025+ A11:2025</b> Electrical accessories. Circuit-breakers for overcurrent	protection for household and similar installations - Circuit-breakers for DC operation <b>BS EN IEC 61400-3-2:2025</b> Wind energy generation systems - Design requirements for floating offshore wind turbines <b>BS EN 1998-2:2025</b> Eurocode 8. Design of structures for earthquake resistance - Bridges <b>BS EN ISO 8611-1:2025</b> Pallets for materials handling. Flat pallets - Test methods Replace: BS EN ISO 8611-1:2022 <b>BS EN ISO 8611-2:2025</b> Pallets for materials handling. Flat pallets - Performance requirements and selection of tests Replace: BS EN ISO 8611-2:2022 <b>BS EN 15491:2025</b> Ethanol as a blending component for petrol. Determination of total acidity. Colour indicator titration method <b>BS EN IEC 80601-2-71:2025</b> Medical electrical equipment - Particular requirements for the basic safety and essential performance of functional near-infrared spectroscopy (NIRS) equipment <b>BS EN ISO 9038:2025</b> Determination of sustained combustibility of liquids Replace: BS EN ISO 9038:2021 <b>BS ISO 19338:2025</b> Performance requirements for standards on concrete structures
--	---	--

<p><b>BS ISO 7718-1:2025</b> Aircraft. Passenger doors interface requirements for connection of passenger boarding bridge or passenger transfer vehicle - Main deck doors Replace: BS ISO 7718-1:2016</p>	<p>Small craft. Lithium-ion batteries Replace:PD CEN ISO/TS 23625:2022 <b>BS EN IEC 61846:2025</b> Ultrasonics. Therapeutic focused short pressure pulse sources. Characteristics of fields</p>	<p>lifts for the transport of persons and goods - Lifts for cranes <b>BS EN IEC 60156:2025</b> Insulating liquids. Determination of the breakdown voltage at power frequency. Test method</p>
<p><b>BS EN 50176:2025</b> Automatic electrostatic application systems for ignitable liquid coating materials. Safety requirements Replace: BS EN 50176:2009</p>	<p><b>BS EN ISO 16321-1:2022+A1:2025</b> Eye and face protection for occupational use - General requirements Replace: BS EN 166:2002</p>	<p><b>BS EN IEC 61558-2-16:2025</b> Safety of transformers, reactors, power supply units and combinations thereof - Particular requirements and tests for switch mode power supply units and transformers for switch mode power supply units for general applications Replace: BS EN 61558-2-16:2009+A1:2013</p>
<p><b>BS ISO 12744:2025</b> Copper, lead, zinc and nickel concentrates. Experimental methods for checking the precision of sampling</p>	<p><b>BS EN IEC 61558-2-2:2025</b> Safety of transformers, reactors, power supply units and combinations thereof - Particular requirements and tests for control transformers and power supply units incorporating control transformers Replace:BS EN 61558-2-2:2007</p>	<p><b>BS EN IEC 61558-2-6:2025</b> Safety of transformers, reactors, power supply units and combinations thereof - Particular requirements and tests for safety isolating transformers and power supply units incorporating safety isolating transformers for general applications Replace: BS EN 61558-2-6:2009</p>
<p><b>BS EN 12697-35:2025</b> Bituminous mixtures. Test methods - Laboratory mixing Replace: BS EN 12697-35:2016</p>	<p><b>BS EN IEC 61558-2-15:2025</b> Safety of transformers, reactors, power supply units and combinations thereof - Particular requirements and tests for isolating transformers for medical IT systems for the supply of medical locations Replace:BS EN 61558-2-15:2012</p>	<p><b>BS ISO 7176-14:2022+A1:2025</b> Wheelchairs - Power and control systems for electrically powered wheelchairs and scooters. Requirements and test methods Replace: BS ISO 7176-14:2008</p>
<p><b>BS EN ISO 10218-2:2025</b> Robotics. Safety requirements - Industrial robot applications and robot cells</p>	<p><b>BS EN IEC 63360:2025</b> Fluids for electrotechnical application. Specification of gases alternative to SF6 to be used in electrical power equipment</p>	<p><b>BS ISO 5014:2025</b> Dense and insulating shaped refractory products. Determination of modulus of rupture at ambient temperature</p>
<p><b>BS EN IEC 61846:2025</b> Ultrasonics. Therapeutic focused short pressure pulse sources. Characteristics of fields</p>	<p><b>BS EN IEC 63360:2025</b> Fluids for electrotechnical application. Specification of gases alternative to SF6 to be used in electrical power equipment</p>	<p><b>BS ISO 8000-118:2025</b></p>
<p><b>BS ISO/IEC 7816-3:2006+A1:2025</b> Identification cards. Integrated circuit cards - Cards with contacts. Electrical interface and transmission protocols</p>	<p><b>BS EN ISO 11074:2025</b> Soil quality. Vocabulary Replace: BS EN ISO 11074:2015+A1:2020</p>	<p><b>BS ISO 8000-118:2025</b></p>
<p><b>BS EN ISO 23625:2025</b></p>	<p><b>BS EN 81-43:2025</b> Safety rules for the construction and installation of lifts. Special</p>	<p><b>BS ISO 8000-118:2025</b></p>

<p>Data quality - Application of ISO 8000-115 to natural location identifiers <b>BS EN ISO 15118-10:2025</b> Road vehicles. Vehicle to grid communication interface - Physical layer and data link layer requirements for single-pair Ethernet <b>BS ISO 7176-14:2022+A1:2025</b> Wheelchairs - Power and control systems for electrically powered wheelchairs and scooters. Requirements and test methods Replace: BS ISO 7176-14:2008 <b>BS EN IEC 60086-4:2025</b> Primary batteries - Safety of lithium batteries Replace: BS EN IEC 60086-4:2019 <b>BS EN IEC 61558-2-14:2025</b> Safety of transformers, reactors, power supply units and combinations thereof - Particular requirements and tests for variable transformers and power supply units incorporating variable transformers for general applications <b>BS EN IEC 61558-2-4:2025</b> Safety of transformers, reactors, power supply units and combinations thereof - Particular requirements and tests for isolating transformers and power supply units incorporating isolating transformers for general applications Replace: BS EN 61558-2-4:2009 <b>BS EN IEC 61558-2-1:2025</b></p>	<p>Safety of transformers, reactors, power supply units and combinations thereof - Particular requirements and tests for separating transformers and power supply units incorporating separating transformers for general applications Replace: BS EN 61558-2-1:2007 <b>BS ISO 18184:2025</b> Textiles. Determination of antiviral activity of textile products Replace: BS ISO 18184:2019 <b>BS EN 478:2025</b> Plastics. Poly(vinyl chloride) (PVC) based profiles. Determination of the appearance after exposure at 150 °C Replace: BS EN 478:2018 <b>BS EN ISO 16811:2025</b> Non-destructive testing. Ultrasonic testing. Sensitivity and range setting Replace: BS EN ISO 16811:2014 <b>BS ISO 24477:2025</b> Vacuum technology. Vacuum gauges. Specifications, calibration and measurement uncertainties for spinning rotor gauges <b>BS EN 1680:2025</b> Plastics piping systems. Valves for polyethylene (PE) piping systems. Test method for leaktightness under and after bending applied to the operating mechanisms <b>BS EN ISO 15883-3:2025</b> Washer-disinfectors - Requirements and tests for washer-disinfectors employing</p>	<p>thermal disinfection for human waste containers Replace: BS EN ISO 15883-3:2009 <b>BS EN 14361:2025</b> Aluminium and aluminium alloys. Chemical analysis. Sampling from metal melts <b>BS EN 13001-3-1:2025</b> Cranes. General design - Limit states and proof competence of steel structure Replace: BS EN 13001-3-1:2012+A2:2018 <b>BS EN IEC 62813:2025</b> Lithium-ion capacitors for use in electric and electronic equipment. Test methods for electrical characteristics <b>BS EN ISO 4064-1:2025</b> Water meters for cold potable water and hot water - Metrological and technical requirements Replace: BS EN ISO 4064-1:2017+A11:2022 <b>BS ISO 26324:2025</b> Information and documentation. Digital object identifier system Replace: BS ISO 26324:2022 <b>BS EN IEC 61558-2-5:2025</b> Safety of transformers, reactors, power supply units and combinations thereof - Particular requirements and tests for transformers for shavers, power supply units for shavers and shaver supply units Replace: BS EN 61558-2-5:2010 <b>BS EN 17940:2025</b> Glass in building. Folio interlayers for the manufacturing of laminated glass</p>
--	--	--

<p><b>BS ISO 14617-1:2025</b> Graphical symbols for diagrams - General rules</p>	<p>welding of high strength steels. Classification Replace: BS EN ISO 26304:2018</p>	<p><b>ASTM E1839-20(2025)</b> Standard Practice for Efficacy of Slimicides for the Paper</p>
<p><b>BS EN IEC 61558-2-20:2025</b> Safety of transformers, reactors, power supply units and combinations thereof - Particular requirements and tests for small reactors</p>	<p><b>BS EN IEC 61558-2-9:2025</b> Safety of transformers, reactors, power supply units and combinations thereof - Particular requirements and tests for transformers and power supply units for class III</p>	<p>Industry—Bacterial and Fungal Slime Pages: 4 Replace: ASTM E1839-20</p>
<p><b>BS EN IEC 61558-2-13:2025</b> Safety of transformers, reactors, power supply units and combinations thereof - Particular requirements and tests for auto-transformers and power supply units incorporating auto- transformers for general applications Replace: BS EN 61558-2- 13:2009</p>	<p>handlamps Replace: BS EN 61558-2-9:2011</p> <p><b>BS EN ISO 5840-1:2021+ A1:2025</b> Cardiovascular implants. Cardiac valve prostheses - General requirements</p>	<p><b>ASTM E3151-18(2025)</b> Standard Test Method for Determining Antimicrobial Activity and Biofilm Resistance Properties of Tube, Yarn, or Fiber Specimens Pages: 9 Replace: ASTM E3151-18</p>
<p><b>BS EN ISO 5840-3:2021+ A1:2025</b> Cardiovascular implants. Cardiac valve prostheses - Heart valve substitutes implanted by transcatheter techniques</p>	<p><b>BS EN ISO 13402:2025</b> Surgical and dental hand instruments. Determination of resistance against autoclaving, corrosion and thermal exposure</p>	<p><b>ASTM D5784/D5784M- 18(2025)</b> Standard Guide for Use of Hollow-Stem Augers for Geoenvironmental Exploration and the Installation of Subsurface Water Quality Monitoring Devices Pages: 7 Replace:</p>
<p><b>BS EN ISO 5840-2:2021+ A1:2025</b> Cardiovascular implants. Cardiac valve prostheses - Surgically implanted heart valve substitutes Replace:</p>	<p><b>BS EN 71-16:2025</b> Safety of toys - Certain chlorinated phosphorus flame retardants (TCEP, TCPP, TDCP) in toy materials</p>	<p>ASTM D5784/D5784M-18</p> <p><b>ASTM D5521/D5521M- 18(2025)</b> Standard Guide for Development of Groundwater Monitoring Wells in Granular Aquifers Pages: 17 Replace:</p>
<p><b>BS EN 1997-3:2025</b> Eurocode 7. Geotechnical design - Geotechnical structures Replace:</p>	<p><b>BS EN 1993-1-7:2025</b> Eurocode 3. Design of steel structures - Plate assemblies with elements under transverse loads</p>	<p>ASTM D5521/D5521M-18</p> <p><b>ASTM E2316-14(2025)</b> Standard Test Method for Determination of Particles Resulting from the Attrition of Granular Pesticides Pages: 3 Replace:</p>
<p><b>BS EN ISO 26304:2025</b> Welding consumables. Solid wire electrodes, tubular cored electrodes and electrode-flux combinations for submerged arc</p>	<p>Electronic fee collection. Evaluation of on-board and roadside equipment for conformity to ISO 12813</p> <p>❖ <b><u>TIÊU CHUẨN ASTM</u></b></p>	<p>ASTM E2316-14(2019)e1</p>

<b>ASTM E1697-05(2025)</b> Standard Test Method for Unipolar Magnitude Estimation of Sensory Attributes Pages: 9 Replace: ASTM E1697-05(2020)	Pages: 3 Replace: ASTM A102-04(2019) <b>ASTM A1002-16(2025)</b> Standard Specification for Castings, Nickel-Aluminum Ordered Alloy Pages: 2 Replace: ASTM A1002-16(2020)	Replace: ASTM F288-96(2019) <b>ASTM F204-76(2025)</b> Standard Test Method for Surface Flaws in Tungsten Seal Rod and Wire Pages: 2 Replace: ASTM F204-76(2018)
<b>ASTM D5781/D5781M-18(2025)</b> Standard Guide for Use of Dual- Wall Reverse-Circulation Drilling for Geoenvironmental Exploration and the Installation of Subsurface Water Quality Monitoring Devices Pages: 7 Replace: ASTM D5781/D5781M-18	<b>ASTM A128/A128M-19(2025)</b> Standard Specification for Steel Castings, Austenitic Manganese Pages: 3 Replace: ASTM A128/A128M-19	<b>ASTM F269-60(2025)</b> Standard Test Method for Sag of Tungsten Wire Pages: 2 Replace: ASTM F269-60(2019)
<b>ASTM E2044-99(2025)</b> Standard Test Method for Spreading of Liquid Agricultural Spray Mixtures Pages: 3 Replace: <b>ASTM E2044-99(2025)</b> Standard Test Method for Spreading of Liquid Agricultural Spray Mixtures Pages: 3 Replace: ASTM E2044-99(2019)	<b>ASTM A101-04(2025)</b> Standard Specification for Ferrochromium Pages: 3 Replace: ASTM A101-04(2019)	<b>ASTM F73-96(2025)</b> Standard Specification for Tungsten-Rhenium Alloy Wire for Electron Devices and Lamps Pages: 4 Replace: ASTM F73-96(2017)
<b>ASTM E2044-99(2025)</b> Standard Test Method for Spreading of Liquid Agricultural Spray Mixtures Pages: 3 Replace: ASTM E2044-99(2019)	<b>ASTM D3748-14(2025)</b> Standard Practice for Evaluating High-Density Rigid Cellular Plastics Pages: 2 Replace: ASTM D3748-14(2019)	<b>ASTM A966/A966M-15(2025)</b> Standard Practice for Magnetic Particle Examination of Steel Forgings Using Alternating Current Pages: 6 Replace: ASTM A966/A966M-15(2020)
<b>ASTM D5813-04(2025)</b> Standard Specification for Cured-In-Place Thermosetting Resin Sewer Piping Systems Pages: 4 Replace: ASTM D5813-04(2018)	<b>ASTM F364-96(2025)</b> Standard Specification for Molybdenum Flattened Wire for Electron Tubes Pages: 3 Replace: ASTM F364-96(2019)	<b>ASTM A470/A470M-05(2025)</b> Standard Specification for Vacuum-Treated Carbon and Alloy Steel Forgings for Turbine Rotors and Shafts Pages: 7 Replace: ASTM A470/A470M-05(2020)
<b>ASTM A132-04(2025)</b> Standard Specification for Ferromolybdenum Pages: 3 Replace: ASTM A132-04(2019)	<b>ASTM F289-96(2025)</b> Standard Specification for Molybdenum Wire and Rod for Electronic Applications Pages: 4 Replace: ASTM F289-96(2019)	<b>ASTM A291/A291M-19(2025)</b> Standard Specification for Steel Forgings, Carbon and Alloy, for Pinions, Gears and Shafts for Reduction Gears Pages: 5 Replace: ASTM A291/A291M-19
<b>ASTM A102-04(2025)</b> Standard Specification for Ferrovandium	<b>ASTM F288-96(2025)</b> Standard Specification for Tungsten Wire for Electron Devices and Lamps Pages: 5	

<p><b>ASTM A372/A372M-20(2025)</b> Standard Specification for Carbon and Alloy Steel Forgings for Thin-Walled Pressure Vessels Pages: 5 Replace: ASTM A372/A372M-20e1</p> <p><b>ASTM A982/A982M-10(2025)</b> Standard Specification for Steel Forgings, Stainless, for Compressor and Turbine Airfoils Pages: 5 Replace: ASTM A982/A982M-10(2020)</p> <p><b>ASTM A1099/A1099M-20(2025)</b> Standard Specification for Modified Alloy Steel Forgings, Forged Bar, and Rolled Bar Commonly Used in Oil and Gas Pressure Vessels Pages: 8 Replace: ASTM A1099/A1099M-20</p> <p><b>ASTM A1021/A1021M-20(2025)</b> Standard Specification for Martensitic Stainless Steel Forgings and Forging Stock for High-Temperature Service Pages: 5 Replace: ASTM A1021/A1021M-20</p> <p><b>ASTM D6364-06(2025)</b> Standard Test Method for Determining Short-Term Compression Behavior of Geosynthetics Pages: 6 Replace: ASTM D6364-06(2018)</p>	<p><b>ASTM A240/A240M-25</b> Standard Specification for Chromium and Chromium-Nickel Stainless Steel Plate, Sheet, and Strip for Pressure Vessels and for General Applications Pages: 12 Replace: ASTM A240/A240M-24b</p> <p><b>ASTM E3347/E3347M-25</b> Standard Specification for Ballistic-Resistant Shields Used by Law Enforcement Officers Pages: 8 Replace: ASTM E3347/E3347M-24a</p> <p><b>ASTM E2098/E2098M-25</b> Standard Test Method for Determining Tensile Breaking Strength of Glass Fiber Reinforcing Mesh for Use in Exterior Insulation and Finish Systems (EIFS) and EIFS with Drainage Systems, after Exposure to a Sodium Hydroxide Solution Pages: 3 Replace: ASTM E2098/E2098M-13(2023)</p> <p><b>ASTM C31/C31M-25a</b> Standard Practice for Making and Curing Concrete Test Specimens in the Field Pages: 7 Replace: ASTM C31/C31M-25</p> <p><b>ASTM F1841-25</b> Standard Practice for Assessment of Hemolysis in Blood Pumps Pages: 7 Replace: ASTM F1841-19e1</p> <p><b>ASTM A493-25</b> Standard Specification for Stainless Steel Wire and Wire</p>	<p>Rods for Cold Heading and Cold Forging Pages: 4 Replace: ASTM A493-23</p> <p><b>ASTM C31/C31M-25a</b> Standard Practice for Making and Curing Concrete Test Specimens in the Field Pages: 7 Replace: ASTM C31/C31M-25</p> <p><b>ASTM D7913/D7913M-25</b> Standard Test Method for Bond Strength of Fiber-Reinforced Polymer Matrix Composite Bars to Concrete by Pullout Testing Pages: 9 Replace: ASTM D7913/D7913M-14(2020)</p> <p><b>ASTM A1091/A1091M-25</b> Standard Specification for Steel Castings, Creep-Strength Enhanced Ferritic Alloy, for Pressure-Containing Parts, Suitable for High-Temperature Service Pages: 6 Replace: ASTM A1091/A1091M-24</p> <p><b>ASTM F3552-25</b> Standard Test Method for Bench-Scale Evaluation of Flame-Resistant Clothing Materials for Protection Against Fire Simulations (Cylinder Method) Pages: 12</p> <p><b>ASTM E1795-25</b> Standard Specification for Non-Reinforced Liquid Coating Encapsulation Products for Leaded Paint in Buildings Pages: 7 Replace: ASTM E1795-20a</p> <p><b>ASTM C915-25</b></p>
---	---	--

Standard Specification for  
Precast Reinforced Concrete  
Crib Wall Members  
Pages: 6

Replace: ASTM C915-79(2018)  
**ASTM E3428-25**

Standard Guide for Selecting  
and Using (Rapid) Sensory  
Characterization Methods  
Pages: 13

**ASTM D3748-14(2025)**

Standard Practice for Evaluating  
High-Density Rigid Cellular  
Plastics

Pages: 2

Replace:

ASTM D3748-14(2019)

**ASTM E2359/E2359M-25**

Standard Test Method for Field  
Pull Testing of an In-Place Wall  
Assembly with an Exterior  
Insulation and Finish System  
(EIFS) or EIFS with Drainage  
System

Pages: 8

Replace: ASTM E2359/E2359M-  
13(2023)

**ASTM D8588-25**

Standard Practice for Approach  
to Calculating the Daily  
Inhalation Exposure Limit for a  
Non-cannabinoid Ingredient  
Intended for use in Cannabinoid  
Products for Vaporization

Pages: 10

**ASTM A965/A965M-25**

Standard Specification for Steel  
Forgings, Austenitic, for  
Pressure and High Temperature  
Parts

Pages: 7

Replace:

ASTM A965/A965M-24

**ASTM F288-96(2025)**

Standard Specification for  
Tungsten Wire for Electron  
Devices and Lamps

Pages: 5

Replace: ASTM F288-96(2019)  
**ASTM F204-76(2025)**

Standard Test Method for  
Surface Flaws in Tungsten Seal  
Rod and Wire

Pages: 2

Replace: ASTM F204-76(2018)

**ASTM F364-96(2025)**

Standard Specification for  
Molybdenum Flattened Wire for  
Electron Tubes

Pages: 3

Replace: ASTM F364-96(2019)

**ASTM E1885-25**

Standard Test Method for  
Sensory Analysis—Triangle Test  
Pages: 14

Replace: ASTM E1885-18

**ASTM F289-96(2025)**

Standard Specification for  
Molybdenum Wire and Rod for  
Electronic Applications

Pages: 4

Replace: ASTM F289-96(2019)

**ASTM D3576-25**

Standard Test Method for Cell  
Size of Rigid Cellular Plastics

Pages: 6

Replace: ASTM D3576-20

**ASTM C270-25**

Standard Specification for  
Mortar for Unit Masonry  
Pages: 14

Replace: ASTM C270-24

**ASTM D2807-25**

Standard Test Method for  
Chromic Oxide in Leather  
(Perchloric Acid Oxidation)

Pages: 4

Replace: ASTM D2807-17a

**ASTM F269-60(2025)**

Standard Test Method for Sag of  
Tungsten Wire

Pages: 2

Replace: ASTM F269-60(2019)

**ASTM D2126-25**

Standard Test Method for  
Response of Rigid Cellular  
Plastics to Thermal and Humid  
Aging

Pages: 3

Replace: ASTM D2126-20

**ASTM D6098-25**

Standard Classification System  
and Basis for Specification for  
Extruded and Compression  
Molded Shapes Made from  
Polycarbonate (PC)

Pages: 6

Replace: ASTM D6098-16

**ASTM D7892-25**

Standard Test Method for  
Determination of Total Organic  
Halides, Total Non-Methane  
Hydrocarbons, and  
Formaldehyde in Hydrogen Fuel  
by Gas Chromatography/Mass  
Spectrometry

Pages: 10

Replace: ASTM D7892-22

**ASTM D3839-25**

Standard Guide for  
Underground Installation of  
“Fiberglass” (Glass-Fiber  
Reinforced Thermosetting-  
Resin) Pipe

Pages: 12

Replace:

ASTM D3839-14(2019)

**ASTM F73-96(2025)**

Standard Specification for  
Tungsten-Rhenium Alloy Wire  
for Electron Devices and Lamps

Pages: 4

Replace: ASTM F73-96(2017)

**ASTM C1576-25**

Standard Test Method for Determination of Slow Crack Growth Parameters of Advanced Ceramics by Constant Stress Flexural Testing (Stress Rupture) at Ambient Temperature Pages: 16 Replace: ASTM C1576-05(2017) <b>ASTM A966/A966M-15 (2025)</b>	Standard Terminology Relating to Lime and Limestone (as Used by the Industry) Pages: 3 Replace: ASTM C51-23 <b>ASTM B386/B386M-25</b> Standard Specification for Molybdenum and Molybdenum Alloy Plate, Sheet, Strip, Foil, and Ribbon Pages: 7 Replace: ASTM B386/B386M-19e1 <b>ASTM A372/A372M-20 (2025)</b> Standard Specification for Carbon and Alloy Steel Forgings for Thin-Walled Pressure Vessels Pages: 5 Replace: ASTM A372/A372M-20e1 <b>ASTM A982/A982M-10 (2025)</b> Standard Specification for Steel Forgings, Stainless, for Compressor and Turbine Airfoils Pages: 4 Replace: ASTM A982/A982M-10(2020) <b>ASTM D6648-25</b> Standard Test Method for Determining the Flexural Creep Stiffness of Asphalt Binder Using the Bending Beam Rheometer (BBR) Pages: 19 Replace: ASTM D6648-08(2016) <b>ASTM A1099/A1099M-20(2025)</b> Standard Specification for Modified Alloy Steel Forgings, Forged Bar, and Rolled Bar	Commonly Used in Oil and Gas Pressure Vessels Pages: 8 Replace: ASTM A1099/A1099M-20 <b>ASTM E2991/E2991M-25</b> Standard Test Method for Evaluating Response Robot Mobility: Traverse Gravel Terrain Pages: 11 Replace: ASTM E2991/E2991M-17 <b>ASTM D6392-25</b> Standard Test Method for Determining the Integrity of Nonreinforced Geomembrane Seams Produced Using Thermo-Fusion Methods Pages: 6 Replace: ASTM D6392-23 <b>ASTM A1021/A1021M-20 (2025)</b> Standard Specification for Martensitic Stainless Steel Forgings and Forging Stock for High-Temperature Service Pages: 5 Replace: ASTM A1021/A1021M-20 <b>ASTM E2139-25</b> Standard Test Method for Same-Different Test Pages: 15 Replace: ASTM E2139-05(2018) <b>ASTM A516/A516M-25</b> Standard Specification for Pressure Vessel Plates, Carbon Steel, for Moderate- and Lower-Temperature Service Pages: 4 Replace: ASTM A516/A516M-17 <b>ASTM D8589-25</b>
--	---	---

Standard Practice for Cleaning Labware Used in Organic Analyses Pages: 2 <b>ASTM A450/A450M-25</b> Standard Specification for General Requirements for Carbon and Low Alloy Steel Tubes Pages: 10 Replace: ASTM A450/A450M-24 <b>ASTM E3187/E3187M-25</b> Standard Specification for Less Lethal Aerosol Devices Used by Law Enforcement, Corrections, and Other Public Safety Officers Pages: 8 Replace: ASTM E3187/E3187M-19 <b>ASTM A214/A214M-25</b> Standard Specification for Electric-Resistance-Welded Carbon Steel Heat-Exchanger and Condenser Tubes Pages: 3 Replace: ASTM A214/A214M-19 <b>ASTM E1820-25</b> Standard Test Method for Measurement of Fracture Toughness Pages: 68 Replace: ASTM E1820-24 <b>ASTM E3302-25</b> Standard Guide for PFAS Analytical Methods Selection Pages: 22 Replace: ASTM E3302-23 <b>ASTM F1984-25</b> Standard Practice for Testing for Whole Complement Activation in Serum by Solid Materials Pages: 6	Replace: ASTM F1984-99(2018) <b>ASTM D6364-06(2025)</b> Standard Test Method for Determining Short-Term Compression Behavior of Geosynthetics Pages: 6 Replace: ASTM D6364-06(2018) <b>ASTM C1036-25</b> Standard Specification for Flat Glass Pages: 10 Replace: ASTM C1036-21 <b>ASTM A599/A599M-25</b> Standard Specification for Tin Mill Products, Electrolytic Tin-Coated, Cold-Rolled Sheet Pages: 3 Replace: ASTM A599/A599M-07(2017) <b>ASTM F2561-20(2025)</b> Standard Practice for Rehabilitation of a Sewer Service Lateral and Its Connection to the Main Using a One Piece Main and Lateral Cured-in-Place Liner Pages: 6 Replace: ASTM F2561-20 <b>ASTM D8598-25</b> Standard Practice for Rolling Wheel Load Tests to Evaluate the Structural Performance of Roadway Test Sections with Geosynthetics Pages: 5 <b>ASTM D5641/D5641M-25</b> Standard Practice for Geomembrane Seam Evaluation by Vacuum Chamber Pages: 4 Replace: ASTM D5641/D5641M-16(2024)	<b>ASTM D2444-25</b> Standard Practice for Determination of the Impact Resistance of Thermoplastic Pipe and Fittings by Means of a Tup (Falling Weight) Pages: 10 Replace: ASTM D2444-21 <b>ASTM F2263-25</b> Standard Test Method for Evaluating the Oxidative Resistance of Polyethylene (PE) Pipe to Chlorinated Water Pages: 8 Replace: ASTM F2263-14(2019) <b>ASTM F2418-25</b> Standard Specification for Polypropylene (PP) Corrugated Wall Stormwater Collection Chambers Pages: 7 Replace: ASTM F2418-23 <b>ASTM F1962-25</b> Standard Guide for Use of Maxi-Horizontal Directional Drilling for Placement of Polyethylene Pipe or Conduit Under Obstacles, Including River Crossings Pages: 18 Replace: ASTM F1962-22 <b>ASTM F2929-25</b> Standard Specification for Crosslinked Polyethylene (PEX) Tubing of 0.070 in. Wall and Fittings for Radiant Heating Systems up to 75 psig Pages: 11 Replace: ASTM F2929-17(2021) <b>ASTM F714-25</b> Standard Specification for Polyethylene (PE) Plastic Pipe (DR-PR) Based on Outside Diameter
--	--	---

Pages: 10	Replace: ASTM A941-25	Replace: ASTM D8549-24
Replace: ASTM F714-24	<b>ASTM C181-11(2025)</b>	<b>ASTM E2831/E2831M-11(2025)</b>
<b>ASTM F3253-25</b>	Standard Test Method for	Standard Guide for Deployment
Standard Specification for	Workability Index of Fireclay	of Blast Resistant Trash
Crosslinked Polyethylene (PEX)	and High-Alumina Refractory	Receptacles in Crowded Places
Tubing with Oxygen Barrier for	Plastics	Pages: 5
Hot- and Cold-Water Hydronic	Pages: 3	Replace: ASTM E2831/E2831M-
Distribution Systems	Replace: ASTM C181-11(2018)	11(2018)
Pages: 17	<b>ASTM A774/A774M-25</b>	<b>ASTM D4790-25</b>
Replace: ASTM F3253-24	Standard Specification for As-	Standard Terminology of
<b>ASTM F2922-25</b>	Welded Wrought Austenitic	Aromatic Hydrocarbons and
Standard Specification for	Stainless Steel Fittings for	Related Chemicals
Polyethylene (PE) Corrugated	General Corrosive Service at	Pages: 6
Wall Stormwater Collection	Low and Moderate	Replace: ASTM D4790-23
Chambers	Temperatures	<b>ASTM C860-15(2025)</b>
Pages: 7	Pages: 4	Standard Test Method for
Replace: ASTM F2922-13(2018)	Replace:	Determining the Consistency of
<b>ASTM D7826-25</b>	ASTM A774/A774M-24	Refractory Castable Using the
Standard Guide for Evaluation	<b>ASTM B831-25</b>	Ball-In-Hand Test
of New Aviation Gasolines and	Standard Test Method for Shear	Pages: 4
New Aviation Gasoline	Testing of Thin Aluminum Alloy	Replace: ASTM C860-15(2019)
Additives	Products	<b>ASTM D7225-25</b>
Pages: 29	Pages: 8	Standard Guide for Evaluating
Replace: ASTM D7826-24	Replace: ASTM B831-22	Blood Cleaning Efficiency of
<b>ASTM C1048-25</b>	<b>ASTM A403/A403M-25</b>	Cleaning Agents and Washer-
Standard Specification for Heat-	Standard Specification for	Disinfectors
Strengthened and Fully	Wrought Austenitic Stainless	Pages: 3
Tempered Flat Glass	Steel Piping Fittings	Replace:
Pages: 9	Pages: 10	ASTM D7225-13(2019)e1
Replace: ASTM C1048-18	Replace:	<b>ASTM C1445-13(2025)</b>
<b>ASTM A841/A841M-</b>	ASTM A403/A403M-22b	Standard Test Method for
<b>17(2025)</b>	<b>ASTM A770/A770M-03</b>	Measuring Consistency of
Standard Specification for Steel	<b>(2025)</b>	Castable Refractory Using a
Plates for Pressure Vessels,	Standard Specification for	Flow Table
Produced by Thermo-	Through-Thickness Tension	Pages: 5
Mechanical Control Process	Testing of Steel Plates for	Replace:
(TMCP)	Special Applications	ASTM C1445-13(2018)
Pages: 10	Pages: 5	
Replace: ASTM A841/A841M-	Replace: ASTM A770/A770M-	
17	03(2018)	
<b>ASTM A941-25a</b>	<b>ASTM D8549-25</b>	
Standard Terminology Relating	Standard Guide for Testing	
to Steel, Stainless Steel, Related	Cleaning Performance of Hand	
Alloys, and Ferroalloys	Dishwashing Detergents	
Pages: 9	Pages: 6	

❖ **TIÊU CHUẨN JIS**

**JIS A 1291-1:2025**

Test method for adsorption performance of attenuation layer-Part 1: Batch test

- Pages: 28  
**JIS A 1291-2:2025**  
Test method for adsorption performance of attenuation layer-Part 2: Column test  
Pages: 26  
**JIS A 5756:2025**  
Preformed gaskets used in buildings-Classification, specifications and test methods  
Pages: 42  
**JIS A 5760:2025**  
Structural gaskets used in buildings-Classification, specification and test methods  
Pages: 26  
**JIS A 8341-2:2025**  
Earth-moving machinery-Functional safety-Part 2: Design and evaluation of hardware and architecture requirements for safety-related parts of the control system  
Pages: 42  
**JIS B 2005-2-3:2025**  
Industrial-process control valves-Part 2-3: Flow capacity-Test procedures  
Pages: 42  
**JIS B 2005-8-3:2025**  
Industrial-process control valves-Part 8-3: Noise considerations-Control valve aerodynamic noise prediction method  
Pages: 62  
**JIS B 2005-8-4:2025**  
Industrial-process control valves-Part 8-4: Noise considerations-Prediction of noise generated by hydrodynamic flow  
Pages: 30  
**JIS B 6411-1:2025**  
Machine tools safety-Presses-Part 1: General safety requirements  
Pages: 54  
**JIS B 6411-2:2025**  
Machine tools safety-Presses-Part 2: Safety requirements for mechanical presses  
Pages: 60  
**JIS B 6411-3:2025**  
Machine tools safety-Presses-Part 3: Safety requirements for hydraulic presses  
Pages: 42  
**JIS C 1732-1:2025**  
Instrument transformers for testing purpose and used with general instrument-Part 1: General requirements  
Pages: 46  
**JIS C 1732-2:2025**  
Instrument transformers for testing purpose and used with general instrument-Part 2: Current transformers  
Pages: 44  
**JIS C 1732-3:2025**  
Instrument transformers for testing purpose and used with general instrument-Part 3: Voltage transformers  
Pages: 38  
**JIS C 9300-7:2025**  
Arc welding equipment-Part 7: Torches  
Pages: 30  
**JIS D 0116-5:2025**  
Diesel engines-Vocabulary of fuel injection equipment-Part 5: Common rail fuel injection system  
Pages: 7  
**JIS D 8301:2025**  
Acoustics-Specification of test tracks for measuring sound emitted by road vehicles and their tyres  
Pages: 54  
**JIS E 1125:2025**  
Glued insulated rails  
Pages: 28  
**JIS E 1126:2025**  
Expansion joints  
Pages: 34  
**JIS E 2011:2025**  
Seismic design of overhead contact line equipment  
Pages: 68  
**JIS E 5004-3:2025**  
Railway applications-Electric equipment for rolling stock-Part 3: Electrotechnical components-Rules for DC circuit-breakers  
Pages: 36  
**JIS E 5004-4:2025**  
Railway applications-Electric equipment for rolling stock-Part 4: Electrotechnical components-Rules for AC circuit-breakers  
Pages: 36  
**JIS E 5004-5:2025**  
Railway applications-Electric equipment for rolling stocks-Part 5: Electrotechnical components-Rules for HV fuses  
Pages: 36  
**JIS F 0080:2025**  
Small craft-Craft identification-Coding system  
Pages: 10  
**JIS F 2805:2025**  
Ships and marine technology-Maritime safety-Gas inflation systems for inflatable life-saving appliances  
Pages: 18  
**JIS F 3303:2025**  
Ships and marine technology-Flash butt welded anchor chain  
Pages: 24

<b>JIS F 3309:2025</b> Ships and marine technology- Life saving and fire protection- Sea anchors for survival craft and rescue boats Pages: 12	Narrow V-belts for power transmission Pages: 30	<b>JIS K 8487:2025</b> Diphenylamine (Reagent) Pages: 12
<b>JIS F 8101:2025</b> Lead-acid marine batteries Pages: 18	<b>JIS K 6378-7:2025</b> Light conveyor belts- Determination of the maximum tensile strength Pages: 10	<b>JIS K 8575:2025</b> Calcium hydroxide (Reagent) Pages: 18
<b>JIS G 3522:2025</b> Piano wires Pages: 14	<b>JIS K 7193:2025</b> Plastics-Determination of ignition temperature using a hot-air furnace Pages: 20	<b>JIS K 8723:2025</b> Nitrobenzene (Reagent) Pages: 12
<b>JIS H 3110:2025</b> Phosphor bronze and nickel silver sheets, plates and strips Pages: 18	<b>JIS K 8050:2025</b> 1-Amino-2-naphthol-4-sulfonic acid (Reagent) Pages: 14	<b>JIS K 8780:2025</b> Pyrogallol (Reagent) Pages: 14
<b>JIS H 3130:2025</b> Copper beryllium alloy, copper titanium alloy, phosphor bronze, copper-nickel-tin alloy and nickel silver sheets, plates and strips for springs Pages: 20	<b>JIS K 8057:2025</b> Alizarin red S (Reagent) Pages: 12	<b>JIS K 8812:2025</b> 2-Butanol (Reagent) Pages: 12
<b>JIS H 3270:2025</b> Copper beryllium alloy, phosphor bronze and nickel silver rods, bars and wires Pages: 20	<b>JIS K 8123:2025</b> Calcium chloride (Reagent) Pages: 20	<b>JIS K 8828:2025</b> Disodium hydrogenphosphate dodecahydrate for oxidant analysis (Reagent) Pages: 14
<b>JIS H 8456:2025</b> Measurement method for thermal conductivity of thermal barrier coatings at elevated temperature Pages: 18	<b>JIS K 8138:2025</b> Copper (I) chloride (Reagent) Pages: 18	<b>JIS K 8838:2025</b> <b>1-Propanol (Reagent)</b> <b>Pages: 14</b>
<b>JIS H 8642:2025</b> Hot dip aluminized coatings Pages: 28	<b>JIS K 8150:2025</b> Sodium chloride (Reagent) Pages: 24	<b>JIS K 8872:2025</b> Formaldehyde solution (Reagent) Pages: 18
<b>JIS K 1200-3-3:2025</b> Sodium hydroxide for industrial use-Part 3: Determination of chlorides-Section 3: Potentiometric method, Coulometric titration method Pages: 10	<b>JIS K 8152:2025</b> Nickel (II) chloride hexahydrate (Reagent) Pages: 14	<b>JIS K 8873:2025</b> Formamide (Reagent) Pages: 14
<b>JIS K 6368:2025</b>	<b>JIS K 8213:2025</b> 1-Octanol (Reagent) Pages: 12	<b>JIS K 8903:2025</b> 4-Methyl-2-pentanone (Reagent) Pages: 14
	<b>JIS K 8377:2025</b> Butyl acetate (Reagent) Pages: 14	<b>JIS K 8960:2025</b> Ammonium sulfate (Reagent) Pages: 22
	<b>JIS K 8382:2025</b> Methyl acetate (Reagent) Pages: 14	<b>JIS K 8962:2025</b> Potassium sulfate (Reagent) Pages: 22
	<b>JIS K 8405:2025</b> Zinc oxide (Reagent) Pages: 16	<b>JIS K 8982:2025</b> Ammonium iron(III) sulfate dodecahydrate (Reagent) Pages: 20
		<b>JIS K 8994:2025</b>

Lithium sulfate monohydrate  
(Reagent)

Pages: 14

**JIS K 9007:2025**

Potassium dihydrogen  
phosphate (Reagent)

Pages: 20

**JIS K 9032:2025**

Resorcinol (Reagent)

Pages: 12

**JIS K 9523:2025**

Nitromethane (Reagent)

Pages: 14

**JIS K 9702:2025**

Dimethyl sulfoxide (Reagent)

Pages: 8

**JIS K 9703:2025**

2,2,4-Trimethylpentane  
(Reagent)

Pages: 14

**JIS Q**

**9001:2015/AMENDMENT  
1:2025**

Quality management systems-  
Requirements (Amendment 1)

Pages: 4

**JIS Q 14065:2025**

General principles and  
requirements for bodies  
validating and verifying  
environmental information

Pages: 44

**JIS T 9233:2025**

Testing methods for ostomy  
aids

Pages: 34

**JIS T 17664-1:2025**

Processing of health care  
products-Information to be  
provided by the medical device  
manufacturer for the processing  
of medical devices-Part 1:

Critical and semi-critical  
medical devices

Pages: 28

**JIS Z 3410:2025**

Welding coordination-Tasks  
and responsibilities

Pages: 18

### ❖ **TIÊU CHUẨN DIN**

**DIN 58141-2**

Measurement of fiber optic  
elements - Part 2:

Determination of spectral  
transmittance of light guides;  
Text in German and English

**DIN EN 30-2-2**

Domestic cooking appliances  
burning gas - Part 2-2: Rational  
use of energy - Appliances  
having forced-convection ovens  
and/or grills; German version  
EN 30-2-2:2024

**DIN EN 71-3**

Safety of toys - Part 3: Migration  
of certain elements; German  
version EN 71-3:2019+A2:2024

**DIN EN 71-13**

Safety of toys - Part 13:  
Olfactory board games, cosmetic  
kits and gustative games;  
German version EN 71-  
13:2021+A2:2024

**DIN EN 71-18**

Safety of toys - Part 18: Phenol  
in aqueous (content) and  
polymeric (migration) toy  
materials; German version  
EN 71-18:2024

**DIN EN 71-19**

Safety of toys - Part 19:  
Migration of bisphenol A from  
toy materials; German version  
EN 71-19:2024

**DIN EN 196-12**

Methods of testing cement -  
Part 12: Reactivity of cement  
constituents - Heat of hydration

and bound water content  
methods; German version  
EN 196-12:2024

**DIN EN 509**

Decorative fuel-effect gas  
appliances; German version  
EN 509:2024

**DIN EN 754-2**

Aluminium and aluminium  
alloys - Cold drawn rod/bar and  
tube - Part 2: Mechanical  
properties; German version  
EN 754-2:202

**DIN EN 934-7**

Admixtures for concrete, mortar  
and grout - Part 7: Shrinkage  
reducing admixtures -  
Definitions, requirements,  
conformity, marking and  
labelling; German version  
EN 934-7:2024

**DIN EN 1058**

Wood-based panels -  
Determination of characteristic  
5-percentile values and  
characteristic mean values;  
German version EN 1058:2024

**DIN EN 1302**

Chemicals used for treatment of  
water intended for human  
consumption - Aluminium-  
based coagulants - Analytical  
methods; German version  
EN 1302:2024

**DIN EN 1482-1**

Fertilizers, liming materials and  
inhibitors - Sampling and  
sample preparation - Part 1:  
General sampling provisions;  
German version EN 1482-  
1:2024

**DIN EN 1482-2**

Fertilizers, liming materials and  
inhibitors - Sampling and  
sample preparation - Part 2:

General sample preparation provisions; German version EN 1482-2:2024 <b>DIN EN 1482-3</b> Fertilizers, liming materials and inhibitors - Sampling and sample preparation - Part 3: Sampling of static heaps; German version EN 1482-3:2024 <b>DIN EN 1657</b> Chemical disinfectants and antiseptics - Quantitative suspension test for the evaluation of fungicidal or yeasticidal activity of chemical disinfectants and antiseptics used in the veterinary area - Test method and requirements (phase 2, step 1); German version EN 1657:2024 <b>DIN EN 1846-2</b> Firefighting and rescue service vehicles - Part 2: Common requirements - Safety and performance; German version EN 1846-2:2024 <b>DIN EN 1860-1</b> Appliances, solid fuels and firelighters for barbecuing - Part 1: Barbecues burning solid fuels - Requirements and test methods; German version EN 1860-1:2024 <b>DIN EN 10216-2</b> Seamless steel tubes for pressure purposes - Technical delivery conditions - Part 2: Non-alloy and alloy steel tubes with specified elevated temperature properties; German version EN 10216-2:2024	<b>DIN EN 10265</b> Magnetics materials - Specification for electrical steel strip and sheet with specified mechanical properties and magnetic polarisation; German version EN 10265:2024 <b>DIN EN 12122</b> Chemicals used for treatment of water intended for human consumption - Ammonia solution; German version EN 12122:2024 <b>DIN EN 12390-18</b> Testing hardened concrete - Part 18: Determination of the chloride migration coefficient; German version EN 12390-18:2021+A1:2024 <b>DIN EN 12697-2</b> Bituminous mixtures - Test methods - Part 2: Determination of particle size distribution; German version EN 12697-2:2024 <b>DIN EN 12697-16</b> Bituminous mixtures - Test methods - Part 16: Abrasion by studded tyres; German version EN 12697-16:2024 <b>DIN EN 12814-8</b> Testing of welded joints of thermoplastics semi-finished products - Part 8: Requirements; German version EN 12814-8:2024 <b>DIN EN 12845-2</b> Fixed firefighting systems - Automatic sprinkler systems - Part 2: Design and installation of ESFR and CMSA sprinkler systems; German version EN 12845-2:2024	<b>DIN EN 12978</b> Industrial, commercial and garage doors and gates and pedestrian doorsets - Protective devices for power operated doors and gates - Requirements and test methods; German version EN 12978:2024 <b>DIN EN 13031-2</b> Greenhouses - Design and construction - Part 2: Greenhouses open to the public; German version EN 13031-2:2024 <b>DIN EN 13160-2</b> Leak detection systems - Part 2: Requirements and test/assessment methods for pressure and vacuum systems; German version EN 13160-2:2016+A1:2024 <b>DIN EN 13160-3</b> Leak detection systems - Part 3: Requirements and test/assessment methods for liquid systems for tanks; German version EN 13160-3:2016+A1:2024 <b>DIN EN 13226</b> Wood flooring - Solid parquet elements with grooves and/or tongues; German version EN 13226:2024 <b>DIN EN 13261</b> Railway applications - Wheelsets and bogies - Axles - Product requirements; German version EN 13261:2024 <b>DIN EN 14071</b> LPG equipment and accessories - Pressure relief valves for LPG pressure
--	---	--

vessels - Ancillary equipment;  
German version EN 14071:2024  
**DIN EN 14129**

LPG Equipment and  
accessories - Pressure relief  
valves for LPG pressure vessels;  
German version EN 14129:2024  
**DIN EN 14538**

Fat and oil derivatives - Fatty  
acid methyl ester (FAME) -  
Determination of Ca, Mg, Na, K  
and P content by optical  
emission spectral analysis with  
inductively coupled plasma  
(ICP OES); German version  
EN 14538:2025

**DIN EN 14750**  
Railway applications - Air  
conditioning for urban,  
suburban and regional rolling  
stock - Comfort parameters and  
type tests; German version  
EN 14750:2024

**DIN EN 14908-6**  
Open Data Communication in  
Building Automation, Controls  
and Building Management -  
Control Network Protocol -  
Part 6: Application elements;  
English version EN 14908-  
6:2022

**DIN EN 14908-7**  
Open communication in  
building automation, controls  
and building management -  
Control Network Protocol -  
Part 7: Communication via  
internet protocols; English  
version EN 14908-7:2019

**DIN EN 14908-8**  
Open Date Communication in  
Building Automation, Controls  
and Building Management -  
Control Network Protocol -  
Part 8: Communication using

Broadband over Power Line  
Networks - with internet  
protocols; English version  
EN 14908-8:2021  
**DIN EN 14908-9**  
Open Data Communication in  
Building Automation, Controls  
and Building Management -  
Control Network Protocol -  
Part 9: Wireless Communication  
in ISM bands; English version  
EN 14908-9:2021

**DIN EN 15266**  
Stainless steel pliable  
corrugated tubing kits for gas  
installation pipework with an  
operating pressure up to  
0,2 MPa (2 bar); German  
version EN 15266:2024

**DIN EN 15553**  
Petroleum products and related  
materials - Determination of  
hydrocarbon types -  
Fluorescent indicator  
adsorption method; German  
version  
EN 15553:2021+A1:2024

**DIN EN 15663**  
Railway applications - Vehicle  
reference masses; German  
version  
EN 15663:2017+A2:2024

**DIN EN 16214-1**  
Sustainability and greenhouse  
gas emission saving criteria for  
biomass for energy  
applications - Principles,  
criteria, indicators and  
verifiers - Part 1: Terminology;  
German version EN 16214-  
1:2024

**DIN EN 16214-3**  
Sustainability and greenhouse  
gas emission saving criteria for

biomass for energy  
applications - Principles,  
criteria, indicators and  
verifiers - Part 3: Sustainability  
criteria related to  
environmental aspects; German  
version EN 16214-3:2024

**DIN EN 16466-1**  
Food authenticity - Isotopic  
analysis of acetic acid and water  
in vinegar - Part 1: <sup>2</sup>H-NMR  
analysis of acetic acid; German  
version EN 16466-1:2024

**DIN EN 16631**  
LPG equipment and  
accessories - Pressure relief  
valves for LPG pressure  
vessels - Reconditioning  
requirements; German version  
EN 16631:2025

**DIN EN 16916**  
Materials obtained from End-of-  
Life Tyres - Determination of  
specific requirements for  
sampling and determination of  
moisture content using the  
oven-dry method; German  
version EN 16916:2024

**DIN EN 17109**  
Mountaineering equipment -  
Individual safety systems for  
rope courses - Safety  
requirements and test methods;  
German version  
EN 17109:2020+A1:2024

**DIN EN 17122**  
Chemical disinfectants and  
antiseptics - Quantitative non-  
porous surface test for the  
evaluation of virucidal activity  
of chemical disinfectants and  
antiseptics used in the

<p>veterinary area - Test method and requirements - Phase 2, step 2; German version EN 17122:2019+A1:2024</p>	<p>Design and construction of backfilled and grouted borehole heat exchangers; German version EN 17522:2023</p>	<p>(LC-IRMS); German version EN 17958:2024</p>
<p><b>DIN EN 17184</b> Intelligent transport systems - eSafety - eCall High level application protocols (HLAP) using IP Multimedia Subsystem (IMS) over packet switched networks; German version EN 17184:2024</p>	<p><b>DIN EN 17530</b> Railway applications - Interior glazing for rail vehicles; German version EN 17530:2022+A1:2024</p>	<p><b>DIN EN 17972</b> Food authenticity - Food authenticity and fraud - Concepts, terms and definitions; German version EN 17972:2024</p>
<p><b>DIN EN 17188</b> Materials obtained from End-of-Life Tyres (ELT) - Sampling method for granulates and powders stored in big-bags and small-bags; German version EN 17188:2024</p>	<p><b>DIN EN 17928-1</b> Gas infrastructure - Injection stations - Part 1: General requirements; German version EN 17928-1:202</p>	<p><b>DIN EN 17978</b> Products used for treatment of water intended for human consumption and swimming pool water - Glass beads and glass granulate; German version EN 17978:2024</p>
<p><b>DIN EN 17189</b> Materials obtained from End-of-Life Tyres (ELT) - Determination of the true density of granulates and powders - Method based on water pycnometry; German version EN 17189:2024</p>	<p><b>DIN EN 17928-2</b> Gas infrastructure - Injection stations - Part 2: Specific requirements regarding the injection of biomethane; German version EN 17928-2:2024</p>	<p>DIN EN 17984-1 Assistance dogs - Part 1: Vocabulary; German version EN 17984-1:2024</p>
<p><b>DIN EN 17339</b> Transportable gas cylinders - Hoop wrapped and fully wrapped carbon composite cylinders and tubes for hydrogen; German version EN 17339:2024</p>	<p><b>DIN EN 17928-3</b> Gas infrastructure - Injection stations - Part 3: Specific requirements regarding the injection of hydrogen; German version EN 17928-3:2024</p>	<p><b>DIN EN 17984-6</b> Assistance dogs - Part 6: Accessibility and universal access; German version EN 17984-6:2024</p>
<p><b>DIN EN 17451</b> Fixed firefighting systems - Automatic sprinkler systems - Design, assembly, installation and commissioning of pump sets; German version EN 17451:2024</p>	<p><b>DIN EN 17930</b> Hyperloop Systems Aspects - Reference Architecture; German version EN 17930:2024</p>	<p><b>DIN EN 18031-2</b> Common security requirements for radio equipment - Part 2: Radio equipment processing data, namely Internet connected radio equipment, childcare radio equipment, toys radio equipment and wearable radio equipment; German version EN 18031-2:2024</p>
<p><b>DIN EN 17522</b> Fixed firefighting systems - Automatic sprinkler systems - Design, assembly, installation and commissioning of pump sets; German version EN 17451:2024</p>	<p><b>DIN EN 17948</b> Maintenance management and functions; German version EN 17948:2024</p>	<p><b>DIN EN 18033</b> Food authenticity - Quantitation of equine DNA relative to mammalian DNA in raw beef (meat); German version EN 18033:202</p>
<p><b>DIN EN 17522</b> Fixed firefighting systems - Automatic sprinkler systems - Design, assembly, installation and commissioning of pump sets; German version EN 17451:2024</p>	<p><b>DIN EN 17958</b> Food authenticity - Determination of the <math>\delta^{13}\text{C}</math> value of mono- (fructose and glucose), di-, and trisaccharides in honey by liquid chromatography-</p>	<p><b>DIN EN 18051</b> Automotive fuels - Determination of content of</p>
<p><b>DIN EN 17522</b> Fixed firefighting systems - Automatic sprinkler systems - Design, assembly, installation and commissioning of pump sets; German version EN 17451:2024</p>	<p>isotope ratio mass spectrometry</p>	<p></p>

<p>butoxy-benzene in middle distillates - Gas chromatographic method using a flame ionization detector (GC-FID); German version EN 18051:2024</p> <p><b>DIN EN IEC 62325-451-8</b> Framework for energy market communications - Part 451-8: HVDC Scheduling process, contextual and assembly models for European style market (IEC 62325-451-8:2022); English version EN IEC 62325-451-8:2022</p> <p><b>DIN EN ISO 683-7</b> Heat-treatable steels, alloy steels and free-cutting steels - Part 7: Bright products of non-alloy and alloy steels (ISO 683-7:2023); German version EN ISO 683-7:2024</p> <p><b>DIN EN ISO/IEC 2382-37</b> Information technology - Vocabulary - Part 37: Biometrics (ISO/IEC 2382-37:2022); Trilingual version EN ISO/IEC 2382-37:2023</p> <p><b>DIN EN ISO 4628-3</b> Paints and varnishes - Evaluation of quantity and size of defects, and of intensity of uniform changes in appearance - Part 3: Assessment of degree of rusting (ISO 4628-3:2024); German version EN ISO 4628-3:2024</p> <p><b>DIN EN ISO 7010/A7</b> Graphical symbols - Safety colours and safety signs - Registered safety signs - Amendment 7 (ISO 7010:2019/Amd 7:2023); German version EN ISO 7010:2020/A7:2024</p> <p><b>DIN EN ISO 7010/A8</b></p>	<p>Graphical symbols - Safety colours and safety signs - Registered safety signs - Amendment 8 (ISO 7010:2019/Amd 8:2024); German version EN ISO 7010:2020/A8:2024</p> <p><b>DIN EN ISO 7197</b> Neurosurgical implants - Sterile, single-use hydrocephalus shunts (ISO 7197:2024); German version EN ISO 7197:2024</p> <p><b>DIN EN ISO 8502-15</b> Preparation of steel substrates before application of paints and related products - Tests for the assessment of surface cleanliness - Part 15: Extraction of soluble contaminants for analysis by acid extraction (ISO 8502-15:2020); German version EN ISO 8502-15:2024</p> <p><b>DIN EN ISO 8504-4</b> Preparation of steel substrates before application of paints and related products - Surface preparation methods - Part 4: Acid pickling (ISO 8504-4:2022); German version EN ISO 8504-4:2024</p> <p><b>DIN EN ISO 10319</b> Geosynthetics - Wide-width tensile test (ISO 10319:2024); German version EN ISO 10319:2024</p> <p><b>DIN EN ISO 11127-8</b> Preparation of steel substrates before application of paints and related products - Test methods for non-metallic blast-cleaning abrasives - Part 8: Field determination of water-soluble chlorides (ISO 11127-8:2020);</p>	<p>German version EN ISO 11127-8:2024</p> <p><b>DIN EN ISO 12312-1/A11</b> Eye and face protection - Sunglasses and related eyewear - Part 1: Sunglasses for general use (ISO 12312-1:2022); German version EN ISO 12312-1:2022/A11:2024</p> <p><b>DIN EN ISO 12572</b> Hygrothermal performance of building materials and products - Determination of water vapour transmission properties - Cup method (ISO 12572:2016 + Amd 1:2024); German version EN ISO 12572:2016 + A1:2024</p> <p><b>DIN EN ISO 12957-2</b> Geosynthetics - Determination of friction characteristics - Part 2: Inclined plane test (ISO 12957-2:2024); German version EN ISO 12957-2:2024</p> <p><b>DIN EN ISO 13997</b> Protective clothing - Mechanical properties - Determination of resistance to cutting by sharp objects (ISO 13997:2024); German version EN ISO 13997:2024</p> <p><b>DIN EN ISO 14071</b> Environmental management - Life cycle assessment - Critical review processes and reviewer competencies (ISO 14071:2024); German version EN ISO 14071:2024</p> <p><b>DIN EN ISO 14356</b> Dentistry - Duplicating material (ISO 14356:2024); German version EN ISO 14356:2024</p> <p><b>DIN EN ISO 15156-1</b></p>
---	---	---

<p>Petroleum and natural gas industries - Materials for use in H<sub>2</sub>S-containing environments in oil and gas production - Part 1: General principles for selection of cracking-resistant materials (ISO 15156-1:2020); German version EN ISO 15156-1:202</p>	<p><b>DIN EN ISO 18562-1</b> Biocompatibility evaluation of breathing gas pathways in healthcare applications - Part 1: Evaluation and testing within a risk management process (ISO 18562-1:2024); German version EN ISO 18562-1:2024</p>	<p><b>DIN EN ISO 19397</b> Paints and varnishes - Determination of the film thickness of coatings using an ultrasonic gauge (ISO 19397:2024); German version EN ISO 19397:2024</p>
<p><b>DIN EN ISO 15156-2</b> Petroleum and natural gas industries - Materials for use in H<sub>2</sub>S-containing environments in oil and gas production - Part 2: Cracking-resistant carbon and low-alloy steels, and the use of cast irons (ISO 15156-2:2020); German version EN ISO 15156-2:2020</p>	<p><b>DIN EN ISO 18562-2</b> Biocompatibility evaluation of breathing gas pathways in healthcare applications - Part 2: Tests for emissions of particulate matter (ISO 18562-2:2024); German version EN ISO 18562-2:2024</p>	<p><b>DIN EN ISO 20957-1</b> Stationary training equipment - Part 1: General safety requirements and test methods (ISO 20957-1:2024); German version EN ISO 20957-1:2024</p>
<p><b>DIN EN ISO 15156-3</b> Petroleum and natural gas industries - Materials for use in H<sub>2</sub>S-containing environments in oil and gas production - Part 3: Cracking-resistant CRAs (corrosion-resistant alloys) and other alloys (ISO 15156-3:2020); German version EN ISO 15156-3:2020</p>	<p><b>DIN EN ISO 18562-3</b> Biocompatibility evaluation of breathing gas pathways in healthcare applications - Part 3: Tests for emissions of volatile organic substances (ISO 18562-3:2024); German version EN ISO 18562-3:2024</p>	<p><b>DIN EN ISO 22301/A1</b> Security and resilience - Business continuity management systems - Requirements - Amendment 1: Climate action changes (ISO 22301:2019/Amd 1:2024); German version EN ISO 22301:2019/A1:2024</p>
<p><b>DIN EN ISO 16486-2</b> Plastics piping systems for the supply of gaseous fuels - Unplasticized polyamide (PA-U) piping systems with fusion jointing and mechanical jointing - Part 2: Pipes (ISO 16486-2:2024); German version EN ISO 16486-2:2024</p>	<p><b>DIN EN ISO 18562-4</b> Biocompatibility evaluation of breathing gas pathways in healthcare applications - Part 4: Tests for leachables in condensate (ISO 18562-4:2024); German version EN ISO 18562-4:2024</p>	<p><b>DIN EN ISO 22459</b> Fine ceramics (advanced ceramics, advanced technical ceramics) - Reinforcement of ceramic composites - Determination of distribution of tensile strength and tensile strain to failure of filaments within a multifilament tow at ambient temperature (ISO 22459:2024); German version EN ISO 22459:2024</p>
<p><b>DIN EN ISO 17855-2</b> Plastics - Polyethylene (PE) moulding and extrusion materials - Part 2: Preparation of test specimens and determination of properties (ISO 17855-2:2024); German version EN ISO 17855-2:2024</p>	<p><b>DIN EN ISO 19069-2</b> Plastics - Polypropylene (PP) moulding and extrusion materials - Part 2: Preparation of test specimens and determination of properties (ISO 19069-2:2024); German version EN ISO 19069-2:2024</p>	<p><b>DIN EN ISO 25539-3</b> Cardiovascular implants - Endovascular devices - Part 3: Vena cava filters (ISO 25539-3:2024); German version EN ISO 25539-3:2024</p>
	<p><b>DIN EN ISO 19103</b> Geographic information - Conceptual schema language (ISO 19103:2024); English version EN ISO 19103:2024</p>	<p><b>DIN EN ISO 52120-1</b> Energy performance of buildings - Contribution of building automation, controls and building management -</p>

Part 1: General framework and procedures (ISO 52120-1:2021, Corrected version 2022-09); German version EN ISO 52120-1:2022 <b>DIN EN ISO 56001</b>	Travel risk management - Guidance for organizations (ISO 31030:2021) <b>DIN ISO 50006</b>	Standard for Air Fresheners and Deodorizers <b>UL 299 Edition 12, 2025</b>
Innovation management system - Requirements (ISO 56001:2024); German version EN ISO 56001:2024 <b>DIN EN ISO 80601-2-79</b>	Energy management systems - Evaluating energy performance using energy performance indicators and energy baselines (ISO 50006:2023)	Standard for Dry Chemical Fire Extinguishers <b>UL 385 Edition 10, 2025</b>
Medical electrical equipment - Part 2-79: Particular requirements for basic safety and essential performance of ventilatory support equipment for ventilatory impairment (ISO 80601-2-79:2024); German version EN ISO 80601-2-79:2024 <b>DIN EN ISO 80601-2-80</b>	<b>❖ <u>Tiêu chuẩn của Hiệp hội các phòng thử nghiệm được ủy quyền Mỹ (UL)</u></b>	Standard for Play Pipes for Water Supply Testing in Fire Protection Service <b>UL 482 Edition 9, 2025</b>
Medical electrical equipment - Part 2-80: Particular requirements for basic safety and essential performance of ventilatory support equipment for ventilatory insufficiency (ISO 80601-2-80:2024); German version EN ISO 80601-2-80:2024 <b>DIN ISO 939</b>	<b>UL 8 Edition 7, 2025</b>	Standard for Portable Sun/Heat Lamps <b>UL 486A- 486B Edition 4, 2025</b>
Spices and condiments - Determination of moisture content (ISO 939:2021) <b>DIN ISO 11669</b>	Standard for Water Based Agent Fire Extinguishers <b>UL 30 Edition 10, 2025</b>	Wire Connectors, 2025 <b>UL 489 Edition 14, 2025</b>
Translation projects - General guidance (ISO 11669:2024) <b>DIN ISO 16000-42</b>	Metallic and Nonmetallic Safety Cans for Flammable and Combustible Liquids <b>UL 47 Edition 7, 2025</b>	Standard for Molded-Case Circuit Breakers, Molded-Case Switches and Circuit-Breaker Enclosures <b>UL 498B Edition 1, 2025</b>
Indoor air - Part 42: Measurement of the particle number concentration by condensation particle counters (ISO 16000-42:2023) <b>DIN ISO 31030</b>	Semiautomatic Fire Hose Storage Devices <b>UL 73 Edition 10, 2025</b>	Receptacles with Integral Switching Means <b>UL 507 Edition 10, 2025</b>
	Standard for Motor-Operated Appliances <b>UL 154 Edition 9, 2025</b>	Standard for Electric Fans <b>UL 536 Edition 11, 2025</b>
	Carbon-Dioxide Fire Extinguishers <b>UL 174 Edition 11, 2025</b>	Flexible Metallic Hose <b>UL 555 Edition 7, 2025</b>
	Standard for Household Electric Storage Tank Water Heaters <b>UL 207 Edition 9, 2025</b>	Standard for Fire Dampers <b>UL 583 Edition 11, 2025</b>
	Refrigerant-Containing Components and Accessories, Nonelectrical <b>UL 217 Edition 10, 2025</b>	ANSI/CAN/UL Standard for Electric-Battery-Powered Industrial Trucks <b>UL 626 Edition 8, 2025</b>
	Standard for Smoke Alarms <b>UL 268 Edition 8, 2025</b>	Water Fire Extinguishers <b>UL 634 Edition 9, 2025</b>
	Smoke Detectors for Fire Alarm Systems <b>UL 283 Edition 4, 2025</b>	Standard for Connectors and Switches for Use with Burglar-Alarm Systems <b>UL 635 Edition 3, 2025</b>
		Standard for Insulating Bushings <b>UL 668 Edition 11, 2025</b>

Hose Valves for Fire-Protection Service <b>UL 719 Edition 13, 2025</b> Standard for Nonmetallic-Sheathed Cables <b>UL 723 Edition 11, 2025</b> Standard for Test for Surface Burning Characteristics of Building Materials <b>UL 746C Edition 7, 2025</b> Standard for Polymeric Materials - Use in Electrical Equipment Evaluations <b>UL 779 Edition 9, 2025</b> Electrically Conductive Floorings <b>UL 891 Edition 12, 2025</b> Standard for Switchboards <b>UL 962 Edition 5, 2025</b> Household and Commercial Furnishings <b>UL 962A Edition 6, 2025</b> Furniture Power Distribution Units <b>UL 979 Edition 4, 2025</b> Water Treatment Appliances <b>UL 985 Edition 6, 2025</b> Standard for Household Fire Warning System Units <b>UL 1008B Edition 3, 2025</b> Outline of Investigation for Source Interconnection Switches <b>UL 1008M Edition 1, 2025</b> Transfer Switch Equipment, Meter-Mounted <b>UL 1008S Edition 1, 2025</b> Standard for Solid-State Transfer Switches <b>UL 1017 Edition 11, 2025</b> Standard for Vacuum Cleaners, Blower Cleaners, and Household Floor Finishing Machines <b>UL 1022 Edition 6, 2025</b> Line Isolation Monitors	UL 1026 Edition 6, 2025 Standard for Electric Household Cooking and Food Serving Appliances <b>UL 1030 Edition 8, 2025</b> Standard for Sheathed Heating Elements <b>UL 1047 Edition 7, 2025</b> Standard for Isolated Power Systems Equipment <b>UL 1067 Edition 6, 2025</b> Standard for Electrically Conductive Equipment and Materials for Use in Flammable Anesthetizing Locations <b>UL 1387 Edition 2, 2025</b> Outline of Investigation for Flexible Insulated Bus <b>UL 1395 Edition 1, 2025</b> Transients Test Method <b>UL 1424 Edition 5, 2025</b> Standard for Cables for Power-Limited Fire-Alarm Circuits <b>UL 1431 Edition 3, 2025</b> Standard for Personal Hygiene and Health Care Appliances <b>UL 1479 Edition 4, 2025</b> Standard for Fire Tests of Penetration Firestops <b>UL 1484 Edition 6, 2025</b> Standard for Fuel Gas Alarms <b>UL 1690 Edition 5, 2025</b> Data-Processing Cable <b>UL 1699 Edition 3, 2025</b> Standard for Arc-Fault Circuit-Interrupters <b>UL 1805 Edition 2, 2025</b> Laboratory Hoods and Cabinets <b>UL 1836 Edition 5, 2025</b> Outline of Investigation for Electric Motors and Generators for Use in Class I, Division 2, Class I, Zone 2, Class II, Division 2 and Zone 22 Hazardous (Classified) Locations	<b>UL 1863 Edition 4, 2025</b> Standard for Communications-Circuit Accessories <b>UL 1951 Edition 3, 2025</b> Electric Plumbing Accessories <b>UL 2075 Edition 2, 2025</b> Standard for Gas and Vapor Detectors and Sensors <b>UL 2129 Edition 3, 2025</b> Halocarbon Clean Agent Fire Extinguishers <b>UL 2162 Edition 2, 2025</b> Commercial and/or Outdoor Wood-Fired Baking Ovens - Refractory Type <b>UL 2208 Edition 3, 2025</b> Standard for Solvent Distillation Units <b>UL 2231-1 Edition 2, 2025</b> Standard for Personnel Protection Systems for Electric Vehicle (EV) Supply Circuits; Part 1: General Requirements <b>UL 2231-2 Edition 2, 2025</b> Standard for Personnel Protection Systems for Electric Vehicle (EV) Supply Circuits: Particular Requirements for Protection Devices for Use in Charging Systems <b>UL 2252 Edition 1, 2025</b> Adapters for Use with Electric Vehicle Couplers <b>UL 2443 Edition 5, 2025</b> Flexible Sprinkler Hose with Fittings for Fire Protection Service <b>UL 2572 Edition 2, 2025</b> Control and communication units for mass notification systems <b>UL 2683 Edition 1, 2025</b> Electric Heating Systems for Floor and Ceiling Installation <b>UL 2808 Edition 1, 2025</b>
--	---	---

ANSI/CAN/UL Energy Monitoring Equipment UL 3703 Edition 1, 2025 Solar Trackers <b>UL 5800 Edition 1, 2025</b> ANSI/CAN/UL Battery Fire Containment Products <b>UL 5840 Edition 1, 2025</b> Electrical Systems of Battery Powered Aviation Ground Support Equipment <b>UL 8800 Edition 1, 2025</b> Horticultural Lighting Equipment And Systems <b>UL 9540 Edition 3, 2025</b> Energy Storage Systems and Equipment <b>UL 9540A Edition 5, 2025</b> Test Method for Evaluating Thermal Runaway Fire Propagation in Battery Energy Storage Systems <b>UL 9595 Edition 1, 2025</b> Factory Follow-Up on Personal Flotation Devices (PFDs) <b>UL 9595 Edition 1, 2025</b> Factory Follow-Up on Personal Flotation Devices (PFDs) <b>UL 12402- 5 Edition 1, 2025</b> Personal Flotation Devices - Part 5: Buoyancy Aids (Level 50) - Safety Requirements <b>UL 15027- 2 Edition 1, 2025</b> Immersion suits - Part 2: Abandonment Suits, Requirements Including Safety <b>UL 15027- 3 Edition 1, 2025</b> Immersion Suits - Part 3: Test Methods <b>UL 60335- 1 Edition 6, 2025</b>	Standard for Safety of Household and Similar Appliances, Part 1: General Requirements <b>UL 60335- 2-40 Edition 4, 2025</b> Household and Similar Electrical Appliances - Safety - Part 2-40: Particular Requirements for Electrical Heat Pumps, Air-Conditioners and Dehumidifiers <b>UL 60384- 14 Edition 2, 2025</b> Safety Requirements for Fixed Capacitors for Use in Electronic Equipment - Part 14: Sectional Specification: Fixed Capacitors for Electromagnetic Interference Suppression and Connection to the Supply Mains <b>UL 61131- 2 Edition 2, 2025</b> Standard for Programmable Controllers - Part 2: Equipment Requirements and Tests UL 61810- 1 Edition 1, 2025 Electromechanical Elementary Relays - Part 1: General Requirements <b>UL 62841- 2-3 Edition 1, 2025</b> Standard for Electric Motor-Operated Hand- held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-3: Particular Requirements For Hand-Held Grinders, Disc-Type Polishers And Disc-Type Sanders <b>UL 62915 Edition 1, 2025</b> Photovoltaic (PV) modules - Type approval, design and safety qualification - Retesting	<b>ULC 30 Edition 10, 2025</b> Metallic and Nonmetallic Safety Cans for Flammable and Combustible Liquids <b>ULC 135 Edition 2, 2025</b> Standard Test Method for the Determination of Combustibility Parameters of Building Materials Using an Oxygen Consumption Calorimeter (Cone Calorimeter) <b>ULC 135 Edition 2, 2025</b> Standard Test Method for the Determination of Combustibility Parameters of Building Materials Using an Oxygen Consumption Calorimeter (Cone Calorimeter) <b>ULC 338 Edition 2, 2025</b> Vehicle theft deterrent equipment and systems: electronic immobilization system and aftermarket installation requirements
---	--	---

**Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Truyền thông theo số điện thoại: (024)37564268 hoặc (024)37562608; Fax: (024)38361556; Email: ismq@tcvn.gov.vn**